

SAMSUNG

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

OH24B

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến hoạt động, các thông số kỹ thuật có thể sẽ được thay đổi mà không cần thông báo trước.

Tham khảo hướng dẫn lắp đặt để biết thêm thông tin.

Nội dung của sách hướng dẫn này có thể thay đổi để cải thiện chất lượng mà không cần thông báo.

© Samsung

Samsung sở hữu bản quyền hướng dẫn sử dụng này.

Cấm sử dụng hoặc sao chép một phần hoặc toàn bộ sách hướng dẫn này mà không có sự ủy quyền của Samsung.

Các nhãn hiệu không phải của Samsung thuộc sở hữu của các chủ sở hữu tương ứng.

Mục lục

Trước khi sử dụng sản phẩm

Lưu ý an toàn	6
Biểu tượng an toàn	6
Điện và an toàn	7
Cài đặt	8
Hoạt động	9
Làm sạch	11
Lưu trữ	11

Chuẩn bị

Kiểm tra các thành phần	12
Các thành phần	12
Các linh kiện	13
Các linh kiện	13
Mặt sau	14
Điều khiển từ xa	15
Trước khi lắp đặt sản phẩm	17
Góc nghiêng và xoay	17
Thông gió	17
Lắp đặt sản phẩm	19
Điều khiển từ xa (RS232C)	20
Kết nối cáp	20
Kết nối	23
Các mã điều khiển	24

Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

Trước khi kết nối	32
Những điểm cần kiểm tra trước khi kết nối	32
Trước khi kết nối cáp	33
Kết nối với máy tính	34
Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI	34
Kết nối sử dụng cáp HDMI	34
Kết nối với thiết bị video	35
Sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI (tối đa 1080p)	35
Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI	35
Kết nối sử dụng cáp HDMI	35
Kết nối với Hệ thống âm thanh	36
Kết nối với Cáp LAN	36
Kết nối bằng mô-đun WIFI&BT	36
Thay đổi Nguồn vào	37
Source	37
Web Browser	38
Screen Mirroring	40
Workspace	40
SMARTVIEW+	40

Sử dụng MDC

Cài đặt/Gỡ bỏ chương trình MDC	41
Cài đặt	41
Gỡ bỏ	41
Kết nối với MDC	42
Sử dụng MDC qua RS-232C (tiêu chuẩn truyền dữ liệu nối tiếp)	42

Tính năng Player

Player	43
Xem nội dung	43
Khi nội dung đang chạy	44
Trình đơn khả dụng	44
Định dạng tệp tương thích với Player	45
Schedule	49
Custom Home	50
Clone Product	51
ID Settings	52
Device ID	52
PC Connection Cable	52
Video Wall	53
Video Wall	53

Mục lục

Horizontal x Vertical	53
Screen Position	54
Format	54
Network Status	54
On/Off Timer	55
On Timer	55
Off Timer	56
Holiday Management	56
Ticker	56

Điều chỉnh màn hình

Backlight / Brightness / Contrast / Sharpness	57
Colour Temperature	58
Advanced Settings	59
Picture Enhancer	59
Colour	59
Tint (G/R)	59
White Balance	60
Gamma	60
Contrast Enhancer	60
Black Tone	60
Flesh Tone	61
Colour Space Settings	61
Input Signal Plus	61
Motion Lighting	61
Picture Options	62

Colour Tone	62
Digital Clean View	62
HDMI Black Level	62
Film Mode	62
Dynamic Backlight	62
Apply Picture Settings	63
Picture Size Settings	64
Picture Size	64
Fit to screen	64
Zoom and Position	64
Reset Picture	65

OnScreen Display

Display Orientation	66
Onscreen Menu Orientation	66
Source Content Orientation	66
Aspect Ratio	66
Screen Protection	67
Screen Saver	67
Screen Burn Protection	67

Message Display	68
Source Info	68
No Signal Message	68
MDC Message	68
Language	69
Reset OnScreen Display	69

Network

Network Status	70
Open Network Settings	70
Network Type	70
Cài đặt mạng (Có dây)	71
Cài đặt mạng (Không dây)	73
Use WPS	75
Server Network Settings	76
Connect to server	76
Verify MagicINFO Server	76
MagicInfo Mode	76
Server Access	76
FTP Mode	76
Proxy server	76

Mục lục

Embedded Server Settings	77
Embedded Server	77
Server Mode	77
Wi-Fi	77
Device Name	77

System

Accessibility	78
Voice Guide Settings	78
High Contrast	79
Enlarge	79
Start Setup	79
Touch Control	80
Touch Control	80
Admin Menu Lock	80
Time	81
Clock Set	81
NTP Settings	81
DST	81
Power On Delay	81

Auto Source Switching	82
Auto Source Switching	82
Primary Source Recovery	82
Primary Source	82
Secondary Source	82
Default Input	82
Power Control	83
Brightness Limit	83
Auto Power On	83
Max. Power Saving	83
Standby Control	83
Remote Configuration	84
Power Button	84
Power and Energy Saving	85
Brightness Reduction	85
Brightness Optimization	85
Screen Lamp Schedule	86
No Signal Power Off	86
Auto Power Off	86
Fan Settings	87
Fan Control	87
Fan Speed Setting	87
Outdoor Mode	87
External Device Manager	88
Input Device Manager	88
Device Connection Manager	89

Play via	90
Change PIN	90
Security	91
Safety Lock On	91
Button Lock	91
Screen Monitoring Lock	91
USB Auto Play Lock	92
Mobile Connection Lock	92
Remote Management	92
Secured Protocol	92
Server Security Status	92
Network Lock	93
USB Lock	93
Certificate Manager	93
General	94
Anynet+ (HDMI-CEC)	94
HDMI Hot Plug	96
Custom Logo	96
Game Mode	97
DICOM Simulation Mode	97
Director Mode	97
Adaptive Picture	97
Empty Storage	97
Reset System	98

Mục lục

Hỗ trợ

Software Update	99
Update Now	99
Apps	99
Contact Samsung	99
Terms & Privacy	100
Device Care	100
Reset All	100

Hướng dẫn xử lý sự cố

Các yêu cầu trước khi liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung	101
Kiểm tra sản phẩm	101
Kiểm tra độ phân giải và tần số	101
Kiểm tra những mục sau đây.	102
Hỏi & Đáp	106

Các thông số kỹ thuật

Thông số chung	107
Chế độ hẹn giờ cài sẵn	109

Phụ lục

Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng)	111
Không phải lỗi sản phẩm	111
Hồng học sản phẩm do lỗi của khách hàng	111
Khác	111
Ngăn chặn hiện tượng lưu ảnh	112
Hiện tượng lưu ảnh là gì?	112
Biện pháp ngăn ngừa đề xuất.	112
License	113
Thuật ngữ	114





Chương 01







Trước khi sử dụng sản phẩm

Lưu ý an toàn

Các hướng dẫn an toàn sau đây là để đảm bảo an toàn cá nhân của bạn và ngăn ngừa thiệt hại về tài sản. Vui lòng đọc những thông tin sau đây để đảm bảo sử dụng sản phẩm đúng cách.

Biểu tượng an toàn

Biểu tượng	Tên	Ý nghĩa
	Cảnh báo	Có thể xảy ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu không tuân theo các hướng dẫn.
	Thận trọng	Có thể xảy ra thương tích cá nhân hoặc thiệt hại tài sản nếu không tuân theo các hướng dẫn.
	Cấm	KHÔNG được làm việc này.
	Hướng dẫn	Làm theo các chỉ dẫn.

THẬN TRỌNG			
NGUY CƠ ĐIỆN GIẬT. KHÔNG ĐƯỢC MỞ RA.			
THẬN TRỌNG: ĐỂ GIẢM THIỂU NGUY CƠ ĐIỆN GIẬT, KHÔNG THÁO NẮP MẮY (HOẶC LƯNG MẮY). NGƯỜI SỬ DỤNG KHÔNG THỂ BẢO DƯỠNG CHI TIẾT NÀO BÊN TRONG. HÃY CHUYỂN TẤT CẢ CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG CHO NHÂN VIÊN ĐỦ TRÌNH ĐỘ.			
	Biểu tượng này chỉ ra rằng bên trong có điện áp cao. Sẽ rất nguy hiểm nếu thực hiện bất kỳ cách tiếp xúc nào với bất kỳ bộ phận nào bên trong sản phẩm này.		Điện áp AC: Điện áp định mức được đánh dấu với biểu tượng này là điện áp AC.
	Biểu tượng này báo cho bạn thông tin quan trọng liên quan tới vận hành và bảo dưỡng kèm theo sản phẩm này.		Điện áp DC: Điện áp định mức được đánh dấu với biểu tượng này là điện áp DC.
	Sản phẩm loại II: Biểu tượng này chỉ ra rằng không yêu cầu kết nối an toàn đến dây nối tiếp đất. Nếu biểu tượng này không có trên sản phẩm có dây dẫn điện lưới, sản phẩm PHẢI được đảm bảo kết nối với dây bảo vệ nối đất (mặt đất).		Thận trọng. Tham khảo các hướng dẫn sử dụng: Biểu tượng này sẽ hướng dẫn người sử dụng tham khảo tài liệu Hướng dẫn sử dụng để biết thêm thông tin liên quan đến an toàn.

Điện và an toàn

Cảnh báo

Không sử dụng dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng, hoặc ổ cắm điện bị lỏng.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Không sử dụng nhiều sản phẩm với một ổ cắm nguồn duy nhất.

- Ổ cắm nguồn bị quá nhiệt có thể gây ra hỏa hoạn.

Không chạm vào phích cắm nguồn với tay ướt. Nếu không, có thể xảy ra điện giật.

Cắm phích cắm nguồn vào hết cỡ để không bị lỏng.

- Kết nối không chặt có thể gây ra hỏa hoạn.

Cắm phích cắm nguồn vào ổ cắm nguồn được tiếp đất (chỉ các thiết bị được cách điện loại 1).

- Có thể xảy ra điện giật hoặc thương tích.

Không bẻ cong hoặc giật mạnh dây nguồn. Cẩn thận để không đặt vật nặng lên dây nguồn.

- Dây nguồn bị hỏng có thể gây ra hỏa hoạn hoặc điện giật.

Không đặt dây nguồn hoặc sản phẩm gần các nguồn nhiệt.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.

Lau sạch tất cả bụi bẩn xung quanh chân phích cắm nguồn hoặc ổ cắm nguồn bằng miếng vải khô.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn.

Thận trọng

Không rút dây nguồn trong khi sản phẩm đang được sử dụng.

- Sản phẩm có thể bị hỏng do sốc điện.

Chỉ sử dụng dây nguồn do Samsung cung cấp kèm theo sản phẩm của bạn. Không sử dụng dây nguồn với các sản phẩm khác.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.

Đảm bảo ổ cắm điện sẽ được sử dụng để cắm dây nguồn không bị cản trở.

- Phải rút dây nguồn để ngắt hoàn toàn nguồn điện vào sản phẩm khi xảy ra sự cố.
- Lưu ý rằng sản phẩm không được ngắt điện hoàn toàn bằng cách chỉ sử dụng nút nguồn trên điều khiển từ xa.

Giữ phích cắm khi rút dây nguồn khỏi ổ cắm nguồn.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Cài đặt

Cảnh báo

Không đặt nền, nhang đuổi côn trùng hoặc thuốc lá trên đỉnh sản phẩm. Không lắp đặt sản phẩm gần các nguồn nhiệt.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn.

Nhờ kỹ thuật viên lắp đặt giá treo trên tường.

- Có thể xảy ra thương tích nếu việc lắp đặt do người không đủ trình độ tiến hành.
- Chỉ sử dụng tủ được phê duyệt.

Không lắp đặt sản phẩm tại những nơi thông gió kém như giá sách hoặc hốc tường.

- Nhiệt độ bên trong tăng lên có thể gây ra hỏa hoạn.

Khi lắp đặt sản phẩm, hãy giữ sản phẩm cách tường một khoảng để sản phẩm được thông gió tốt.

— Tham khảo Hướng dẫn lắp đặt ngoài trời. (<http://displaysolutions.samsung.com>)

- Nhiệt độ bên trong tăng lên có thể gây ra hỏa hoạn.

Giữ túi nhựa đóng gói ngoài tầm với của trẻ em.

- Trẻ em có thể bị ngạt thở.

Không lắp đặt sản phẩm trên bề mặt không vững chắc hoặc rung động (giá đỡ không chắc chắn, bề mặt nghiêng, v.v.)

- Sản phẩm có thể đổ và bị hỏng và/hoặc gây ra thương tích.
- Sử dụng sản phẩm ở khu vực có độ rung quá mức có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây ra hỏa hoạn.

Không lắp đặt sản phẩm trong tầm với của trẻ em.

- Sản phẩm có thể bị đổ và làm cho trẻ bị thương.
- Vì mặt trước của sản phẩm nặng, nên hãy lắp đặt sản phẩm trên bề mặt phẳng và chắc chắn.

Dầu ăn, chẳng hạn như dầu đậu nành, có thể làm hỏng hoặc làm biến dạng sản phẩm. Không lắp đặt sản phẩm trong bếp hoặc gần kệ bếp.

Cẩn trọng trong khi lắp đặt và bảo quản

- Sau khi tháo vỏ, bạn cần lắp đặt sản phẩm trong vòng 1 giờ với độ ẩm thấp hơn hoặc bằng 60%. ([T. 33](#))
- Trong khi mở nắp hoặc lắp ráp các nội dung bên ngoài (ví dụ: kết nối thiết bị ngoại vi, cập nhật chương trình cơ sở), cần duy trì độ ẩm đã được xác định từ trước.
- Trong khi vận hành và bảo quản sản phẩm, hãy nhớ lắp vỏ.

Thận trọng

Không làm rơi sản phẩm trong khi di chuyển.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.

Không đặt úp mặt trước của sản phẩm xuống.

- Màn hình có thể bị hỏng.

Khi lắp đặt sản phẩm trên tủ hoặc trên giá, đảm bảo rằng cạnh dưới của mặt trước sản phẩm không nhô ra ngoài.

- Sản phẩm có thể đổ và bị hỏng và/hoặc gây ra thương tích.
- Chỉ lắp đặt sản phẩm trên tủ hoặc giá đúng kích thước.

Đặt sản phẩm xuống nhẹ nhàng.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.

Nếu sản phẩm được lắp đặt ở một vị trí bất thường, môi trường xung quanh đó có thể gây ra vấn đề nghiêm trọng về chất lượng. Do đó, hãy liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung trước khi lắp đặt.

- Những nơi phát sinh nhiều bụi mịn, những nơi sử dụng hóa chất, những nơi có nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, những nơi có nhiều nước hoặc hơi nước, các phương tiện vận chuyển như xe cộ, sân bay và nhà ga được sử dụng liên tục trong một thời gian dài, v.v.

Hoạt động

Cảnh báo

Có điện cao áp bên trong sản phẩm. Không tự tháo, sửa chữa hoặc sửa đổi sản phẩm.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.
- Hãy liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung để sửa chữa.

Nếu sản phẩm phát ra tiếng động bất thường, mùi khét hoặc khói, hãy rút dây nguồn ngay lập tức và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Không để trẻ em đu lên sản phẩm hoặc trèo lên đỉnh sản phẩm.

- Trẻ em có thể bị thương hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Không để vật nặng hoặc những thứ mà trẻ thích (đồ chơi, kẹo, v.v.) trên đỉnh sản phẩm.

- Sản phẩm hoặc vật nặng có thể đổ khi trẻ cố gắng với lấy đồ chơi hoặc kẹo, gây ra thương tích nghiêm trọng.

Không làm rơi các đồ vật lên sản phẩm hoặc gây ra va chạm.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.

Không di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn do cáp bị hỏng.

Nếu phát hiện rò rỉ gas, không chạm vào sản phẩm hoặc phích cắm nguồn. Đồng thời, thông gió khu vực đó ngay lập tức.

- Tia lửa điện có thể gây nổ hoặc hỏa hoạn.

Không nâng hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn do cáp bị hỏng.

Không sử dụng hoặc cất giữ các bình xịt dễ cháy nổ hoặc chất dễ cháy gần sản phẩm.

- Có thể xảy ra nổ hoặc hỏa hoạn.

Đảm bảo các lỗ thông gió không bị khăn trải bàn hoặc rèm cửa che kín.

- Nhiệt độ bên trong tăng lên có thể gây ra hỏa hoạn.

Không nhét các vật bằng kim loại (đũa, đồng xu, kẹp tóc, v.v.) hoặc các vật dễ cháy (giấy, diêm, v.v.) vào sản phẩm (qua lỗ thông gió hoặc các cổng vào/ra, v.v.).

- Đảm bảo tắt nguồn sản phẩm và rút dây nguồn khi nước hoặc các vật chất khác rơi vào sản phẩm. Sau đó, liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

Không chặn lỗ thông gió trên sản phẩm. Sản phẩm có thể hoạt động không bình thường do nguy cơ quá nhiệt.

Không thử đưa ngón tay hoặc vật gì vào trong các lỗ thông gió.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.

Thận trọng

Để màn hình hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc điểm ảnh bị khuyết.

- Kích hoạt chế độ tiết kiệm điện hoặc trình bảo vệ màn hình bằng hình ảnh chuyển động nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.

Rút dây nguồn khỏi ổ cắm nguồn nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài (trong kỳ nghỉ, v.v.).

- Bụi bẩn tích tụ kết hợp với nhiệt có thể gây ra hỏa hoạn, điện giật hoặc rò điện.

Sử dụng sản phẩm ở độ phân giải và tần số khuyến nghị.

- Thị lực của bạn có thể bị giảm.

Không lật ngược hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách giữ chân đế.

- Sản phẩm có thể đổ và bị hỏng hoặc gây ra thương tích.

Nhìn màn hình ở khoảng cách quá gần trong thời gian dài có thể làm giảm thị lực của bạn.

Để mắt bạn nghỉ ngơi trên 5 phút sau mỗi giờ sử dụng sản phẩm.

- Mắt của bạn sẽ hết mỏi.

Không chạm vào màn hình khi đã bật sản phẩm trong một thời gian dài vì màn hình sẽ trở nên nóng.

Cất giữ các phụ kiện nhỏ ngoài tầm với của trẻ em.

Hãy thận trọng khi điều chỉnh góc của sản phẩm hoặc độ cao chân đế.

- Tay hoặc ngón tay của bạn có thể bị kẹt và bị thương.
- Nghiêng sản phẩm ở góc quá lớn có thể khiến sản phẩm bị đổ và có thể gây ra thương tích.

Không đặt vật nặng lên sản phẩm.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.

Khi sử dụng tai nghe, không vặn âm lượng quá cao.

- Nghe âm thanh quá to có thể làm giảm thính lực của bạn.

Cẩn thận không để trẻ em ngậm pin trong miệng khi tháo gỡ ra từ bộ điều khiển từ xa. Cất giữ pin ở những nơi trẻ em hoặc trẻ sơ sinh không thể lấy được.

- Nếu trẻ em đã nuốt phải pin, hãy liên hệ ngay với bác sĩ của bạn.

Khi thay pin, hãy lắp đúng cực tính (+, -).

- Nếu không, pin sẽ bị hư hỏng hoặc gây hỏa hoạn, gây thương tích cho người sử dụng hoặc thiệt hại tài sản do rò rỉ hóa chất trong pin.

Chỉ sử dụng những pin đủ tiêu chuẩn chuyên dùng, không dùng chung pin mới và pin cũ cùng lúc.

- Nếu không, pin sẽ bị hư hỏng hoặc gây hỏa hoạn, gây thương tích cho người sử dụng hoặc thiệt hại tài sản do rò rỉ hóa chất trong pin.

Không được thải bỏ pin (và các pin sạc) theo cách thông thường và chúng phải được hoàn trả lại để tái chế. Khách hàng phải có trách nhiệm hoàn trả lại các pin đã qua sử dụng hoặc pin sạc để tái chế.

- Khách hàng có thể trả lại pin đã dùng hay pin sạc cho trung tâm tái chế công cộng địa phương hoặc cho các cửa hàng bán cùng loại pin hay pin sạc đó.

Làm sạch

— Hãy cẩn thận khi làm sạch vì màn hình và bên ngoài của các LCD tiên tiến dễ bị trầy xước.

— Tiến hành các bước sau khi làm sạch.

1 Tắt nguồn sản phẩm và máy tính.

2 Rút dây nguồn khỏi sản phẩm.

— Giữ cáp nguồn ở phích cắm và không chạm vào cáp với tay ướt. Nếu không, có thể xảy ra điện giật.

3 Dùng nước và miếng vải khô để lau lớp kính bảo vệ.

- Lau bằng miếng vải ẩm và sạch.

— Để loại bỏ những vết bẩn cứng đầu, hãy nhỏ một ít chất làm sạch chứa ethanol vào miếng vải để lau.

Sử dụng bàn chải để loại bỏ hết bụi bẩn trên cổng đầu vào và đầu ra.

— Để loại bỏ những vết bẩn cứng đầu, hãy nhỏ một ít chất làm sạch chứa ethanol vào miếng vải để lau.

— Nếu rửa bằng nước, hãy đảm bảo mức áp suất dưới 0.5 bar.

4 Cắm dây nguồn vào sản phẩm khi kết thúc quá trình làm sạch.

5 Bật nguồn sản phẩm và máy tính.

Lưu trữ

Do đặc tính của các sản phẩm có độ bóng cao, việc sử dụng máy làm ẩm UV ở gần có thể tạo ra các vết ố màu trắng trên sản phẩm.

— Liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng nếu cần làm sạch bên trong sản phẩm (phí dịch vụ sẽ được áp dụng).

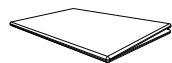
Chương 02

Chuẩn bị

Kiểm tra các thành phần

Các thành phần

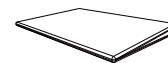
-
- Liên hệ với nhà cung cấp nơi bạn mua sản phẩm nếu có thành phần nào bị thiếu.
 - Ảnh có thể trông khác với các thành phần thực tế.
 - Chân đế không được cung cấp cùng với sản phẩm. Để lắp chân đế, bạn có thể mua riêng một chân đế.



HƯỚNG DẪN THIẾT LẬP NHANH



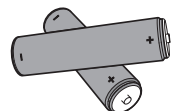
Thẻ bảo hành
(Không có ở một số khu vực)



Hướng dẫn điều chỉnh



Dây điện nguồn



Pin (AAA x 2)
(Không có ở một số khu vực)



Điều khiển từ xa

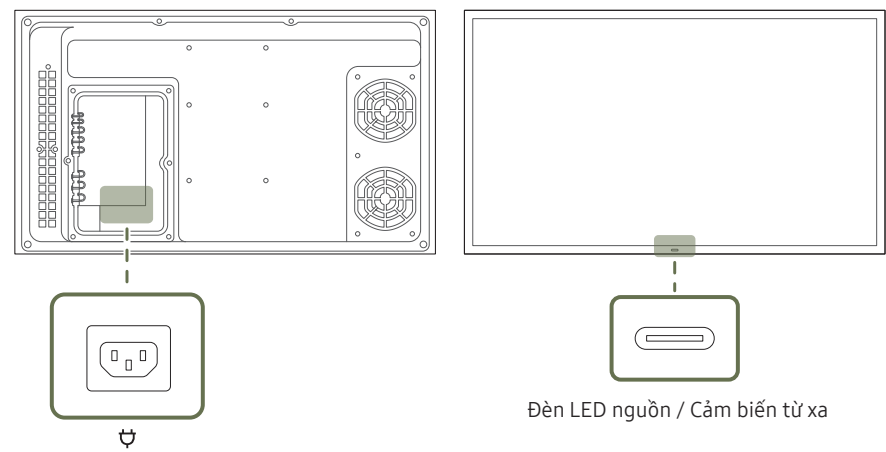


Phụ kiện mô-đun WiFi&BT bên ngoài

Các linh kiện

Các linh kiện

— Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.



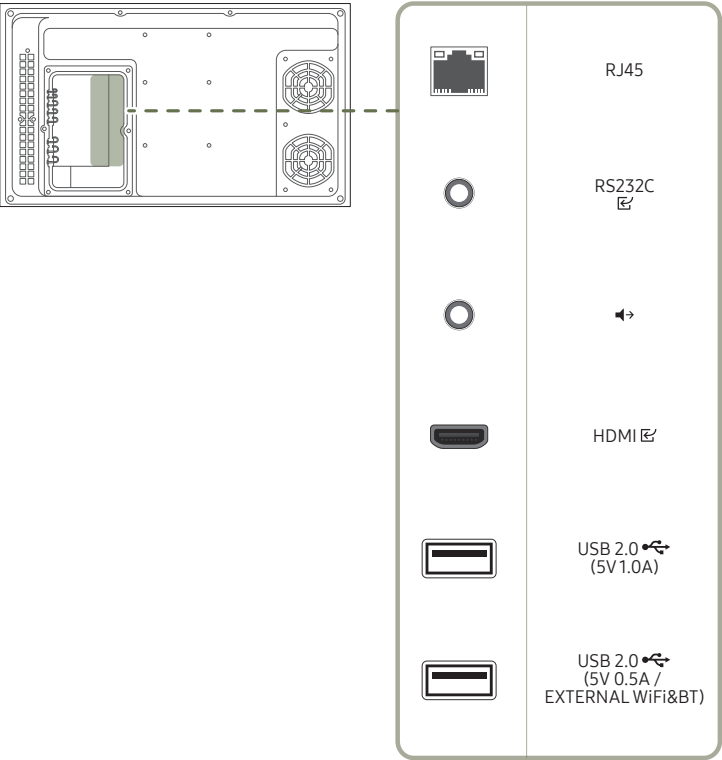
Các linh kiện	Mô tả
Cảm biến từ xa	Nhấn nút trên điều khiển từ xa trở vào cảm biến trên mặt trước của sản phẩm để thực hiện chức năng tương ứng. — Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.

Sử dụng điều khiển từ xa trong phạm vi từ 7 đến 10 m từ bộ cảm biến trên sản phẩm với một góc 30° từ bên trái và bên phải.

- Đặt pin đã sử dụng ở nơi cách xa tầm tay trẻ em và tái sử dụng.
- Không sử dụng chung pin cũ và mới. Thay cả hai pin cùng lúc.
- Tháo pin ra khi điều khiển từ xa không được sử dụng trong một thời gian dài.

Mặt sau

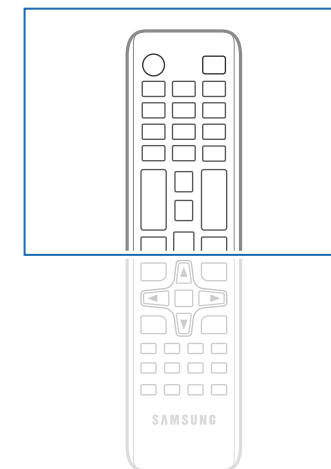
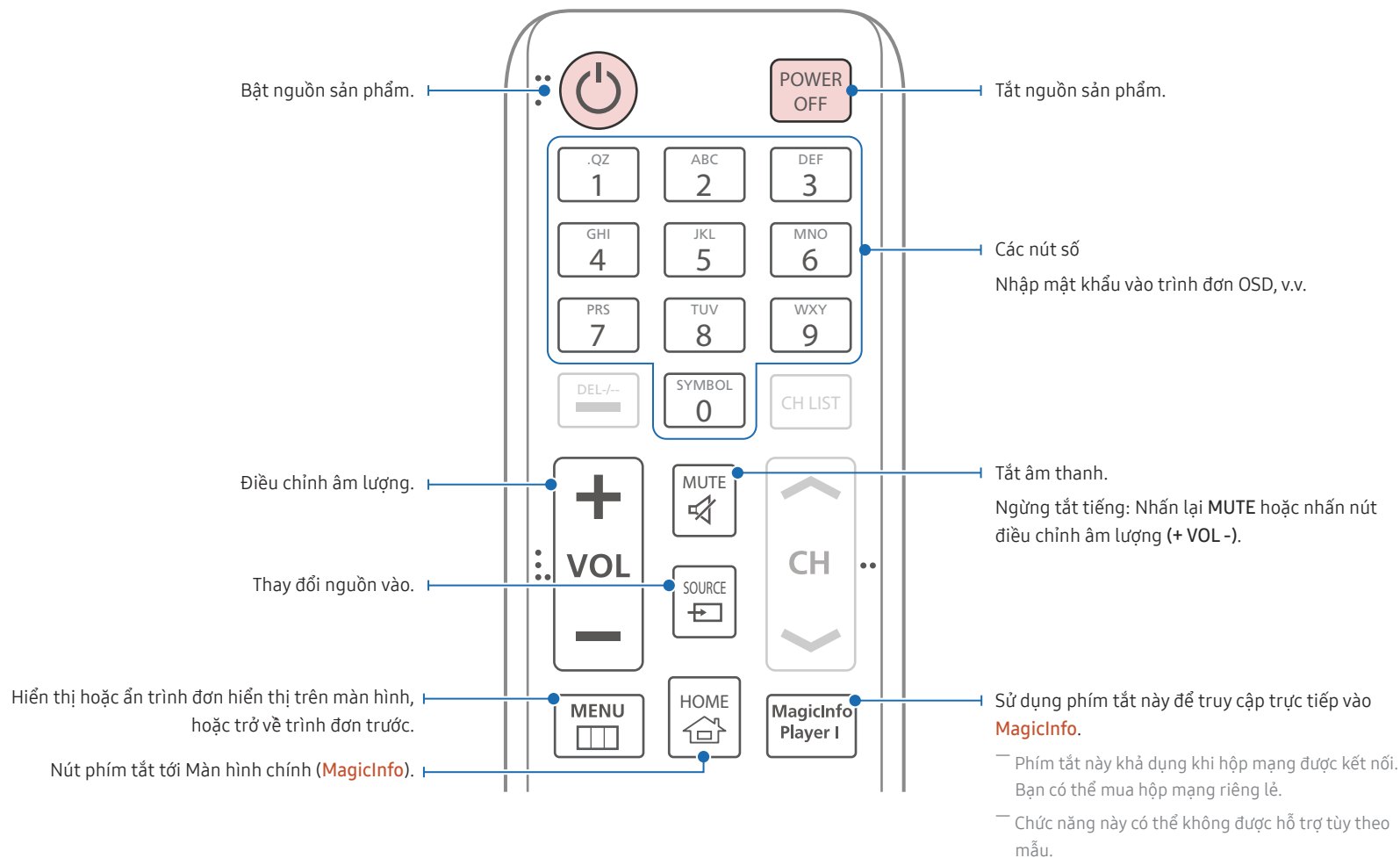
— Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.



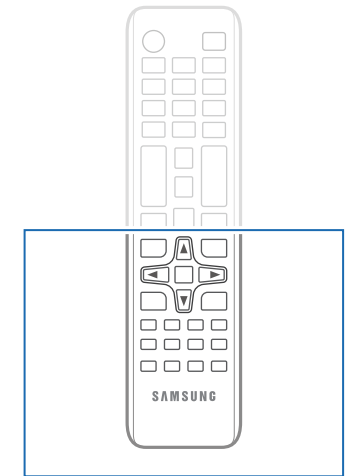
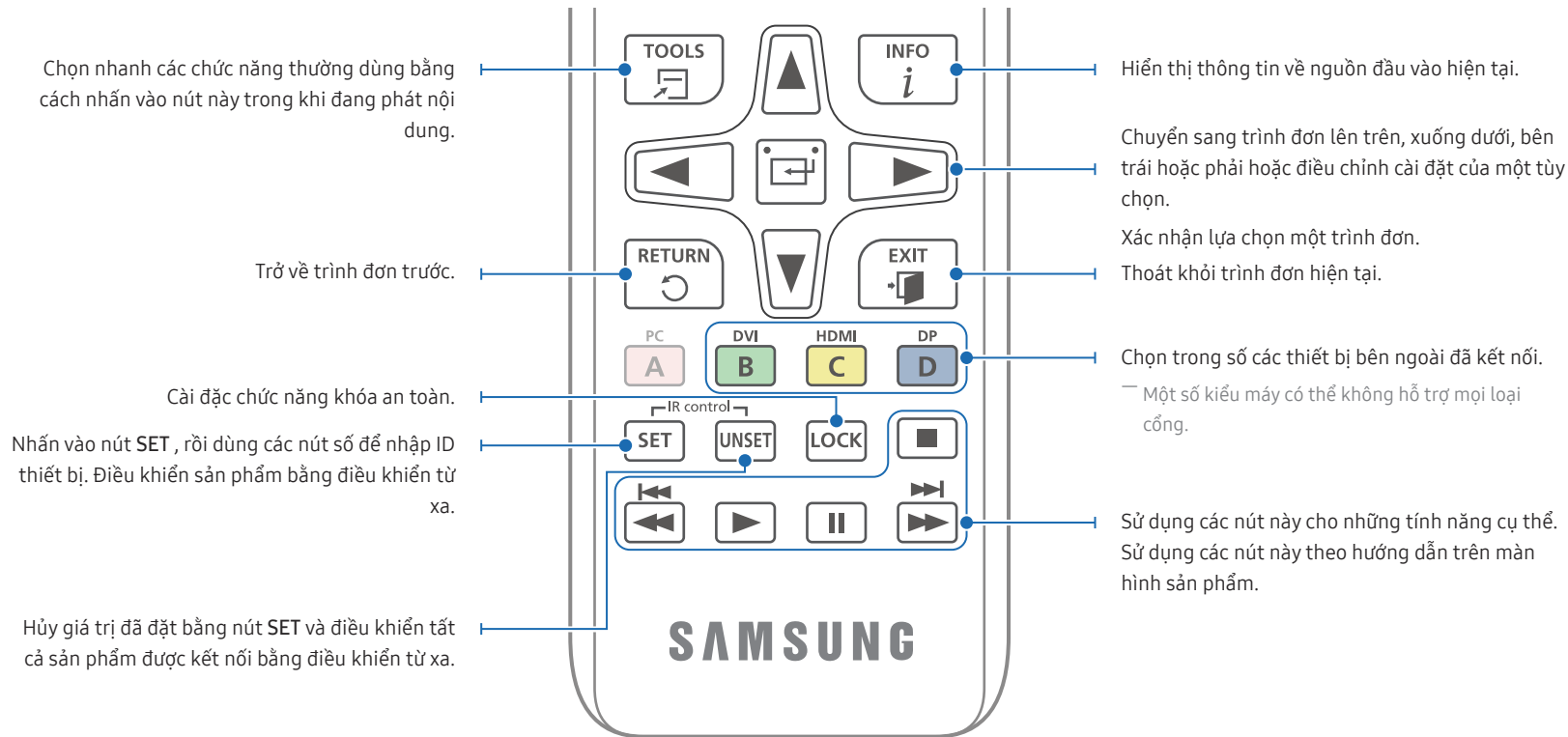
Cổng	Mô tả
RJ45	<ul style="list-style-type: none">- Cổng kết nối mạng LAN có dây được sử dụng để kết nối một thiết bị bên ngoài như máy tính xách tay để kết nối với Internet.- Kết nối với MDC và Internet bằng cáp LAN. (10/100 Mbps)
RS232C	Kết nối với MDC bằng cách sử dụng cáp RS232C.
🔊	Đưa âm thanh ra thiết bị âm thanh qua cáp âm thanh.
HDMI	Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI.
USB 2.0 (5V 1.0A)	Kết nối với thiết bị nhớ USB.
USB 2.0 (5V 0.5A / EXTERNAL WiFi&BT)	<ul style="list-style-type: none">Kết nối với thiết bị nhớ USB.- Chỉ dành riêng cho mô-đun WiFi&BT và USB 2.0 (thiết bị lưu trữ USB).- Sản phẩm không tương thích với USB 3.0.

Điều khiển từ xa

- Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.
- Nút không có mô tả trong hình ảnh bên dưới không được hỗ trợ trên sản phẩm.



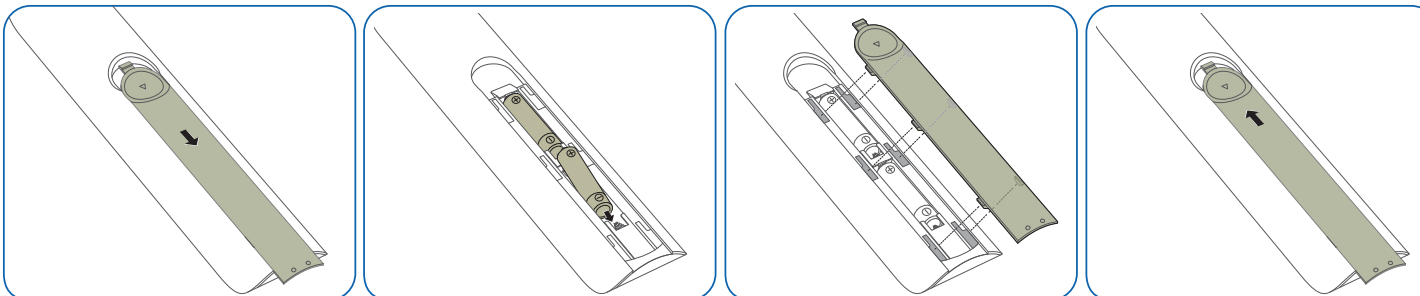
- Các tính năng của nút điều khiển từ xa có thể khác nhau đối với các sản phẩm khác nhau.



— Các tính năng của nút điều khiển từ xa có thể khác nhau đối với các sản phẩm khác nhau.

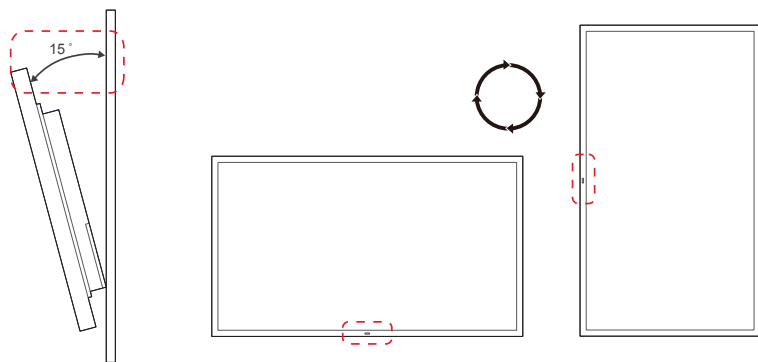
Để đặt pin vào điều khiển từ xa (AAA x 2)

— Tháo pin ra khi điều khiển từ xa không được sử dụng trong một thời gian dài.



Trước khi lắp đặt sản phẩm

Tham khảo Hướng dẫn lắp đặt ngoài trời.
(<http://displaysolutions.samsung.com>)



Để tránh thương tích, thiết bị này phải được gắn chặt vào sàn/tường theo hướng dẫn lắp đặt.

- Đảm bảo rằng công ty lắp đặt được ủy quyền lắp đặt giá treo tường.
- Nếu không, giá treo tường có thể rơi và gây ra thương tích cá nhân.
- Đảm bảo lắp đặt giá treo tường được chỉ định.

Nếu nhiệt độ sản phẩm tăng do nhiệt độ bên ngoài cao hoặc do môi trường lắp đặt sản phẩm, thì độ sáng sẽ giảm để giảm tình trạng quá nhiệt của sản phẩm và phòng ngừa tai nạn.

Góc nghiêng và xoay

— Vui lòng liên hệ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng của Samsung để biết thêm chi tiết.

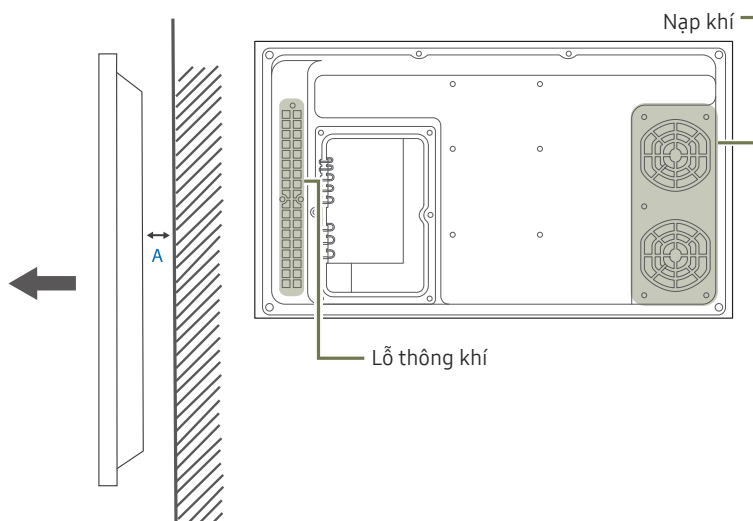
- Sản phẩm có thể đặt nằm nghiêng tới tối đa 15° so với tường thẳng đứng.
- Để sử dụng sản phẩm ở chế độ thẳng (thẳng đứng), xoay nó theo chiều kim đồng hồ sao cho đèn chỉ báo LED quay xuống phía dưới.

Thông gió

Lắp đặt trên Tường thẳng đứng

A Tối thiểu là 50 mm

— Không chặn lỗ thông gió trên sản phẩm.



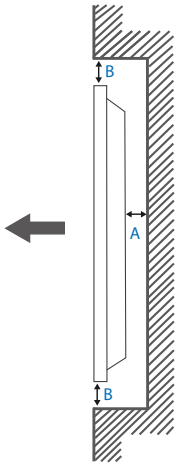
Hình 1.1 Nhìn từ bên

Lắp đặt trên Tường có vết lõm

— Vui lòng liên hệ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng của Samsung để biết thêm chi tiết.

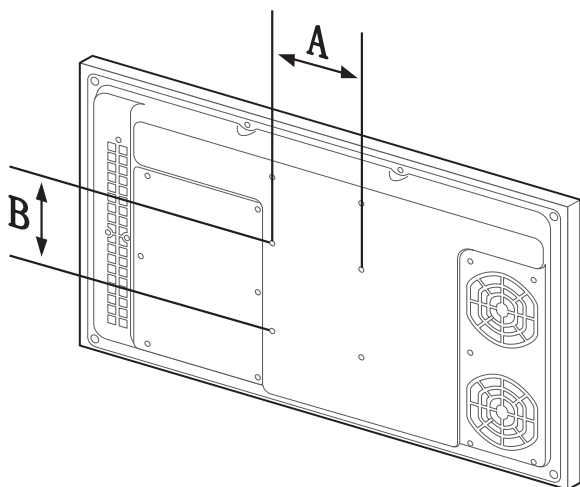
A Tối thiểu là 50 mm

B Tối thiểu là 50 mm



Hình 1.2 Nhìn từ bên

Lắp đặt sản phẩm



- Sử dụng Vít hệ mét có chiều dài không vượt quá chiều sâu được liệt kê bên dưới cộng với chiều sâu của giá đỡ. Vít quá dài có thể làm hỏng phần bên trong của sản phẩm.
- Chiều dài của vít có thể thay đổi tùy thuộc vào độ dày của giá đỡ.
Sử dụng những vít đáp ứng độ sâu tối thiểu của các lỗ lắp được chỉ định trong hướng dẫn lắp đặt.
- Không vặn vít quá chặt. Vặn quá chặt có thể làm hỏng sản phẩm hoặc khiến sản phẩm bị đổ, dẫn đến thương tích cá nhân.
- Samsung không chịu trách nhiệm đối với hư hỏng về sản phẩm hoặc thương tích về người khi sử dụng vít không tuân thủ các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn.
- Không treo sản phẩm nghiêng quá 15 độ.
- Luôn nhờ hai người lắp sản phẩm lên tường.
- Các mẫu và thông số kỹ thuật lắp đặt của sản phẩm được trình bày trong bảng bên dưới.

Đơn vị: mm

Tên mẫu sản phẩm	Thông số lỗ vít (A * B) tính bằng milimet	Vít chuẩn	Số lượng
OH24B	100 x 100	M4	4

— Bạn nhớ tắt nguồn sản phẩm khi lắp giá treo. Việc này có thể dẫn đến thương tích cá nhân do điện giật.

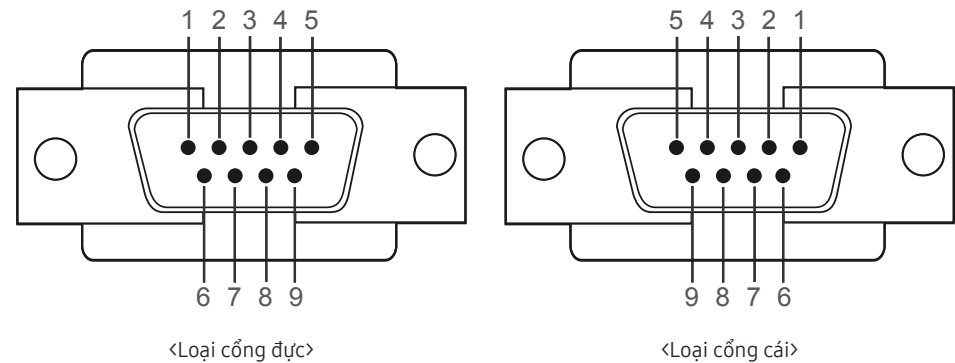
Điều khiển từ xa (RS232C)

Kết nối cáp

Cáp RS232C

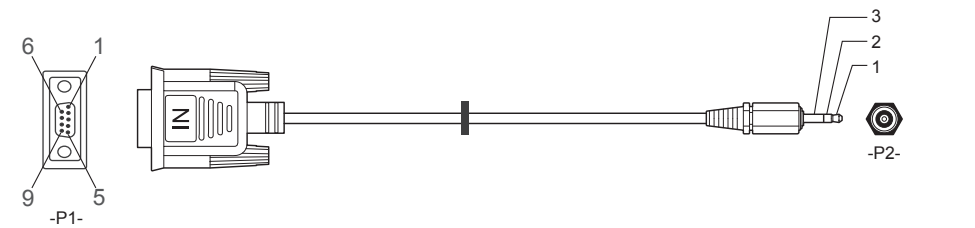
Giao diện	RS232C (9 chốt)
Chốt	TxD (Số 2), RxD (Số 3), GND (Số 5)
Tốc độ bit	9600 bit/giây
Số bit dữ liệu	8 bit
Chặn lẻ	Không
Bit dừng	1 bit
Điều khiển luồng dữ liệu	Không
Độ dài tối đa	15 m (chỉ đối với loại có tấm chắn)

- Gán chốt



Chốt	Tín hiệu
1	Dò đường truyền dữ liệu
2	Dữ liệu thu được
3	Dữ liệu truyền đi
4	Chuẩn bị cổng dữ liệu
5	Tín hiệu tiếp đất
6	Chuẩn bị gói dữ liệu
7	Gửi yêu cầu
8	Tín hiệu đã rõ ràng để gửi đi
9	Chỉ báo chuông

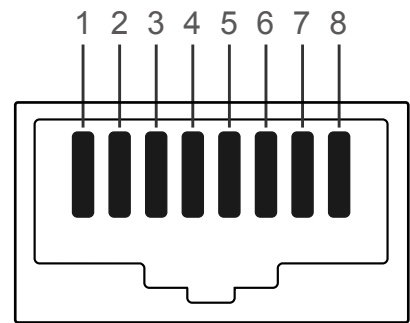
- Cáp RS232C
- Bộ kết nối: D-Sub 9 chốt với cáp stereo



-P1-	-P1-	-P2-	-P2-
Loại cổng đực Rx	3	-----	1 Tx STEREO
Tx	2	-----	2 Rx PHÍCH CẮM
Gnd	5	-----	3 Gnd (3,5ø)

Cáp mạng LAN

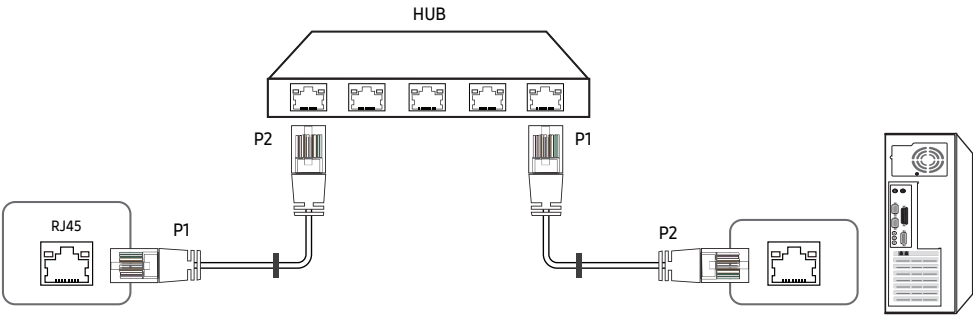
- Gán chốt



Số chốt	Màu chuẩn	Tín hiệu
1	Trắng và cam	TX+
2	Màu cam	TX-
3	Trắng và xanh lá	RX+
4	Xanh dương	NC
5	Trắng và xanh dương	NC
6	Xanh lá	RX-
7	Trắng và nâu	NC
8	Nâu	NC

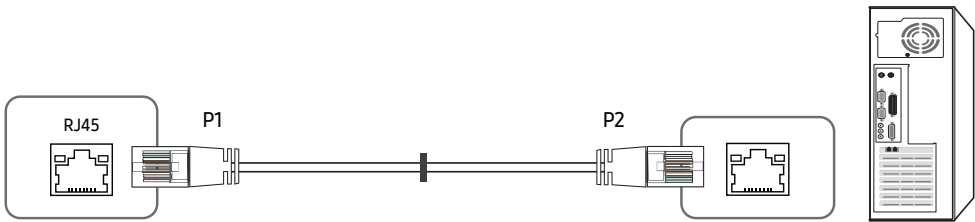
- Bộ kết nối: RJ45

Cáp LAN trực tiếp (PC đến HUB)



Tín hiệu	P1		P2	Tín hiệu
TX+	1	<----->	1	TX+
TX-	2	<----->	2	TX-
RX+	3	<----->	3	RX+
RX-	6	<----->	6	RX-

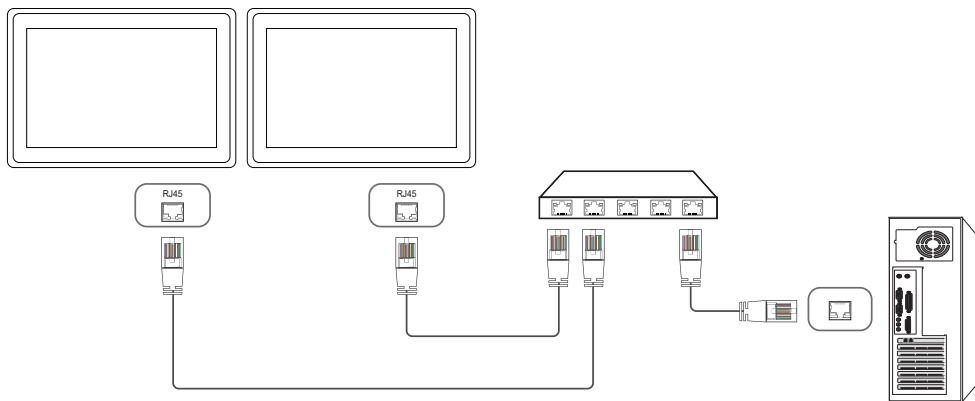
Cáp LAN chéo (PC đến PC)



Tín hiệu	P1		P2	Tín hiệu
TX+	1	<----->	3	RX+
TX-	2	<----->	6	RX-
RX+	3	<----->	1	TX+
RX-	6	<----->	2	TX-

Kết nối

— Đảm bảo là bạn kết nối mỗi bộ điều hợp với đúng cổng RJ45 trên sản phẩm.



Các mã điều khiển

Xem trạng thái điều khiển (Nhận lệnh điều khiển)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	Loại lệnh		0	

Điều khiển (Cài đặt lệnh điều khiển)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	Loại lệnh		1	Giá trị	

Lệnh

Không.	Loại lệnh	Lệnh	Dãy giá trị
1	Điều khiển nguồn	0x11	0~1
2	Điều khiển âm lượng	0x12	0~100
3	Điều khiển nguồn dữ liệu đầu vào	0x14	-
4	Điều khiển chế độ màn hình	0x18	-
5	Điều khiển kích thước màn hình	0x19	0~255
6	Điều khiển chế độ tường video	0x5C	0~1
7	Khóa an toàn	0x5D	0~1
8	Bật Tường Video	0x84	0~1
9	Điều khiển người dùng Tường Video	0x89	-

- Toàn bộ liên lạc diễn ra bằng giá trị thập lục phân. Kiểm tra tổng được tính bằng cách cộng toàn bộ giá trị trừ phần đầu trang. Nếu kiểm tra tổng cộng thêm hơn 2 chữ số như hiển thị dưới đây (11+FF+01+01=112), thì chữ số đầu tiên sẽ bị gỡ bỏ.

Ví dụ: Power On (Bật nguồn) & ID=0

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu 1	Kiểm tra tổng
0xAA	0x11		1	"Power"	
Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu 1	12
0xAA	0x11		1	1	

- Để điều khiển toàn bộ thiết bị kết nối với một cáp tuần tự liên tục không kể ID, hãy đặt ID là "0xFE" và truyền lệnh. Các lệnh được tiến hành bởi mỗi thiết bị nhưng ACK không phản ứng.

Điều khiển nguồn

- Tính năng
Có thể bật và tắt nguồn sản phẩm bằng PC.
- Xem trạng thái nguồn (Get Power ON / OFF Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x11		0	

- Cài đặt nguồn BẬT/TẮT (Set Power ON / OFF)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x11		1	"Power"	

"Power": Mã nguồn sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

1: Bật nguồn

0: Tắt nguồn

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x11	"Power"	

"Power": Mã nguồn sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x11	"ERR"	

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện.

Điều khiển âm lượng

- Tính năng
Có thể điều chỉnh âm lượng của sản phẩm bằng PC.
- Xem trạng thái âm lượng (Get Volume Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x12		0	

- Cài đặt âm lượng (Set Volume)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x12		1	"Volume"	

"Volume": Mã giá trị âm lượng sẽ được cài đặt trên sản phẩm. (0-100)

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x12	"Volume"	

"Volume": Mã giá trị âm lượng sẽ được cài đặt trên sản phẩm. (0-100)

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x12	"ERR"	

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện.

Điều khiển nguồn dữ liệu đầu vào

- Tính năng
Có thể thay đổi nguồn vào của sản phẩm bằng PC.
- Xem trạng thái nguồn tín hiệu đầu vào (Get Input Source Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x14		0	

- Cài đặt nguồn tín hiệu đầu vào (Set Input Source)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x14		1	"Input Source"	

"Input Source": Mã nguồn vào sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

0x0C	Nguồn tín hiệu vào
0x20	MagicInfo
0x21	HDMI1
0x22	HDMI1_PC
0x23	HDMI2
0x24	HDMI2_PC
0x55	HDBT

— Bạn không thể sử dụng HDMI1_PC và HDMI2_PC bằng lệnh Cài đặt. Chúng chỉ phản ứng với lệnh "Get" (Lấy).

— Nguồn đầu vào sẵn có có thể thay đổi tùy theo mẫu sản phẩm.

— MagicInfo chỉ khả dụng với mẫu có chức năng MagicInfo.

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x14	"Input Source"	

"Input Source": Mã nguồn vào sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x14	"ERR"	

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện.

Điều khiển chế độ màn hình

- Tính năng
Có thể thay đổi chế độ màn hình của sản phẩm bằng PC.
Không thể điều khiển chế độ màn hình khi chức năng Video Wall được kích hoạt.
- Xem trạng thái màn hình (Get Screen Mode Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x18		0	

- Cài đặt kích thước hình ảnh (Set Picture Size)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x18		1	"Screen Mode"	

"Screen Mode": Mã cài đặt trạng thái sản phẩm

0x01	16 : 9
0x04	Thu phóng
0x31	Thu phóng chiều rộng
0x0B	4 : 3

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x18	"Screen Mode"	

"Screen Mode": Mã cài đặt trạng thái sản phẩm

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x18	"ERR"	

"ERR": Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Điều khiển kích thước màn hình

- Tính năng
Có thể thay đổi kích cỡ màn hình của sản phẩm bằng PC.
- Xem kích thước màn hình (Get Screen Size Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x19		0	

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x19	"Screen Size"	

"Screen Size": kích cỡ màn hình sản phẩm (phạm vi: 0 - 255, đơn vị: inch)

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x19	"ERR"	

"ERR": Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Điều khiển chế độ Video Wall

- Tính năng
Chế độ **Video Wall** có thể được kích hoạt trên sản phẩm bằng cách sử dụng PC.
Điều khiển này chỉ khả dụng trên sản phẩm được bật **Video Wall**.
- Xem chế độ tường video (Get Video Wall Mode)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x5C		0	

- Cài đặt tường video (Set Video Wall Mode)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x5C		1	"Video Wall Mode"	

"Video Wall Mode": Mã dùng để bật chế độ Video Wall trên sản phẩm

1: **Full**

0: **Natural**

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x5C	"Video Wall Mode"	

"Video Wall Mode": Mã dùng để bật chế độ Video Wall trên sản phẩm

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x5C	"ERR"	

"ERR": Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Safety Lock On

- Tính năng
Bạn có thể sử dụng PC để bật hoặc tắt chức năng **Safety Lock On** trên sản phẩm.
Tính năng này vẫn hoạt động không kể bật hay tắt nguồn điện.
- Xem trạng thái khóa an toàn (Get Safety Lock Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x5D		0	

- Kích hoạt hoặc tắt kích hoạt khoá an toàn (Set Safety Lock Enable / Disable)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x5D		1	"Safety Lock"	

"Safety Lock": Mã khóa an toàn sẽ được cài đặt trên sản phẩm

1: **BẬT**

0: **TẮT**

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x5D	"Safety Lock"	

"Safety Lock": Mã khóa an toàn sẽ được cài đặt trên sản phẩm

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x5D	"ERR"	

"ERR": Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Bật Tường Video

- Tính năng
Máy tính cá nhân BẬT/TẮT Tường Video của sản phẩm.
- Nhận trạng thái bật/tắt Tường Video

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x84		0	

- Cài đặt bật/tắt Tường Video

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x84		1	V.Wall_On	

- V.Wall_On: Mã Tường Video sẽ cài đặt trên sản phẩm

1: Tường Video BẬT

0: Tường Video TẮT

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x84	V.Wall_On	

V.Wall_On : Giống như trên

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x84	ERR	

"ERR": Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Điều khiển người dùng Tường Video

- Tính năng
Máy tính cá nhân bật/tắt chức năng Tường Video của sản phẩm.
- Nhận trạng thái Tường Video

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x89		0	

- Cài đặt Tường Video

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Val1	Val2	Kiểm tra tổng
0xAA	0x89		2	Wall_Div	Wall_SNo	

Wall_Div: Mã bộ chia Tường Video được cài đặt trên sản phẩm

Mẫu Tường Video 10x10

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Tắt	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00
1	0x11	0x12	0x13	0x14	0x15	0x16	0x17	0x18	0x19	0x1A	0x1B	0x1C	0x1D	0x1E	0x1F
2	0x21	0x22	0x23	0x24	0x25	0x26	0x27	0x28	0x29	0x2A	0x2B	0x2C	0x2D	0x2E	0x2F
3	0x31	0x32	0x33	0x34	0x35	0x36	0x37	0x38	0x39	0x3A	0x3B	0x3C	0x3D	0x3E	0x3F
4	0x41	0x42	0x43	0x44	0x45	0x46	0x47	0x48	0x49	0x4A	0x4B	0x4C	0x4D	0x4E	0x4F
5	0x51	0x52	0x53	0x54	0x55	0x56	0x57	0x58	0x59	0x5A	0x5B	0x5C	0x5D	0x5E	0x5F
6	0x61	0x62	0x63	0x64	0x65	0x66	0x67	0x68	0x69	0x6A	0x6B	0x6C	0x6D	0x6E	0x6F
7	0x71	0x72	0x73	0x74	0x75	0x76	0x77	0x78	0x79	0x7A	0x7B	0x7C	0x7D	0x7E	N/A
8	0x81	0x82	0x83	0x84	0x85	0x86	0x87	0x88	0x89	0x8A	0x8B	0x8C	N/A	N/A	N/A
9	0x91	0x92	0x93	0x94	0x95	0x96	0x97	0x98	0x99	0x9A	0x9B	N/A	N/A	N/A	N/A
10	0xA1	0xA2	0xA3	0xA4	0xA5	0xA6	0xA7	0xA8	0xA9	0xAA	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
11	0xB1	0xB2	0xB3	0xB4	0xB5	0xB6	0xB7	0xB8	0xB9	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
12	0xC1	0xC2	0xC3	0xC4	0xC5	0xC6	0xC7	0xC8	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
13	0xD1	0xD2	0xD3	0xD4	0xD5	0xD6	0xD7	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
14	0xE1	0xE2	0xE3	0xE4	0xE5	0xE6	0xE7	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
15	0xF1	0xF2	0xF3	0xF4	0xF5	0xF6	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

Wall_SNo: Mã số sản phẩm được cài đặt trên sản phẩm

Mẫu Tường Video 10x10 : (1 ~ 100)

Số thứ tự	Dữ liệu
1	0x01
2	0x02
...	...
99	0x63
100	0x64

• Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Val2	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		4	'A'	0x89	Wall_Div	Wall_SNo	

• Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x89	ERR	

"ERR": Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

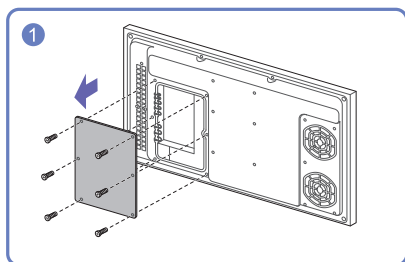
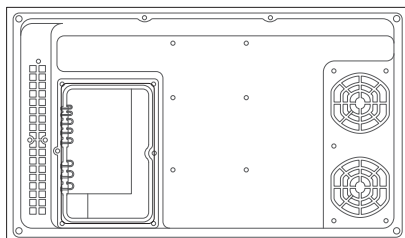
Trước khi kết nối

Những điểm cần kiểm tra trước khi kết nối

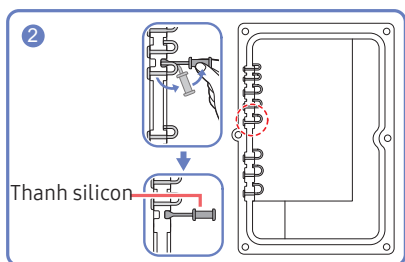
- Trước khi kết nối một thiết bị nguồn, hãy đọc kỹ sổ tay hướng dẫn sử dụng được cung cấp kèm theo sản phẩm. Số lượng và vị trí của các cổng trên thiết bị nguồn có thể khác nhau ở những thiết bị khác nhau.
- Không kết nối cáp nguồn cho tới khi hoàn thành toàn bộ các kết nối. Kết nối cáp trong khi đang kết nối có thể làm hỏng sản phẩm.
- Kiểm tra loại của các cổng ở phía sau sản phẩm bạn muốn kết nối.

Trước khi kết nối cáp

— Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.



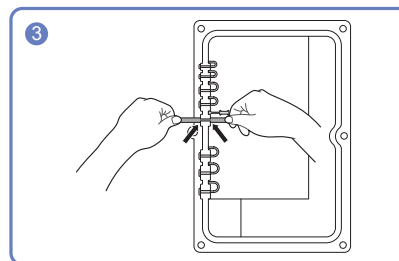
Nới lỏng vít rồi tháo nắp.



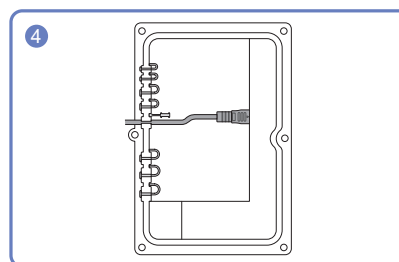
Tháo thanh silicon thích hợp với độ dày của cáp cần kết nối.

Kích thước lỗ khác nhau và độ dày cáp tương ứng cho mỗi lỗ là:

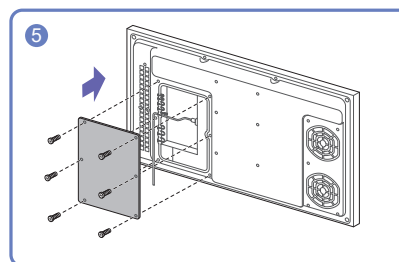
- Lỗ 8 Ø x 1: Lắp cáp 8 Ø
- Lỗ 7 Ø x 1: Lắp cáp 7 Ø
- Lỗ 5,5 Ø x 2: Lắp cáp 5,5 Ø
- Lỗ 5 Ø x 2: Lắp cáp 5 Ø
- Lỗ 3 Ø x 2: Lắp cáp 3 Ø



Lắp cáp thích hợp vào lỗ từ nơi Thanh silicon được tháo ra.



Cáp phải được kết nối như hình minh họa.



Đóng nắp rồi vặn chặt vít.

- Sau khi đã kết nối tất cả cáp, đảm bảo đóng nắp và vặn chặt vít để đảm bảo thiết bị kín nước.
- Mô men khuyến nghị : 10 - 12 kgf.cm

Kết nối với máy tính

- Không kết nối cáp nguồn trước khi kết nối tất cả các cáp khác.
Đảm bảo bạn kết nối thiết bị nguồn trước tiên trước khi kết nối cáp nguồn.

- Có thể kết nối máy tính với sản phẩm bằng nhiều cách.
Sử dụng một phương pháp kết nối phù hợp với máy tính của bạn.

— Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.

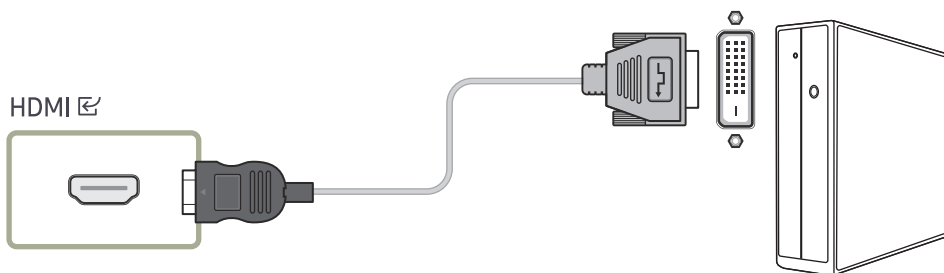
Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI

Sau khi kết nối máy tính với sản phẩm bằng cáp HDMI-DVI, đảm bảo đặt cấu hình cài đặt như hình vẽ dưới đây để bật video từ máy tính.

— Hình dáng bên ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm.

— Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.

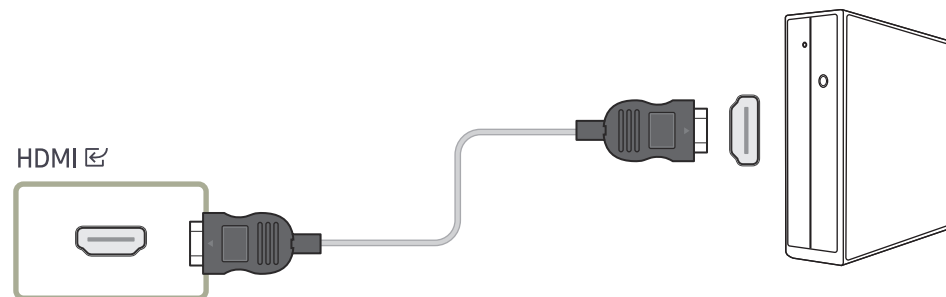
— Không có âm thanh nếu cổng DVI trên sản phẩm được kết nối với cổng HDMI trên PC bằng bộ điều hợp DVI-HDMI.



Kết nối sử dụng cáp HDMI

— Hình dáng bên ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm.

— Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.



Kết nối với thiết bị video

- Không kết nối cáp nguồn trước khi kết nối tất cả các cáp khác.
Đảm bảo bạn kết nối thiết bị nguồn trước tiên trước khi kết nối cáp nguồn.
- Bạn có thể kết nối một thiết bị video với sản phẩm bằng cách sử dụng cáp.
 - Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.
 - Nhấn nút **SOURCE** trên điều khiển từ xa để thay đổi nguồn.

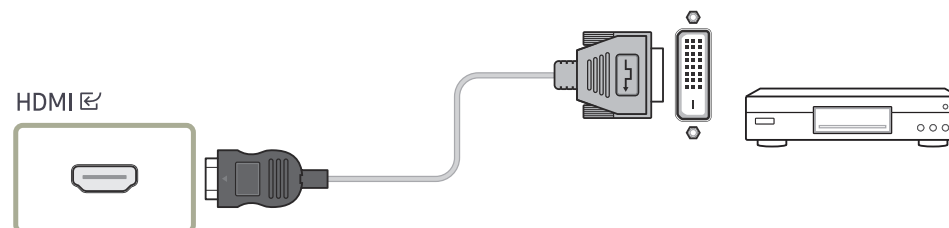
Sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI (tối đa 1080p)

- Để có chất lượng hình ảnh và âm thanh tốt hơn, kết nối với thiết bị kỹ thuật số bằng cáp HDMI.
- Cáp HDMI hỗ trợ tín hiệu âm thanh và video kỹ thuật số và không yêu cầu cáp âm thanh.
- Hình ảnh có thể không hiển thị bình thường (hoặc không hề có) hoặc âm thanh có thể không hoạt động nếu thiết bị ngoại vi sử dụng phiên bản cũ hơn của chế độ HDMI được kết nối với sản phẩm. Nếu sự cố này xảy ra, hãy hỏi nhà sản xuất thiết bị ngoại vi về phiên bản HDMI và nếu phiên bản này đã lỗi thời, hãy yêu cầu nâng cấp.
- Chắc chắn sử dụng cáp HDMI có độ dày không quá 14 mm.
- Chắc chắn mua cáp HDMI được chứng nhận. Nếu không, hình ảnh có thể không hiển thị hoặc lỗi kết nối có thể xảy ra.
- Bạn nên sử dụng cáp HDMI cơ bản tốc độ cao hoặc cáp có chức năng ethernet.
Sản phẩm này không hỗ trợ chức năng ethernet qua HDMI.

Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI

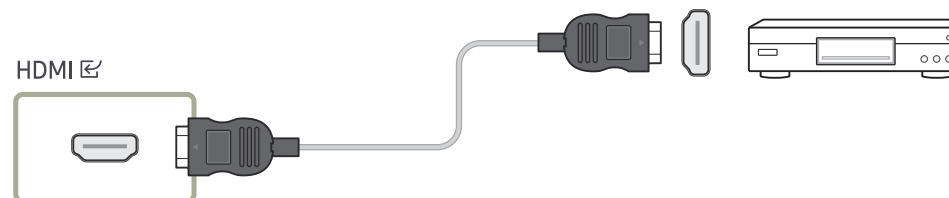
Hỗ trợ độ phân giải 1080p (50/60Hz), 720p (50/60Hz), 480p, và 576p.

- Hình dáng bên ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm.
- Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.
- Âm thanh sẽ không được kích hoạt nếu kết nối sản phẩm với một thiết bị video sử dụng cáp HDMI-DVI.



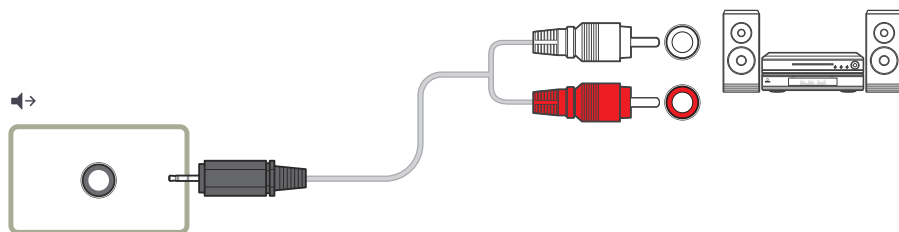
Kết nối sử dụng cáp HDMI

- Hình dáng bên ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm.
- Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.



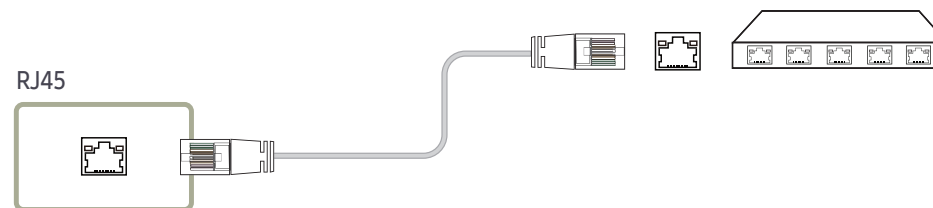
Kết nối với Hệ thống âm thanh

- Hình dáng bên ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm.
- Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.



Kết nối với Cáp LAN

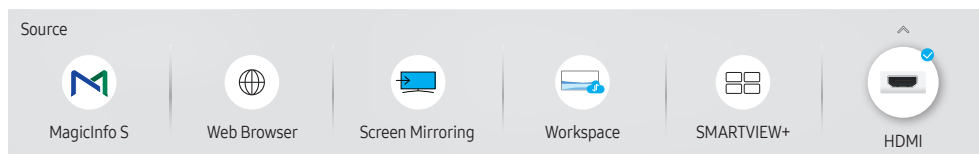
- Hình dáng bên ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm.
- Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.



Thay đổi Nguồn vào

Source

SOURCE



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Source cho phép bạn chọn nhiều nguồn khác nhau và thay đổi tên thiết bị nguồn.

Bạn có thể hiển thị màn hình thiết bị nguồn được kết nối với sản phẩm. Chọn một nguồn từ Source List (Danh sách nguồn) để hiển thị màn hình của nguồn được chọn.

— Bạn cũng có thể thay đổi nguồn vào bằng cách sử dụng nút **SOURCE** trên điều khiển từ xa.

— Có thể màn hình sẽ hiển thị không đúng nếu chọn một nguồn không đúng cho thiết bị nguồn bạn muốn chuyển sang.

Edit

SOURCE → ▲ → **Edit** → ENTER

Chỉnh sửa tên và loại thiết bị của thiết bị ngoại vi được kết nối.

- Danh sách có thể bao gồm các thiết bị nguồn sau. Các thiết bị nguồn trong danh sách khác nhau tùy thuộc vào nguồn được chọn.

HDMI / Cable Box / Game Console / PC / Blu-ray player

- Bạn không thể chỉnh sửa các nguồn sau.



MagicInfo S / Web Browser / Screen Mirroring / Workspace / SMARTVIEW+

Web Browser

SOURCE →  Web Browser → ENTER 

— Kết nối mạng để truy cập Internet trên sản phẩm hệt như truy cập Internet trên máy tính.

Settings

SOURCE →  Web Browser → ▲ → Settings → ENTER 

Refresh Interval

Đặt thời gian trình duyệt web cần chờ trước khi quay lại trang chủ.

- Off / 5 min / 10 min / 15 min / 30 min

Zoom

Đặt tỷ lệ thu phóng sẽ áp dụng khi trình duyệt web được làm mới.

- 50% / 75% / 100% / 125% / 150% / 200% / 300%

Home Page

Đặt trang web sẽ hiển thị khi trình duyệt web được làm mới.

- Samsung Display / Custom

Custom

Nhập URL để đặt làm trang chủ.

- Enter URL

— Chỉ khả dụng khi Home Page được đặt thành Custom.

Advanced Settings

General

Ẩn các Tab hoặc Thanh công cụ tự động Nếu các tab trình duyệt, trình đơn hoặc thanh công cụ không được sử dụng trong một lúc, chúng sẽ tự động biến mất. Để làm chúng xuất hiện lại, hãy di chuyển con trỏ hoặc tiêu điểm đến đầu màn hình.

- Sử dụng / Không sử dụng

Ẩn con trỏ ở chế độ cảm ứng Ẩn con trỏ để tránh gây nhiễu khi thực hiện thao tác chạm.

- Sử dụng / Không sử dụng

Trình chặn Cửa sổ bật lên Giúp cho trải nghiệm duyệt web của bạn trở nên dễ chịu hơn bằng cách chặn cửa sổ bật lên.

- Sử dụng / Không sử dụng

Proxy Server Định cấu hình máy chủ proxy cho trình duyệt web.

- Sử dụng / Không sử dụng

Đặt lại Cài đặt Tất cả cài đặt Trình duyệt web đã tùy chỉnh của bạn sẽ được đặt lại về giá trị mặc định. Các đánh dấu và lịch sử của bạn sẽ không bị ảnh hưởng.

Search Engine

Nếu bạn nhập từ khóa vào trường nhập URL/từ khóa, Trình duyệt web sẽ mở trang Kết quả Tìm kiếm. Chọn công cụ tìm kiếm mà bạn muốn sử dụng.

- Google / Bing

Privacy & Security

Không theo dõi	Yêu cầu các trang web không theo dõi bạn. <ul style="list-style-type: none">Sử dụng / Không sử dụng
Xóa lịch sử	Xóa toàn bộ lịch sử duyệt web của bạn.
JavaScript	Cho phép tất cả các trang chạy JavaScript để có trải nghiệm duyệt tốt hơn. <ul style="list-style-type: none">Sử dụng / Không sử dụng
Xóa dữ liệu duyệt	Xóa tất cả dữ liệu duyệt như cookie, hình ảnh và dữ liệu trong bộ nhớ cache. Các đánh dấu và lịch sử của bạn sẽ không bị ảnh hưởng.
Chặn cookie của bên thứ ba	Chặn các trang web của bên thứ ba lưu và đọc dữ liệu cookie. Các tính năng trên một số trang web có thể không hoạt động. <ul style="list-style-type: none">Sử dụng / Không sử dụng

Encoding

Encoding	Chọn một phương pháp mã hóa cho các trang web. Cài đặt hiện tại là Tự động. <ul style="list-style-type: none">Tự động / Thủ công (Hiện tại: Unicode)
----------	--

Giới thiệu

Hiển thị phiên bản hiện tại của Trình duyệt web.

Đọc trước khi sử dụng chức năng Web Browser

Đọc thông tin này trước khi sử dụng chức năng Web Browser.

- Tập tin tải về không được hỗ trợ.
- Chức năng **Web Browser** có thể không truy cập được một số trang web nhất định, bao gồm những trang web do một số công ty nhất định vận hành.
- Sản phẩm không hỗ trợ phát lại các video flash.
- Không hỗ trợ E-commerce để mua hàng trực tuyến.
- Không hỗ trợ ActiveX.
- Chỉ có một số phong chữ giới hạn được hỗ trợ. Các ký tự và biểu tượng nhất định có thể không hiển thị đúng.
- Đáp ứng đối với một lệnh điều khiển từ xa và hiển thị trên màn hình có thể bị trễ khi đang tải một trang web.
- Quá trình tải một trang web có thể bị chậm trễ hoặc ngưng hoàn toàn phụ thuộc vào tình trạng của các hệ thống tham gia.
- Không hỗ trợ thao tác sao chép và dán.
- Khi soạn một email hay một tin nhắn đơn giản, các chức năng nhất định như kích thước phông chữ và lựa chọn màu sắc có thể không khả dụng.
- Số lượng trang đánh dấu và kích thước tập tin bị giới hạn khi lưu.
- Số lượng cửa sổ có thể mở cùng lúc bị hạn chế.
- Tốc độ duyệt web sẽ thay đổi tùy theo môi trường mạng.
- Lịch sử duyệt web được lưu theo thứ tự từ mới nhất đến cũ nhất, các mục cũ nhất sẽ bị ghi đè đầu tiên.
- Tùy theo bộ giải mã video/âm thanh được hỗ trợ, bạn có thể không phát lại được một số tệp âm thanh và video HTML5 nhất định.
- Các nguồn video từ các nhà cung cấp dịch vụ luồng tín hiệu tối ưu hóa cho PC có thể không phát được bình thường trên trình duyệt **Web Browser** độc quyền của chúng tôi.

Screen Mirroring

SOURCE →  **Screen Mirroring** → ENTER 

Làm theo hướng dẫn trên màn hình để điều chỉnh cài đặt máy tính (hoặc thiết bị di động) và kết nối không dây sản phẩm với máy tính (hoặc thiết bị di động).

Workspace

— Hãy đảm bảo đã kết nối sản phẩm với mạng.

— Hãy nhớ kết nối bàn phím và chuột trước khi khởi động chức năng này.

SOURCE →  **Workspace** → ENTER 

Truy cập vào PC từ xa và tài nguyên công việc của bạn bằng tính năng này.

- **Window PC**

Remote PC: Chức năng này cho phép bạn kết nối sản phẩm của mình với PC từ xa hoặc máy chủ đám mây.

Screen Sharing: Chia sẻ màn hình PC chạy Windows với thiết bị.

— Chỉ hỗ trợ máy tính hoặc Máy chủ đám mây chạy macOS/Windows 7 Pro trở lên.

- **Mac**

Remote Login: Kết nối với Mac của bạn qua Đăng nhập Từ xa.

- **Samsung DeX:** Kết nối với thiết bị di động Samsung từ thiết bị của bạn.

- **Microsoft 365:** Cộng tác với các phiên bản trực tuyến của Microsoft 365.

- **VMware Horizon:** Cho phép các doanh nghiệp đang vận hành cơ sở hạ tầng VMware truy cập vào **VMware Horizon** bằng tài khoản Horizon.

SMARTVIEW+

SOURCE →  **SMARTVIEW+** → ENTER 

- Bạn có thể xem nhiều mục nội dung thông qua **SMARTVIEW+**.

- Để bắt đầu chức năng, chọn **SMARTVIEW+**, sau đó chọn nội dung để thêm trong Chọn nội dung hoặc chọn một kết hợp mong muốn trong Cài đặt sẵn ở đầu **SMARTVIEW+**. Hoặc chạy tính năng chia sẻ màn hình cho thiết bị di động.

Chương 04

Sử dụng MDC

Điều khiển nhiều màn hình "MDC" là một ứng dụng cho phép bạn dễ dàng điều khiển nhiều thiết bị hiển thị cùng một lúc bằng cách sử dụng một máy tính.
- Để biết chi tiết về cách sử dụng chương trình MDC, hãy tham khảo Trợ giúp sau khi cài đặt chương trình này. Chương trình MDC có sẵn trên trang web.

Cài đặt/Gỡ bỏ chương trình MDC

Cài đặt

— Việc cài đặt MDC có thể bị ảnh hưởng bởi thẻ đồ họa, bản mạch chủ và điều kiện mạng.

- 1 Nhấp chuột vào chương trình cài đặt **MDC Unified**.
- 2 Chọn ngôn ngữ để cài đặt. Sau đó, nhấp vào **"OK"**.
- 3 Khi màn hình **"Welcome to the InstallShield Wizard for MDC_Unified"** xuất hiện, nhấp vào **"Next"**.
- 4 Trong cửa sổ **"License Agreement"** được hiển thị, chọn **"I accept the terms in the license agreement"** và nhấp **"Next"**.
- 5 Trên cửa sổ **"Customer Information"** được hiển thị, điền đầy đủ các trường thông tin và nhấp chuột vào **"Next"**.
- 6 Trong cửa sổ **"Destination Folder"** được hiển thị, đánh dấu đường dẫn thư mục để cài đặt chương trình vào và nhấp chuột vào **"Next"**.

— Nếu không chỉ định đường dẫn thư mục, chương trình sẽ được cài đặt ở đường dẫn thư mục mặc định.

- 7 Trong cửa sổ **"Ready to Install the Program"** được hiển thị, đánh dấu đường dẫn thư mục để cài đặt chương trình vào và nhấp chuột vào **"Install"**.
- 8 Tiến độ cài đặt sẽ được hiển thị.
- 9 Nhấp chuột vào **"Finish"** trên cửa sổ **"InstallShield Wizard Complete"** được hiển thị.

— Chọn **"Launch MDC Unified"** và nhấp vào **"Finish"** để chạy chương trình MDC ngay lập tức.

- 10 Biểu tượng đường dẫn tắt **MDC Unified** sẽ được tạo ra trên màn hình sau khi cài đặt.

— Biểu tượng cài đặt MDC có thể không được hiển thị tùy thuộc vào hệ thống PC hoặc thông số kỹ thuật của sản phẩm.

— Nhấn phím F5 nếu biểu tượng cài đặt không được hiển thị.

Gỡ bỏ

- 1 Chọn **Thiết lập > Pa-nen điều khiển** trên trình đơn **Bắt đầu** và nhấp đúp vào **Thêm/Xóa chương trình**.
- 2 Chọn **MDC Unified** từ danh sách và bấm vào **Thay đổi/Loại bỏ**.

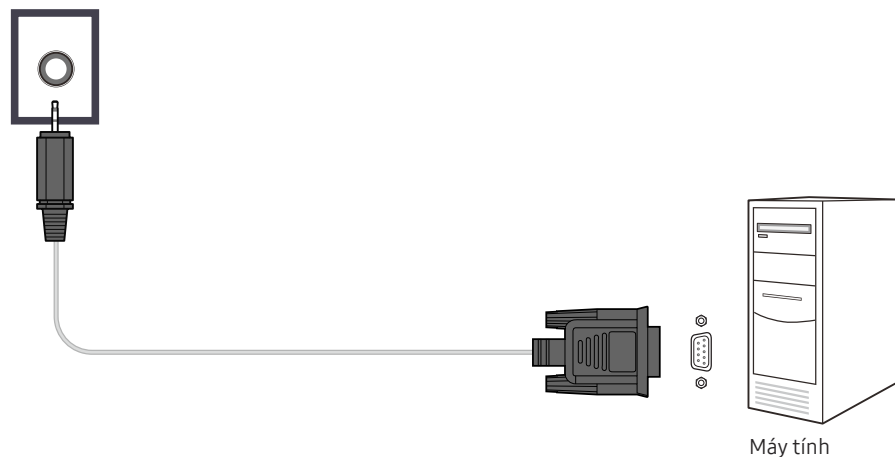
Kết nối với MDC

Sử dụng MDC qua RS-232C (tiêu chuẩn truyền dữ liệu nối tiếp)

Cáp nối tiếp RS-232C phải được kết nối với các cổng nối tiếp trên máy tính và màn hình.

— Hình dáng bên ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm.

RS232C

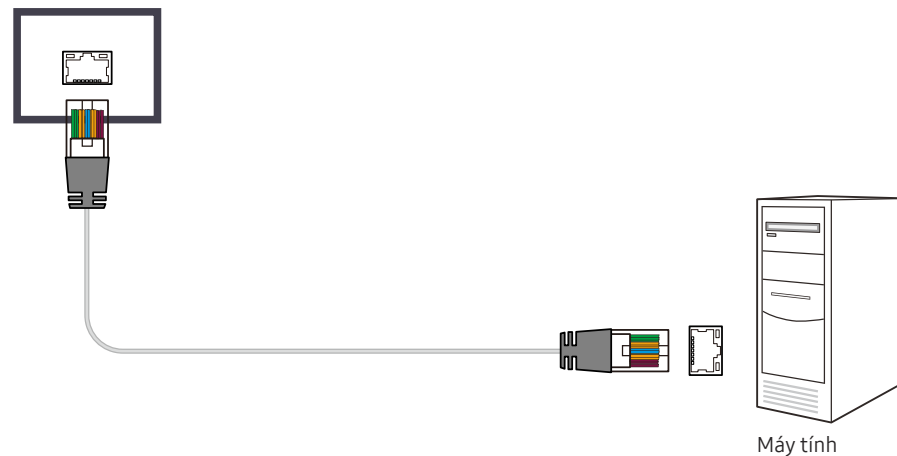


Kết nối bằng cáp LAN chéo

— Hình dáng bên ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm.

— Nhiều sản phẩm có thể kết nối được bằng cổng RS232C trên sản phẩm.

RJ45



Chương 05

Tính năng Player

Có thể truy cập bằng nút HOME trên điều khiển từ xa.

Player

HOME → **Player** → ENTER

Phát một loạt nội dung như các kênh truyền hình với lịch chiếu, mẫu hoặc tệp.



Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

- Để sử dụng tính năng **Player**, đặt **Play via** thành **MagicInfo** trong **System**.
(MENU → **System** → **Play via** → **MagicInfo**)
- Bạn phải chọn **Clock Set** trước khi sử dụng tính năng này.

Không.	Mô tả
1	Chọn giữa bộ nhớ trong hoặc bộ nhớ ngoài.
2	Phát nội dung, mẫu và lịch biểu được đặt cấu hình trên máy chủ. <ul style="list-style-type: none">Bạn có thể xem liệu máy chủ có được kết nối (phê duyệt) trên màn hình Player không. Để xem liệu máy chủ có được kết nối khi đang chạy Network Channel hay không, hãy nhấn INFO trên điều khiển từ xa.
3	Chọn Network Channel từ màn hình Player . Thông báo No channels sẽ xuất hiện nếu không có kênh nào được đăng ký trong Network Channel .
4	Network Channel sẽ chạy.
5	Phát nội dung được lưu trữ trên máy chủ.
6	Phát các mẫu lưu trong thư mục My Templates trong Bộ nhớ trong.
7	Chọn loại nội dung làm tiêu chí tìm kiếm danh sách nội dung mong muốn.
8	Đặt các tùy chọn khác nhau cho Player .

Xem nội dung

- Chọn bộ nhớ trong hoặc bộ nhớ ngoài. Các tệp được lưu trong bộ nhớ đã chọn xuất hiện.
- Chọn tệp mong muốn. Nội dung xuất hiện trên màn hình. (Để có thêm thông tin về các định dạng tệp tương thích, hãy xem mục "Các định dạng tệp tương thích với Trình phát").

Khi nội dung đang chạy

Các nút điều khiển trên điều khiển từ xa

Bạn có thể phát, tạm dừng hoặc bỏ qua nội dung trong danh sách phát bằng cách nhấn các nút trên điều khiển từ xa.

Nút	Tính năng
TOOLS	Hiển thị thanh trình đơn.
INFO	Hiển thị thông tin chung về nội dung.
▶	Đi đến tệp hoặc trang tiếp theo.
◀	Đi đến tệp hoặc trang trước.
⏮ / ▶ / ⏭	Phát hoặc tạm dừng trình chiếu slide hoặc nội dung video.
⏸	Ngừng hiển thị nội dung và đi đến màn hình Player .
⏮	Tua lại nội dung video.
⏭	Tua đi nhanh nội dung video.

- Nếu chỉ có một tệp ảnh trong Bộ nhớ trong hoặc USB, Trình chiếu slide sẽ không phát.
- Nếu tên thư mục trên USB quá dài, bạn sẽ không chọn được thư mục đó.
- Tùy chọn **Portrait** cho **Content Orientation** không hoạt động với các nội dung có độ phân giải cao hơn 3840 x 2160.
- **Content Size** cho video có độ phân giải cao hơn 3840 x 2160 chỉ hỗ trợ **Full Screen**.

Trình đơn khả dụng

Nhấn nút **TOOLS** trên điều khiển từ xa trong khi phát lại nội dung để đặt cấu hình các cài đặt.

Menu	Mô tả
Playlist	Xem danh sách các mục nội dung hiện đang phát.
Web Element Zoom	50 / 100 / 200 / 300
Sound Mode	Tùy chỉnh cài đặt âm thanh cho nội dung hiện đang phát.
Repeat All / Repeat One	Đặt chế độ lặp lại.
Background Music	Đặt nhạc nền sẽ phát khi nội dung đang chạy.
Reset	Đặt lại nhạc nền.
Pause	Tạm dừng nhạc nền.
Prev	Phát nhạc nền trước trong danh sách.
Next	Phát nhạc nền tiếp theo trong danh sách.

- **Reset, Pause, Prev, Next** chỉ xuất hiện khi nhạc nền được đặt.
- Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.

Định dạng tệp tương thích với Player

- Các hệ thống tệp được hỗ trợ bao gồm FAT32 và NTFS.
- Không thể phát tệp có độ phân giải dọc và ngang lớn hơn độ phân giải tối đa. Kiểm tra độ phân giải dọc và ngang của tệp.
- Kiểm tra video được hỗ trợ, loại và phiên bản codec âm thanh.
- Kiểm tra phiên bản tệp được hỗ trợ.
 - Hỗ trợ phiên bản PowerPoint lên tới 97 – 2013
- Để truyền tệp giữa USB-**Internal Memory**, nhấp vào **Options** → **Send**.
 - Vị trí tệp mẫu
 - Truyền giữa **Internal Memory** → USB : USB → dưới thư mục MagicinfoSlide
 - Truyền giữa USB → **Internal Memory** : **Internal Memory** → dưới thư mục My Templates
 - Vị trí các tệp khác (không phải là tệp mẫu)
 - Truyền giữa **Internal Memory** → USB : USB → dưới thư mục MagicinfoSlide
 - Truyền giữa USB → **Internal Memory** : Dưới thư mục gốc

Lịch biểu mạng đa khung hình

Giới hạn phát lại

- Có thể phát đồng thời từ 1 đến 3 tệp video FHD hoặc mỗi lần chỉ phát một tệp video UHD và một tệp video FHD. Trong chế độ phát theo chiều dọc, có thể phát đồng thời 3 tệp video FHD hoặc mỗi lần chỉ phát một tệp video UHD.
- Đối với tệp **Office** (tệp PPT và Word) và tệp **PDF**, chỉ hỗ trợ một kiểu tệp một lúc.
- Không hỗ trợ tệp LFD(*.LFD).
- Không hỗ trợ nội dung có độ phân giải cao hơn 3840 x 2160.

Giới hạn đầu ra âm thanh

- Không thể sử dụng nhiều hơn một đầu ra âm thanh.
- Ưu tiên phát lại: BGM mạng → BGM cục bộ → tệp video trong khung hình chính do người dùng chọn
 - BGM mạng: Có thể cấu hình cài đặt khi tạo một lịch biểu máy chủ.
 - BGM cục bộ: Có thể định cấu hình BGM bằng cách sử dụng công cụ được hiển thị sau khi nhấn nút **TOOLS** trong khi phát lại **Player**.
 - Khung hình chính do người dùng chọn: Có thể cấu hình cài đặt khung hình chính khi tạo một lịch biểu máy chủ.

Tệp mẫu(*.LFD)

Giới hạn

- Kiểm tra xem bạn đã xuất bản các thư mục **Contents** và **Schedules** đến thiết bị lưu trữ USB hay chưa.
 - Nội dung được xuất bản phù hợp sẽ hiển thị là **Published Content** (📁) trong thiết bị USB.
 - Khi sao chép nội dung bạn đã xuất bản đến thiết bị USB (**Published Content** (📁)) sang **Internal Memory**, nội dung đó sẽ chỉ xuất hiện trong **Internal Memory** là **Published Content** (📁). Các thư mục **Contents** và **Schedules** sẽ bị ẩn trong **Internal Memory**.

Giới hạn phát lại

- Có thể phát tối đa hai tệp video (**Video**).
- Đối với tệp **Office** (tệp PPT và Word) và tệp **PDF**, chỉ hỗ trợ một kiểu tệp một lúc.
- Khi phát đồng thời nhiều tệp video, đảm bảo các phần màn hình không chồng chéo lên nhau.

Giới hạn đầu ra âm thanh

- Không thể sử dụng nhiều hơn một đầu ra âm thanh.
- Ưu tiên phát lại: BGM mạng → BGM cục bộ → tệp video trong khung hình chính do người dùng chọn

Bộ giải mã video

Định dạng tập tin	Bộ chứa	Bộ giải mã video	Độ phân giải	Tỷ lệ khung hình (fps)	Tốc độ bit (Mbps)	Audio codec
*.avi	AVI	H.264 BP/MP/HP	3840 x 2160	120	60	Dolby Digital
*.mkv	MKV	HEVC (H.265 - Main, Main10)			100	LPCM
*.asf	ASF	Motion JPEG		30	80	ADPCM(IMA, MS)
*.wmv	MP4	MVC	1920 x 1080	60	20	AAC
*.mp4	3GP	MPEG4 SP/ASP				HE-AAC
*.mov	MOV	Window Media Video v9 (VC1)				WMA
*.3gp	FLV	MPEG2				Dolby Digital+
*.vro	VRO	MPEG1				MPEG(MP3)
*.mpg	VOB	Microsoft MPEG-4 v1, v2, v3		30		AC-4
*.mpeg	PS	Window Media Video v7(WMV1), v8(WMV2)				G.711(A-Law, μ -Law)
*.ts	TS	H 263 Sorenson				OPUS
*.tp	SVAF	VP6				
*.trp		AV1		120	80	
*.flv						
*.vob						
*.svi						
*.m2ts						
*.mts						
*.webm	WebM	VP8	1920 x 1080	60	20	Vorbis
		VP9 (Profile 0, profile 2 supported)	3840 x 2160	60	80	
		AV1		120	80	
*.rmvb	RMVB	RV8/9/10 (RV30/40)	1920 x 1080	60	20	RealAudio 6

Những hạn chế Khác

- Các bộ giải mã có thể không hoạt động đúng nếu có vấn đề với dữ liệu nội dung.
- Nội dung video sẽ không phát hoặc phát không đúng, nếu nội dung hoặc tập tin chứa nội dung bị lỗi.
- Âm thanh hoặc video có thể không hoạt động nếu chúng có tỷ lệ bit/tỷ lệ khung hình tiêu chuẩn vượt quá tỷ lệ tương thích của TV.
- Nếu Bảng chỉ mục bị lỗi, chức năng Tìm kiếm (Nhảy) sẽ không hoạt động.
- Khi phát video trên một kết nối mạng, video không thể phát với chất lượng tốt do tốc độ truyền dữ liệu.
- Một số thiết bị máy quay kỹ thuật số/USB có thể không tương thích với đầu đọc.
- Bộ giải mã HEVC chỉ khả dụng trong các tập tin chứa MKV / MP4 / TS.
- Bộ giải mã MVC được hỗ trợ một phần.

Giải mã video

- Hỗ trợ tối đa H.264 UHD đến Mức 5.1 và hỗ trợ tối đa H.264 đến Mức 4.1. (TV không hỗ trợ FMO / ASO / RS)
- Hỗ trợ HEVC UHD lên đến Mức 5.1 và hỗ trợ HEVC FHD lên đến Mức 4.1.
- Hỗ trợ HEVC 8K lên đến Mức 6.1.
- Không hỗ trợ VC1 AP L4.
- GMC 2 hoặc cao hơn không được hỗ trợ.
- Khi đang phát một tệp video, không hỗ trợ chế độ Liền mạch trong các điều kiện sau:
 - Codec không tương thích (MVC, VP3, MJPEG) ↔ Codec không tương thích
 - Codec không tương thích ↔ Codec tương thích
 - Độ phân giải khác với độ phân giải của màn hình
 - Tần số khác với tần số của màn hình

Giải mã âm thanh

- WMA được hỗ trợ tối đa các kênh 10 Pro 5.1, cấu hình M2.
- Không hỗ trợ tính năng bù mất WMA, WMA1 / Âm thanh.
- QCELP, AMR NB / WB không được hỗ trợ.
- Vorbis được hỗ trợ cho tối đa 5.1 kênh.
- Dolby Digital Plus được hỗ trợ cho tối đa 5.1 kênh.
- Các mức lấy mẫu được hỗ trợ là 8, 11,025, 12, 16, 22,05, 24, 32, 44,1, và 48 kHz và khác với bộ giải mã.

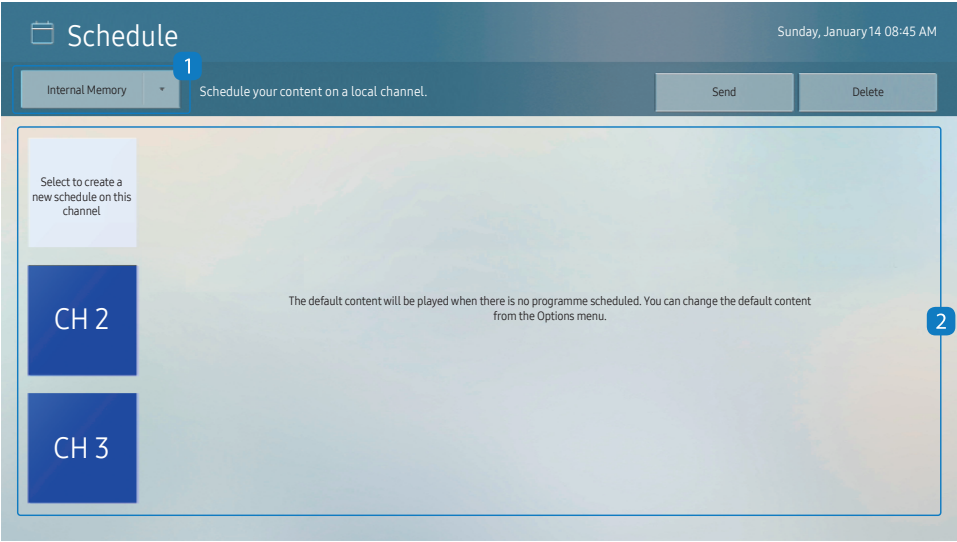
Hình ảnh

- Định dạng tệp hình ảnh tương thích: JPEG, PNG, BMP
 - Hỗ trợ các tệp BMP 32 bit, 24 bit và 8 bit.
- Độ phân giải tối đa được hỗ trợ: 7680 x 4320 (JPEG), 4096 x 4096 (PNG, BMP)
 - Khi phát 10 tệp trong cùng một tệp LFD - 5120 x 5120
- Kích thước tệp tối đa được hỗ trợ: 20MB
- Có hỗ trợ **Slideshow Effect**: 9 hiệu ứng
(**Fade1, Fade2, Blind, Spiral, Checker, Linear, Stairs, Wipe, Random**)

Power Point	PDF	WORD
<ul style="list-style-type: none"> • Định dạng tệp tài liệu tương thích <ul style="list-style-type: none"> – Phần mở rộng : ppt, pptx – Phiên bản : Office 97 ~ Office 2013 • Các chức năng không được hỗ trợ <ul style="list-style-type: none"> – Hiệu ứng hình động – Hình dạng 3D (sẽ được hiển thị bằng 2D) – Đầu trang và cuối trang (một số mục con không được hỗ trợ) – Word Art – Căn chỉnh <ul style="list-style-type: none"> Có thể xảy ra lỗi căn chỉnh nhóm – Office 2007 <ul style="list-style-type: none"> SmartArt không được hỗ trợ đầy đủ. 97 trong tổng số 115 mục con không được hỗ trợ. – Chèn đối tượng – Ký tự nửa độ rộng – Khoảng cách giữa các từ – Biểu đồ – Văn bản dọc <ul style="list-style-type: none"> Một số mục con không được hỗ trợ – Ghi chú slide và tài liệu phát 	<ul style="list-style-type: none"> • Định dạng tệp tài liệu tương thích <ul style="list-style-type: none"> – Phần mở rộng : pdf • Các chức năng không được hỗ trợ <ul style="list-style-type: none"> – Nội dung nhỏ hơn 1 pixel không được hỗ trợ vì vấn đề giảm hiệu suất. – Nội dung Hình ảnh có Màn chắn, Hình ảnh Xếp liền không được hỗ trợ. – Nội dung có Văn bản Xoay không được hỗ trợ. – Hiệu ứng Bóng 3D không được hỗ trợ. – Một số ký tự không được hỗ trợ (Ký tự đặc biệt có thể bị lỗi) 	<ul style="list-style-type: none"> • Định dạng tệp tài liệu tương thích <ul style="list-style-type: none"> – Phần mở rộng : .doc, .docx – Phiên bản : Office 97 ~ Office 2013 • Các chức năng không được hỗ trợ <ul style="list-style-type: none"> – Hiệu ứng nền của trang – Một số kiểu đoạn văn – Word Art – Căn chỉnh <ul style="list-style-type: none"> Có thể xảy ra lỗi căn chỉnh nhóm – Hình dạng 3D (sẽ được hiển thị bằng 2D) – Office 2007 <ul style="list-style-type: none"> SmartArt không được hỗ trợ đầy đủ. 97 trong tổng số 115 mục con không được hỗ trợ. – Biểu đồ – Ký tự nửa độ rộng – Khoảng cách giữa các từ – Văn bản dọc <ul style="list-style-type: none"> Một số mục con không được hỗ trợ – Ghi chú slide và tài liệu phát

Schedule

HOME → Schedule → ENTER



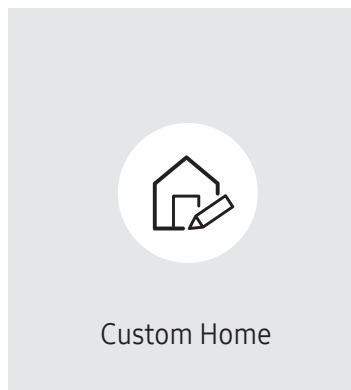
— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Bạn có thể xem lịch biểu được nhập từ thiết bị lưu trữ đã chọn.

Không.	Mô tả
1	Chọn vị trí đã lưu lịch biểu.
2	Tạo/Sửa/Xóa/Xem lịch phát lại nội dung.

Custom Home

HOME  → Custom Home → ENTER 



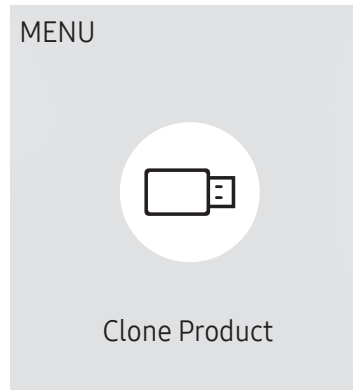
— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Nhập số PIN gồm 6 chữ số. Số PIN mặc định là "0-0-0-0-0-0". Nếu bạn muốn thay đổi số PIN, hãy sử dụng chức năng **Change PIN**.

Chọn một mục để chạy ở chế độ Trang chủ tùy chỉnh. Nhấn phím Home để trở về màn hình này.

Clone Product

HOME  → Clone Product → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Xuất cài đặt trên sản phẩm sang thiết bị lưu trữ bên ngoài. Bạn cũng có thể nhập cài đặt từ thiết bị lưu trữ bên ngoài.

Tùy chọn này hữu ích khi gán cùng cài đặt cho nhiều sản phẩm.

Khi bạn không tìm thấy tệp trùng lặp trên thiết bị lưu trữ bên ngoài

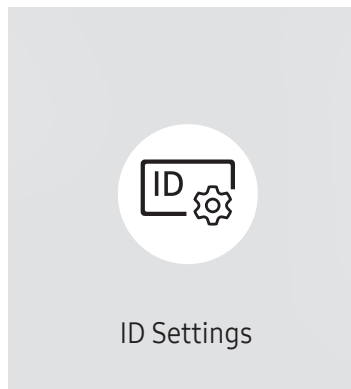
- 1 Kết nối thiết bị lưu trữ bên ngoài, sau đó chạy chức năng **Clone Product**.
- 2 Thông báo **No cloning file found on the external storage device. Export this device's settings to the external storage device?** sẽ xuất hiện.
- 3 Chọn **Export** để xuất cài đặt.

Khi bạn tìm thấy tệp trùng lặp trên thiết bị lưu trữ bên ngoài

- 1 Kết nối thiết bị lưu trữ bên ngoài, sau đó chạy chức năng **Clone Product**.
- 2 Thông báo **Cloning file found. Please select an option.** sẽ xuất hiện.
Chạy chức năng **Import from External Storage** hoặc **Export to External Storage**.
 - **Import from External Storage:** Sao chép cài đặt đã lưu trên thiết bị lưu trữ bên ngoài sang sản phẩm.
 - Sau khi đặt cấu hình hoàn tất, sản phẩm được tự động khởi động lại.
 - **Export to External Storage:** Sao chép cài đặt trên sản phẩm sang thiết bị lưu trữ bên ngoài.

ID Settings

HOME  → ID Settings → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Gán một ID cho máy.

Device ID

Đặt một số ID duy nhất cho mỗi sản phẩm. (Phạm vi: 0~225)

— Nhấn ▲/▼ để chọn một số và nhấn .

— Nhập số bạn muốn bằng cách sử dụng các phím số trên điều khiển từ xa.

PC Connection Cable

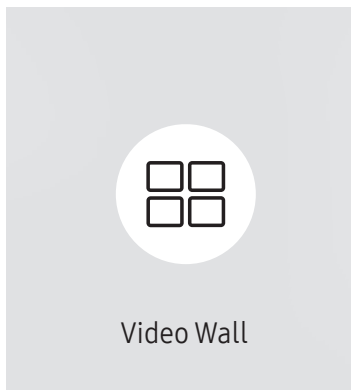
Chọn loại cáp để kết nối màn hình với PC.

- **RS232C cable**
Giao tiếp với MDC qua cáp stereo RS232C.
- **RJ-45 (LAN)/Wi-Fi Network** hoặc **RJ45(LAN) cable**
Kết nối với MDC qua cáp RJ45 hoặc mạng Wi-Fi.

— Các chức năng có sẵn có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Video Wall

HOME  → Video Wall → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Tùy chỉnh bố cục của nhiều màn hình được kết nối để tạo nên một tường video.

Hơn nữa, hiển thị một phần toàn bộ hình ảnh hoặc lặp lại cùng một hình ảnh trên mỗi màn hình được kết nối với nhau.

Để hiển thị nhiều hình ảnh, hãy tham khảo Trợ giúp MDC hoặc hướng dẫn người dùng MagicInfo. Một số mẫu không hỗ trợ tính năng MagicInfo.

Video Wall

Bạn có thể kích hoạt hoặc tắt kích hoạt **Video Wall**.

Để sắp xếp một tường video, hãy chọn **On**.

- **Off / On**

Horizontal x Vertical

Tính năng này tự động chia màn hình video treo tường dựa trên cấu hình ma trận của video treo tường.

Nhập ma trận màn hình video treo tường.

Màn hình video treo tường được phân chia dựa trên ma trận đã đặt cấu hình. Bạn có thể đặt số lượng thiết bị hiển thị theo chiều dọc hoặc chiều ngang trong khoảng 1 đến 15.


— Có thể chia màn hình video treo tường thành tối đa 225 màn hình.

— Tùy chọn **Horizontal x Vertical** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.

Screen Position

Để sắp xếp lại các màn hình đã chia, hãy điều chỉnh số lượng cho từng sản phẩm trong ma trận bằng tính năng **Screen Position**.

Chọn **Screen Position** sẽ hiển thị ma trận màn hình video treo tường với số lượng được gán cho sản phẩm tạo ra video treo tường.

Để sắp xếp lại sản phẩm, hãy sử dụng các nút định hướng trên điều khiển từ xa để di chuyển sản phẩm đến số lượng mong muốn. Nhấn nút .

- **Screen Position** cho phép bạn chia màn hình thành tối đa 225 màn hình (15 x 15).
- Tùy chọn **Screen Position** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.
- Để sử dụng chức năng này, hãy đảm bảo **Horizontal x Vertical** được đặt cấu hình.

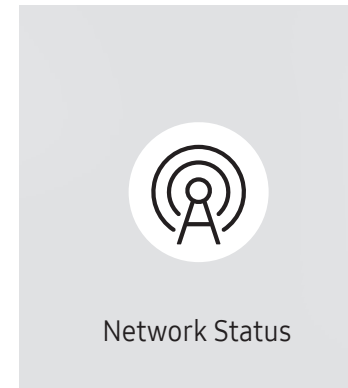
Format

Chọn cách hiển thị hình ảnh trên màn hình video treo tường.

- **Full**: Hiển thị hình ảnh ở chế độ toàn màn hình và không có cạnh.
 - **Natural**: Hiển thị hình ảnh ở tỷ lệ khung hình ban đầu mà không phóng to hay thu nhỏ kích thước.
- Tùy chọn **Format** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.

Network Status

HOME  → **Network Status** → ENTER 

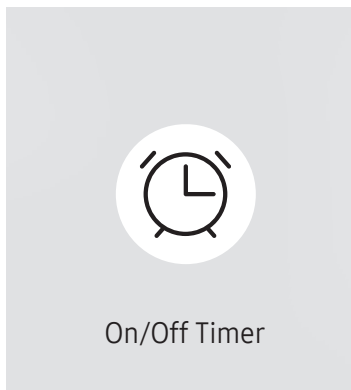


- Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Kiểm tra mạng và kết nối Internet hiện tại.

On/Off Timer

HOME  → On/Off Timer → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

— Bạn phải chọn **Clock Set** trước khi sử dụng tính năng này.

On Timer

Đặt **On Timer** để sản phẩm của bạn tự động bật vào ngày và giờ bạn chọn.

Nguồn tắt với âm lượng hoặc nguồn vào đã xác định.

On Timer: Cài đặt hẹn giờ bật bằng cách lựa chọn từ một trong bảy tùy chọn. Đảm bảo bạn cài đặt thời gian hiện tại trước tiên.

(**On Timer1** ~ **On Timer7**)

— Mặc dù có thể sử dụng tùy chọn bộ nhớ trong/bộ nhớ USB với **On Timer** cho chế độ **MagicInfo** nhưng bạn nên dùng bộ nhớ trong.

— Chúng tôi không thể đảm bảo rằng tính năng **On Timer** sẽ hoạt động bình thường nếu được dùng với thiết bị USB chạy bằng pin vì có thể việc nhận dạng sẽ mất nhiều thời gian hơn.

- **Setup**: Chọn **Don't Use, Once, Everyday, Mon~Fri, Mon~Sat, Sat~Sun** hoặc **Manual**. Nếu bạn chọn **Manual**, bạn có thể chọn ngày bạn muốn **On Timer** bật sản phẩm.
 - Dấu chọn cho biết số ngày bạn đã chọn.
- **Time**: Đặt giờ và phút. Sử dụng các nút số hoặc mũi tên lên và xuống để nhập số. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để thay đổi trường nhập.
- **Volume** (Đối với các mẫu có loa tích hợp sẵn): Đặt mức âm lượng mong muốn. Sử dụng các nút mũi tên lên và xuống để điều chỉnh âm lượng.
- **Source**: Chọn nguồn vào như bạn muốn.
- **Content** (khi **Source** được đặt là **Internal/USB** cho chế độ **MagicInfo**): Từ thiết bị USB hoặc bộ nhớ trong, chọn một tập tin (ví dụ: nhạc, ảnh hoặc video) để phát ngay sau khi bật nguồn sản phẩm.


Off Timer

Cài đặt hẹn giờ tắt (**Off Timer**) bằng cách lựa chọn từ một trong bảy tùy chọn. (**Off Timer1 ~ Off Timer7**)

- **Setup:** Chọn **Don't Use, Once, Everyday, Mon~Fri, Mon~Sat, Sat~Sun** hoặc **Manual**. Nếu bạn chọn **Manual**, bạn có thể chọn ngày bạn muốn **Off Timer** tắt sản phẩm.
 - Dấu chọn cho biết số ngày bạn đã chọn.
- **Time:** Đặt giờ và phút. Sử dụng các nút số hoặc mũi tên lên và xuống để nhập số. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để thay đổi trường nhập.

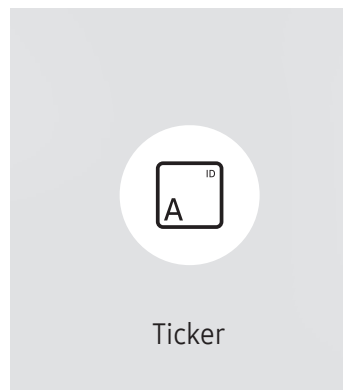
Holiday Management

Bộ hẹn giờ sẽ bị tắt trong thời gian được chỉ định là kì nghỉ.

- **Add Holiday:** Xác định khoảng thời gian bạn muốn thêm như là ngày nghỉ.
Chọn ngày bắt đầu và kết thúc của ngày nghỉ mà bạn muốn thêm bằng các nút ▲/▼ và nhấp vào nút **Done**.
Khoảng thời gian này sẽ được thêm vào danh sách các ngày nghỉ.
 - **Start Date:** Đặt ngày bắt đầu của ngày nghỉ.
 - **End Date:** Đặt ngày kết thúc của ngày nghỉ.
- **Delete:** Xóa các mục đã chọn khỏi danh sách các ngày nghỉ.
- **Edit:** Chọn mục ngày nghỉ và thay đổi ngày.
- **Set Applied Timer:** Đặt **On Timer** và **Off Timer** không kích hoạt vào ngày nghỉ công.
 - Nhấn  để chọn các cài đặt **On Timer** và **Off Timer** bạn không muốn kích hoạt.
 - **On Timer** và **Off Timer** sẽ không kích hoạt.

Ticker

HOME  → **Ticker** → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Nhập văn bản trong khi video hoặc hình ảnh được hiển thị và hiển thị văn bản trên màn hình.

— Bạn phải chọn **Clock Set** trước khi sử dụng tính năng này.

- **Off / On:** Cài đặt có sử dụng **Ticker** hay không.
- **Message:** Nhập thông báo để hiển thị trên màn hình.
- **Time:** Đặt **Start Time** và **End Time** để hiển thị **Message**.
- **Font options:** Chỉ định phông chữ và màu văn bản cho thông báo.
- **Position:** Chọn vị trí để hiển thị **Message**.
- **Scroll:** Bật/tắt hiệu ứng cuộn **Ticker**. Chỉ định **Direction** và **Speed** cuộn cho thông báo.
- **Preview:** Xem trước các cài đặt **Ticker**.

Chương 06

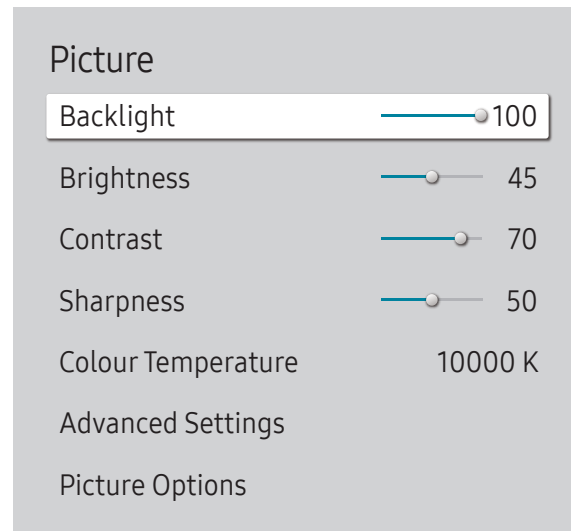
Điều chỉnh màn hình

Cấu hình cài đặt **Picture** (**Backlight**, **Colour Tone**, v.v).

Bố trí các tùy chọn trong menu **Picture** có thể khác nhau tùy thuộc vào từng sản phẩm.

Backlight / Brightness / Contrast / Sharpness

MENU  → **Picture** → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Sản phẩm của bạn có nhiều tùy chọn để điều chỉnh chất lượng hình ảnh.

- Bạn có thể điều chỉnh và lưu cài đặt cho từng thiết bị ngoại vi mà bạn đã kết nối với đầu vào trên sản phẩm.
- Việc giảm độ sáng hình ảnh giúp giảm mức tiêu thụ điện.

Colour Temperature

MENU  → Picture → Colour Temperature → ENTER 



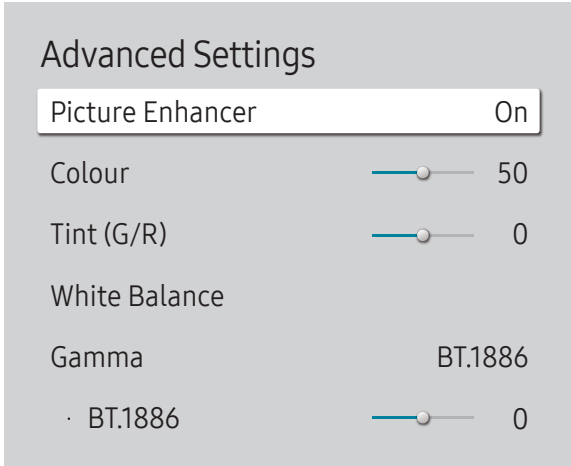
— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Đặt nhiệt độ màu. Giá trị và nhiệt độ tăng đồng thời nên tỷ lệ màu lam sẽ tăng lên. (Phạm vi: 2800K–16000K)

— Kích hoạt khi **Colour Tone** được cài đặt là **Off**.

Advanced Settings

MENU  → Picture → Advanced Settings → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Định cấu hình cài đặt hình ảnh nâng cao để tạo hình ảnh ưa thích của bạn.

Picture Enhancer

Hiển thị màu và độ nét nâng cao.

- Off / On

Colour

Điều chỉnh mức bão hòa màu. Độ bão hòa màu tăng lên khi giá trị dần đạt đến 100. (Phạm vi: 0~100)

Tint (G/R)

Điều chỉnh tỷ lệ mức độ màu xanh lục và màu đỏ. Tăng giá trị sẽ làm tăng độ bão hòa của các màu đỏ và xanh lục. (Phạm vi: 0~50)

White Balance

Điều chỉnh nhiệt độ màu của hình ảnh để đối tượng có màu trắng trong sáng hơn.

2 Point

Điều chỉnh độ sáng của màu đỏ, xanh lá cây và xanh dương trong hai phần để tối ưu hóa cân bằng trắng chính xác.

- **R-Offset / G-Offset / B-Offset**: Điều chỉnh tỷ lệ của từng màu đỏ, xanh lục và xanh lam ở các vùng tối.
- **R-Gain / G-Gain / B-Gain**: Điều chỉnh tỷ lệ của từng màu đỏ, xanh lục và xanh lam ở các vùng sáng.
- **Reset**: Khôi phục cài đặt cân bằng trắng về giá trị mặc định.

20 Point Settings

Điều khiển cân bằng trắng trong khoảng 20 điểm bằng cách điều chỉnh độ sáng của màu đỏ, xanh lá cây và xanh dương.

20 Point

Điều chỉnh mức độ sáng của màu đỏ, xanh lục và xanh lam trong hai mươi phần để có tối ưu hóa cân bằng trắng chính xác.

- **Off** (●) / **On** (●)
- **Interval**: Chọn khoảng cần điều chỉnh.
- **Red**: Điều chỉnh mức đỏ.
- **Green**: Điều chỉnh mức xanh lá cây.
- **Blue**: Điều chỉnh mức xanh dương.
- **Reset**: Khôi phục White Balance 20 điểm của mức hiện tại về các giá trị mặc định.

— Một số thiết bị ngoại vi có thể không hỗ trợ chức năng này.

Gamma

Điều chỉnh độ sáng trung bình của hình ảnh.

- **HLG / ST.2084 / BT.1886 / 2.2 / S Curve**

— Cài đặt **Gamma BT.1886, 2.2** và **S Curve** thay đổi tùy thuộc vào cài đặt video đầu vào.

HLG / ST.2084 / BT.1886 / 2.2 / S Curve

Điều chỉnh mức độ **HLG, ST.2084, BT.1886, 2.2, S Curve** của hình ảnh.

Contrast Enhancer

Tự động cân bằng độ tương phản để tránh chênh lệch quá mức giữa vùng sáng và tối.

- **Off / Low / Medium / High**

Black Tone

Chọn mức độ đen để điều chỉnh độ sâu màn hình.

- **Off / Dark / Darker / Darkest**

Flesh Tone

Điều chỉnh màu da bằng cách tăng hoặc giảm sắc màu đỏ.

Colour Space Settings

Đặt cấu hình cài đặt không gian màu để tinh chỉnh quang phổ của màu trên màn hình của bạn.

Colour Space

Chọn một không gian màu.

- **Auto** / **Native** / **Custom**

— Để điều chỉnh **Colour**, **Red**, **Green**, **Blue** và **Reset**, đặt **Colour Space** thành **Custom**.

Colour Gamut

Chọn một gam màu.

Input Signal Plus

Mở rộng phạm vi tín hiệu đầu vào cho các kết nối HDMI.

- **HDMI1 (Off (●) / On (●))**

— Khi **Input Signal Plus** được đặt thành **On**, độ phân giải được hỗ trợ đến 3840 x 2160 @ 60 Hz.

Khi **Input Signal Plus** được đặt thành **Off**, độ phân giải được hỗ trợ đến 1920 x 1080 @ 60 Hz.

Motion Lighting

Giảm mức tiêu thụ điện bằng cách giảm độ sáng màn hình khi hình ảnh trên màn hình đang chuyển động.

- **Off** / **On**

Picture Options

MENU  → Picture → Picture Options → ENTER 

Picture Options	
Colour Tone	Off
Digital Clean View	Off
HDMI Black Level	Auto
Film Mode	Off
Dynamic Backlight	Auto

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Colour Tone

Chọn tông màu phù hợp nhất với sở thích xem của bạn.

- Off / Cool / Standard / Warm1 / Warm2 / Natural

— Có thể điều chỉnh và lưu trữ cài đặt cho từng thiết bị ngoại vi được kết nối với đầu vào trên sản phẩm.

— Các tùy chọn sẵn có có thể thay đổi tùy theo sản phẩm.

Digital Clean View

Giảm nhiễu hình ảnh để tránh làm đứt quãng hình ảnh như nháy hình.

- Auto / Off

HDMI Black Level

Điều chỉnh mức độ màu đen để tối ưu hóa độ sáng và độ tương phản của hình ảnh qua kết nối HDMI.

- Normal / Low / Auto

— Chỉ khả dụng nếu tín hiệu đầu vào từ thiết bị bên ngoài được kết nối với cổng HDMI là RGB444.

Film Mode

Giúp chuyển đổi khung hình từ các nguồn video cũ được mượn mà hơn. Chức năng này chỉ hoạt động khi tín hiệu đầu vào là HDMI (1080i).

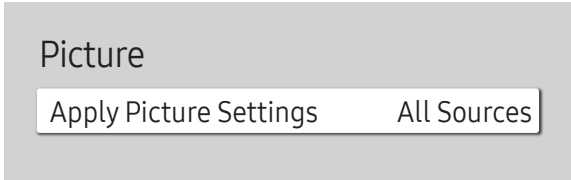
- Off / Auto1 / Auto2

Dynamic Backlight

Tự động điều chỉnh đèn nền để mang lại độ tương phản màn hình tốt nhất có thể trong các điều kiện hiện tại.

Apply Picture Settings

MENU  → Picture → Apply Picture Settings → ENTER 



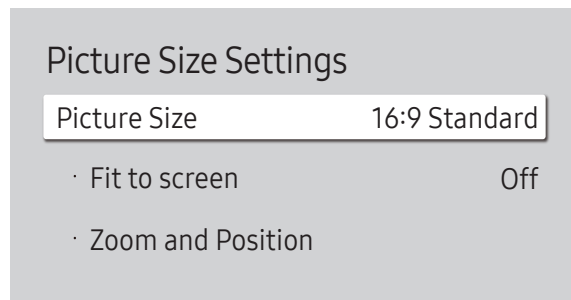
— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Áp dụng cài đặt hình ảnh cho tất cả thiết bị bên ngoài kết nối với thiết bị hoặc chỉ áp dụng cho nguồn hiện tại.

- All Sources / Current Source

Picture Size Settings

MENU  → Picture → Picture Size Settings → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

chọn kích thước và tỷ lệ khung hình của hình ảnh được hiển thị trên màn hình.

— Một số ứng dụng và thiết bị ngoại vi có thể không hỗ trợ chức năng này.

Picture Size

Các tùy chọn điều chỉnh màn hình khác nhau được hiển thị tùy thuộc vào nguồn tín hiệu đầu vào hiện tại.

— Các chức năng có sẵn có thể khác nhau tùy theo mẫu sản phẩm hoặc tín hiệu ngõ vào.

- **16:9 Standard:** Đặt hình ảnh thành chế độ rộng **16:9 Standard**.
- **Custom:** Thay đổi độ phân giải cho phù hợp với tùy chọn của người dùng.
- **4:3:** Đặt hình ảnh thành chế độ **(4:3)** cơ bản.

— Không đặt sản phẩm về định dạng **4:3** lâu.

Các đường viền hiển thị ở bên trái và bên phải hoặc trên và dưới màn hình có thể gây ra hiện tượng giữ lại hình ảnh (cháy màn hình).
Hiện tượng này không được bao gồm trong bảo hành.

Fit to screen

Điều chỉnh vị trí của hình ảnh. Khi được chọn, hình ảnh chương trình sẽ được hiển thị trên toàn màn hình. Không có phần hình ảnh nào bị cắt bớt.

- **Off / On / Auto**

Zoom and Position

Điều chỉnh mức thu phóng ảnh và vị trí. Chức năng này chỉ hoạt động nếu đặt **Picture Size** là **Custom**.

— Nếu bạn muốn đặt lại hình ảnh về vị trí ban đầu, chọn **Reset** trong màn hình **Zoom and Position**. Hình ảnh sẽ được đặt về vị trí mặc định.

Reset Picture

Khôi phục tất cả cài đặt hình ảnh về mặc định ban đầu.

MENU  → Picture → Reset Picture → ENTER 



Picture



Reset Picture

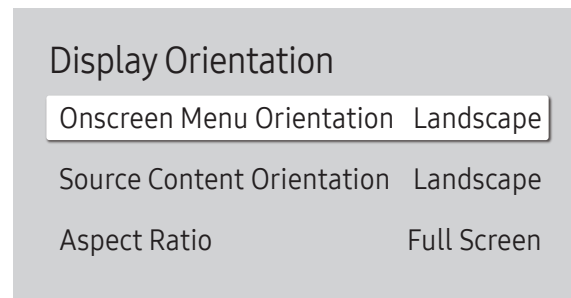
— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Chương 07

OnScreen Display

Display Orientation

MENU  → OnScreen Display → Display Orientation → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Onscreen Menu Orientation

Chọn xem menu trên màn hình sẽ hiển thị theo chiều ngang hay dọc.

- **Landscape:** Hiển thị menu ở chế độ ngang.
- **Portrait:** Hiển thị menu ở chế độ dọc ở bên phải màn hình sản phẩm.

Source Content Orientation

Xoay hướng màn hình sản phẩm.

— Tính năng này không hoạt động nếu độ phân giải nguồn đầu vào cao hơn 7680 x 4320.

- **Landscape:** Hiển thị màn hình ở chế độ ngang.
- **Portrait:** Hiển thị màn hình ở chế độ dọc.



Aspect Ratio

Đặt màn hình xoay ở chế độ toàn màn hình hoặc ban đầu.

- **Full Screen:** Hiển thị màn hình xoay ở chế độ toàn màn hình.
- **Original ratio:** Hiển thị màn hình xoay ở tỷ lệ khung hình ban đầu.

— Chỉ khả dụng khi **Source Content Orientation** được đặt thành **Portrait**.

Screen Protection

MENU  → OnScreen Display → Screen Protection → ENTER 

Screen Saver

Kích hoạt trình bảo vệ màn hình khi thiết bị hiển thị hình ảnh tĩnh trong hai giờ trở lên.

Screen Burn Protection

Để giảm nguy cơ xảy ra hiện tượng lưu ảnh trên màn hình, thiết bị này được trang bị công nghệ ngăn chặn lưu ảnh trên màn hình **Screen Burn Protection**.

Screen Burn Protection di chuyển hình ảnh trên màn hình một chút.

Pixel Shift

Giảm thiểu hiện tượng giữ lại hình ảnh bằng cách di chuyển điểm ảnh theo chiều ngang hoặc chiều dọc.

- **Horizontal**, **Vertical** và **Time** được kích hoạt khi **Pixel Shift** được đặt thành **On**.
- Giá trị **Pixel Shift** có thể khác nhau tùy theo mẫu.
- Hiển thị hình ảnh tĩnh hoặc đầu ra **4:3** trong một khoảng thời gian dài có thể gây ra hiện tượng giữ lại hình ảnh. Đây không phải là hỏng hóc của sản phẩm.

Timer

Bạn có thể đặt hẹn giờ cho **Screen Burn Protection**.

Tính năng **Screen Burn Protection** tự động dừng sau một khoảng thời gian cụ thể.

Timer

Off

Repeat: Hiển thị kiểu ngăn hiện tượng giữ lại hình ảnh được đặt trong **Mode** trong khoảng thời gian nhất định (Khoảng thời gian).

Interval: Hiển thị kiểu ngăn hiện tượng giữ lại hình ảnh được đặt trong **Mode** trong khoảng thời gian nhất định (từ **Start Time** đến **End Time**).

— **Mode**, **Period**, **Time**, **Start Time** và **End Time** được kích hoạt khi **Timer** được đặt thành **Repeat** hoặc **Interval**.



- **Mode**: Chọn kiểu bảo vệ màn hình sẽ hiển thị.
 - **Pixel**: Các điểm ảnh trên màn hình xen kẽ màu đen một cách liên tục.
 - **Rolling bar**: Thanh dọc di chuyển từ trái sang phải.
 - **Fading screen**: Toàn bộ màn hình trở nên sáng hơn, sau đó lại tối hơn.
- Kiểu **Rolling bar** và **Fading screen** chỉ xuất hiện một lần bất kể khoảng thời gian lặp lại cụ thể.
- **Period**: Xác định khoảng thời gian chờ để kích hoạt chức năng **Screen Burn Protection**.
 - Tùy chọn được bật khi **Repeat** được chọn cho **Timer**.
- **Time**: Xác định khoảng thời gian bật chức năng **Screen Burn Protection**.
 - Được kích hoạt khi **Timer** được đặt thành **Repeat** và **Mode** được đặt thành **Pixel**.
- **Start Time**: Đặt thời gian bắt đầu để kích hoạt chức năng bảo vệ màn hình.
 - Tùy chọn được bật khi **Interval** được chọn cho **Timer**.
- **End Time**: Đặt thời gian kết thúc để tắt kích hoạt chức năng bảo vệ màn hình.
 - Tùy chọn được bật khi **Interval** được chọn cho **Timer**.

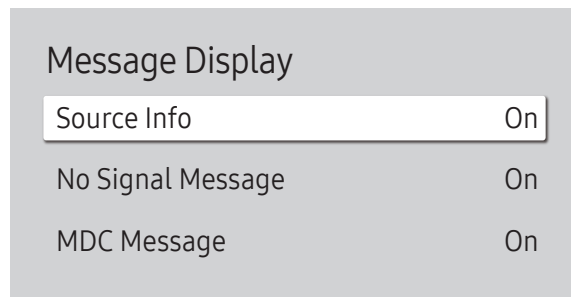
Immediate display

Chọn chế độ bảo vệ màn hình bạn muốn hiển thị ngay lập tức.

- **Off** / **Pixel** / **Rolling bar** / **Fading screen**

Message Display

MENU  → OnScreen Display → Message Display → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Source Info

Chọn xem có hiển thị OSD nguồn khi nguồn tín hiệu đầu vào thay đổi hay không.

- Off / On

No Signal Message

Chọn có hiển thị OSD không tín hiệu khi không phát hiện thấy tín hiệu không.

Sẽ có thông báo **No Cable Connected** nếu không có thiết bị nguồn nào được kết nối.

- Off / On

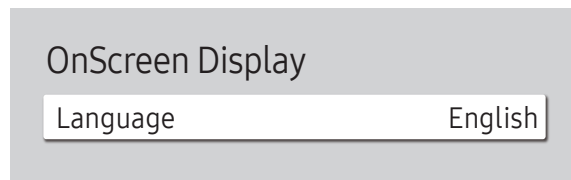
MDC Message

Chọn có hiển thị MDC OSD khi sản phẩm được MDC điều khiển không.

- Off / On

Language

MENU  → OnScreen Display → Language → ENTER 



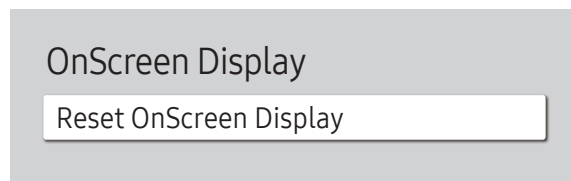
— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Cài đặt ngôn ngữ trình đơn.

— Thay đổi cài đặt ngôn ngữ sẽ chỉ được áp cho hiển thị trình đơn trên màn hình. Thay đổi này sẽ không được áp cho những tính năng khác trên máy tính.

Reset OnScreen Display

MENU  → OnScreen Display → Reset OnScreen Display → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Tùy chọn này đổi cài đặt hiện tại trong OnScreen Display về cài đặt xuất xưởng mặc định.

Chương 08

Network

Network Status

MENU  → Network → Network Status → ENTER 

Bạn có thể kiểm tra mạng và trạng thái Internet hiện tại.

Open Network Settings

MENU  → Network → Open Network Settings → ENTER 

Cấu hình cài đặt mạng để kết nối với một mạng có sẵn.

Network Type

— Menu Network Type có thể không hoạt động trên các kiểu máy Có dây.

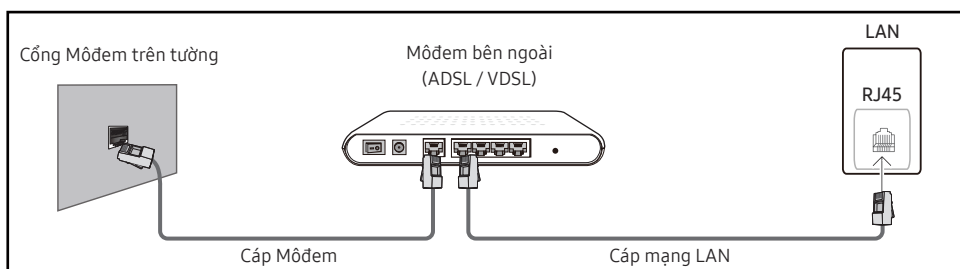
Cài đặt mạng (Có dây)

Kết nối với Mạng có dây

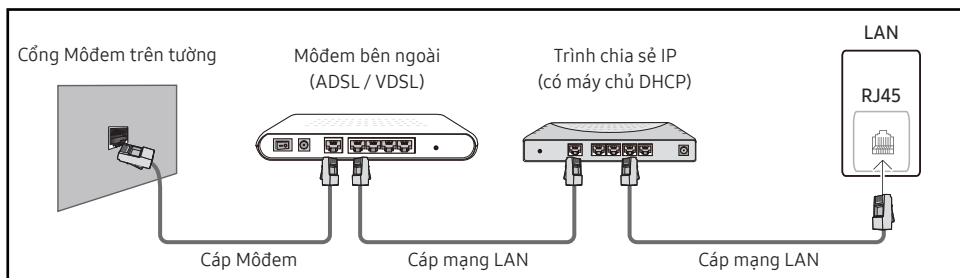
Có 3 cách để kết nối sản phẩm của bạn với LAN bằng cáp.

- Bạn có thể kết nối sản phẩm của mình với LAN bằng cách kết nối cổng LAN ở phía sau sản phẩm với modem ngoài bằng cáp LAN.

Xem sơ đồ bên dưới.

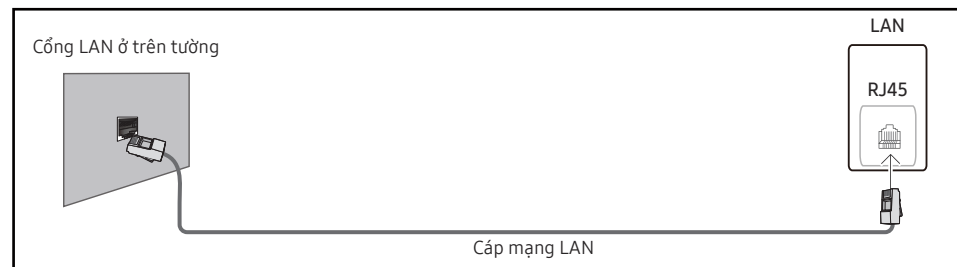


- Bạn có thể kết nối sản phẩm với LAN bằng cách kết nối cổng LAN ở phía sau sản phẩm với Bộ chia IP được kết nối với modem ngoài. Sử dụng cáp LAN để kết nối. Xem sơ đồ bên dưới.



- Tùy thuộc vào cách đặt cấu hình mạng của bạn, bạn có thể kết nối sản phẩm của mình với LAN bằng cách kết nối trực tiếp cổng LAN ở phía sau sản phẩm với ổ cắm mạng trên tường bằng cáp LAN.

Xem sơ đồ bên dưới. Lưu ý rằng ổ cắm trên tường được gắn với modem hoặc bộ định tuyến ở đâu đó trong nhà của bạn.



Nếu bạn có Mạng động, bạn nên sử dụng bộ định tuyến hoặc modem ADSL hỗ trợ Giao thức cấu hình động máy chủ (DHCP). Các modem và bộ định tuyến hỗ trợ DHCP tự động cung cấp **IP Address**, **Subnet Mask**, **Gateway**, và các giá trị DNS mà sản phẩm của bạn cần để truy cập Internet, vì vậy bạn không phải nhập theo cách thủ công. Hầu hết mạng gia đình đều là Mạng động.

Một số mạng yêu cầu địa chỉ IP tĩnh. Nếu mạng của bạn yêu cầu địa chỉ IP tĩnh, bạn phải tự nhập **IP Address**, **Subnet Mask**, **Gateway**, và giá trị DNS vào **IP Settings** của sản phẩm khi bạn thiết lập kết nối mạng. Để nhận **IP Address**, **Subnet Mask**, **Gateway**, và các giá trị DNS, hãy liên hệ với Nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) của bạn.

Nếu bạn có máy tính Windows, bạn cũng có thể nhận những giá trị này qua máy tính.

- Bạn có thể sử dụng modem ADSL hỗ trợ DHCP nếu mạng của bạn yêu cầu địa chỉ IP tĩnh.
- Modem ADSL hỗ trợ DHCP cũng cho phép bạn sử dụng các địa chỉ IP tĩnh.

Đặt kết nối mạng để sử dụng dịch vụ internet như thực hiện nâng cấp phần mềm.

Open Network Settings tự động (Có dây)

Kết nối với mạng bằng cáp LAN.

Đảm bảo cáp LAN được kết nối trước tiên.

Cách thiết lập tự động

- 1 Đặt **Network Type** thành **Wired** từ trang **Open Network Settings**.
 - Đối với mẫu sản phẩm có kết nối dây, hãy chọn menu **Network Status**.
- 2 Màn hình kiểm tra mạng xuất hiện và xác minh kết nối mạng.

Khi kết nối đã được xác minh, thông báo “**Success! Your device is connected to the Internet. If you have any problems using online services, please contact your Internet service provider.**” xuất hiện.

 - Nếu quá trình kết nối không thành công, hãy kiểm tra kết nối cổng LAN.
 - Nếu quy trình tự động không thể tìm thấy giá trị kết nối mạng hoặc nếu bạn muốn cài đặt kết nối theo cách thủ công, hãy vào phần tiếp theo (Open Network Settings theo cách thủ công (Có dây)).

Open Network Settings thủ công (Có dây)

Các văn phòng có thể sử dụng địa chỉ IP tĩnh.



Trong trường hợp này, hỏi quản trị viên mạng để biết **IP Address**, **Subnet Mask**, **Gateway** và địa chỉ máy chủ DNS. Nhập thủ công các giá trị này.

Xem Giá trị kết nối mạng

Để xem Giá trị kết nối mạng trên hầu hết các máy tính Windows, thực hiện theo các bước sau.

- 1 Nhấp chuột phải vào biểu tượng Mạng phía dưới cùng bên phải của màn hình.
 - 2 Trong menu bật lên xuất hiện, nhấp Trạng thái.
 - 3 Trên hộp thoại xuất hiện, nhấp tab **Support**.
 - 4 Trên Tab **Support**, nhấp nút **Details**. Các giá trị kết nối mạng được hiển thị.
- Đường dẫn tới các cài đặt tùy thuộc vào hệ điều hành đã cài đặt.

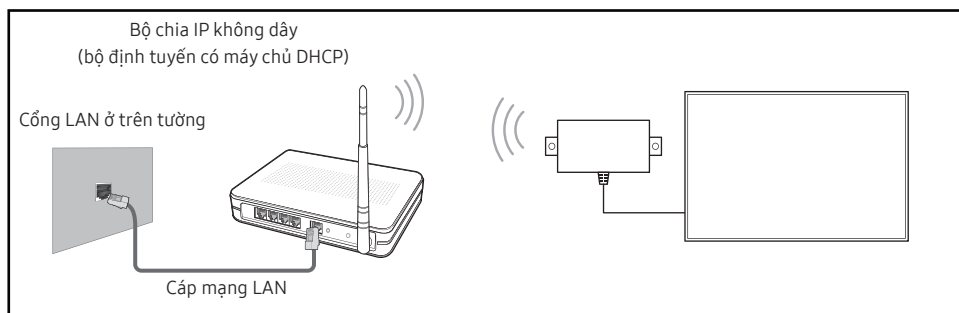
Cách thiết lập thủ công

- 1 Đặt **Network Type** thành **Wired** từ trang **Open Network Settings**.
- 2 Màn hình kiểm tra mạng xuất hiện và quá trình xác minh bắt đầu. Nhấn Cancel. Quá trình xác minh dừng lại.
 - Đối với mẫu sản phẩm có kết nối dây, hãy chọn menu **Network Status**.
- 3 Chọn **IP Settings** trên màn hình kết nối mạng. Màn hình **IP Settings** hiển thị.
- 4 Chọn trường ở trên cùng, nhấn , rồi đặt **IP setting** thành **Enter manually**. Lặp lại quy trình nhập cho từng trường trong **IP Address**.
 - Đặt **IP setting** thành **Enter manually** sẽ tự động thay đổi **DNS setting** thành **Enter manually**.
- 5 Khi hoàn tất, chọn **OK** ở cuối trang, sau đó nhấn . Màn hình kiểm tra mạng xuất hiện và quá trình xác minh bắt đầu.
- 6 Khi kết nối đã được xác minh, thông báo “**Success! Your device is connected to the Internet. If you have any problems using online services, please contact your Internet service provider.**” xuất hiện.

Cài đặt mạng (Không dây)

— Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.

Kết nối với Mạng không dây



Samsung khuyến bạn sử dụng IEEE 802.11n. Khi bạn phát video qua kết nối mạng, video có thể không phát thông suốt.

— Chọn kênh cho bộ chia IP không dây hiện không được sử dụng. Nếu nhóm kênh cho bộ chia IP không dây hiện đang được sử dụng bởi một thiết bị khác gần đó, điều này sẽ gây ra hiện tượng nhiễu và lỗi truyền.

— Sản phẩm của bạn chỉ hỗ trợ các giao thức bảo mật mạng không dây sau.

- Chế độ xác thực: WEP, WPAPSK, WPA2PSK
- Loại mã hóa: WEP, TKIP, AES

Theo thông số kỹ thuật chứng nhận Wi-Fi, các sản phẩm của Samsung không hỗ trợ mã hóa bảo mật WEP hoặc TKIP trong các mạng chạy ở chế độ thông lượng cao (Greenfield) 802.11n.



— Nếu bộ định tuyến không dây của bạn hỗ trợ WPS (Thiết lập Wi-Fi được bảo vệ), bạn có thể kết nối với mạng qua PBC (Cấu hình nút nhấn) hoặc PIN (Số nhận dạng cá nhân). WPS sẽ tự động đặt cấu hình khóa SSID và WPA ở một trong hai chế độ.

— Phương pháp kết nối: Bạn có thể thiết lập kết nối mạng không dây theo 3 cách.
Thiết lập mạng Tự động, Thiết lập mạng Thủ công, **Use WPS**

Thiết lập mạng tự động (Không dây)

Hầu hết các mạng không dây đều có một hệ thống bảo mật tùy chọn yêu cầu các thiết bị truy cập mạng truyền mã bảo mật đã mã hóa được gọi là Quyền truy cập hay Mã khóa bảo mật. Mã khóa bảo mật dựa trên Mật mã, thường là một từ hoặc một chuỗi gồm chữ cái và chữ số có độ dài được chỉ định mà bạn được yêu cầu nhập khi thiết lập bảo mật cho mạng không dây của mình. Nếu bạn sử dụng phương pháp này để thiết lập kết nối mạng và có một Mã khóa bảo mật cho mạng không dây của mình, bạn sẽ phải nhập Mật mã trong quá trình thiết lập tự động hoặc thủ công.

Cách thiết lập tự động

- 1 Đặt **Network Type** thành **Wireless** từ trang **Open Network Settings**.
- 2 Chức năng **Network** tìm kiếm các mạng không dây có sẵn. Khi hoàn tất, chức năng này hiển thị một danh sách mạng có sẵn.
Trong danh sách mạng, nhấn nút ▲ hoặc ▼ để chọn một mạng, sau đó nhấn nút .
- Nếu bộ định tuyến không dây mong muốn không xuất hiện, hãy chọn **Refresh** để tìm kiếm lại.
- Nếu bạn không thể tìm thấy bộ định tuyến sau khi thử lại, hãy chọn **Add Network**.
- 3 Nếu màn hình **Enter the password for (AP Name)** xuất hiện, hãy chuyển sang bước 4. Nếu bạn chọn bộ định tuyến không dây không có bảo mật, hãy chuyển sang bước 6.
- 4 Nếu bộ định tuyến có bảo mật, hãy nhập **Enter the password for (AP Name)**. (Mã bảo mật hoặc PIN).
- 5 Khi hoàn tất, sử dụng nút mũi tên phải để di chuyển con trỏ sang **Done**, sau đó nhấn . Màn hình kết nối mạng xuất hiện và quá trình xác minh bắt đầu.
— Một kết nối với bộ định tuyến được thiết lập nhưng không thể truy cập Internet. Trong trường hợp này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet của bạn.
- 6 Khi kết nối đã được xác minh, thông báo **“Success! Your device is connected to the Internet. If you have any problems using online services, please contact your Internet service provider.”** xuất hiện.

Thiết lập mạng thủ công (Không dây)

Các văn phòng có thể sử dụng địa chỉ IP tĩnh.





Trong trường hợp này, hỏi quản trị viên mạng để biết **IP Address**, **Subnet Mask**, **Gateway** và địa chỉ máy chủ DNS. Nhập thủ công các giá trị này.

Xem Giá trị kết nối mạng

Để xem Giá trị kết nối mạng trên hầu hết các máy tính Windows, thực hiện theo các bước sau.

- 1 Nhấp chuột phải vào biểu tượng Mạng phía dưới cùng bên phải của màn hình.
- 2 Trong menu bật lên xuất hiện, nhấp Trạng thái.
- 3 Trên hộp thoại xuất hiện, nhấp tab **Support**.
- 4 Trên Tab **Support**, nhấp nút **Details**. Các giá trị kết nối mạng được hiển thị.

Cách thiết lập thủ công


- 1 Đặt **Network Type** thành **Wireless** từ trang **Open Network Settings**.
- 2 Chức năng **Network** tìm kiếm các mạng không dây có sẵn. Khi hoàn tất, chức năng này hiển thị một danh sách mạng có sẵn.
- 3 Trong danh sách mạng, nhấn nút ▲ hoặc ▼ để chọn một mạng, sau đó nhấn nút  hai lần.
 - Nếu bộ định tuyến không dây mong muốn không xuất hiện, hãy chọn **Refresh** để tìm kiếm lại.
 - Nếu bạn không thể tìm thấy bộ định tuyến sau khi thử lại, hãy chọn nút **Stop**. Nút **Add Network** sẽ xuất hiện.
- 4 Nếu màn hình **Enter the password for (AP Name)** xuất hiện, hãy chuyển sang bước 5. Nếu bạn chọn bộ định tuyến không dây không có bảo mật, hãy chuyển sang bước 7.
- 5 Nếu bộ định tuyến có bảo mật, hãy nhập **Enter the password for (AP Name)**. (Mã bảo mật hoặc PIN).
- 6 Khi hoàn tất, sử dụng nút mũi tên phải để di chuyển con trỏ sang **Done**, sau đó nhấn . Màn hình kết nối mạng xuất hiện và quá trình xác minh bắt đầu.
- 7 Chọn **Cancel** trong khi đang cố gắng kết nối mạng. Tác vụ này sẽ ngừng kết nối.
- 8 Chọn **IP Settings** trên màn hình kết nối mạng. Màn hình **IP Settings** hiển thị.
- 9 Chọn trường ở trên cùng, nhấn , rồi đặt **IP setting** thành **Enter manually**. Lặp lại quy trình nhập cho từng trường trong **IP Address**.
 - Đặt **IP setting** thành **Enter manually** sẽ tự động thay đổi **DNS setting** thành **Enter manually**.
- 10 Khi hoàn tất, chọn **OK** ở cuối trang, sau đó nhấn . Màn hình kiểm tra mạng xuất hiện và quá trình xác minh bắt đầu.
- 11 Khi kết nối đã được xác minh, thông báo **“Success! Your device is connected to the Internet. If you have any problems using online services, please contact your Internet service provider.”** xuất hiện.

Use WPS

⚠ Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.

Cách thiết lập bằng Use WPS

Nếu bộ định tuyến của bạn có nút **Use WPS**, hãy thực hiện theo các bước sau.

- 1 Đặt **Network Type** thành **Wireless** từ trang **Open Network Settings**.
- 2 Chọn **Use WPS**, nhấn .
- 3 Nhấn nút WPS hoặc PBC trên bộ định tuyến không dây trong vòng hai phút tiếp theo. Sản phẩm của bạn tự động lấy tất cả các giá trị cài đặt mạng cần thiết và kết nối với mạng của bạn.
 - Nếu bạn muốn sử dụng WPS PIN, hãy chọn **WPS PIN**.
Đi tới Cài đặt của bộ định tuyến không dây, nhập mã PIN của bạn, sau đó chọn **OK**.
- 4 Màn hình kết nối mạng xuất hiện và quá trình thiết lập mạng hoàn tất.

Server Network Settings

MENU  → Network → Server Network Settings → ENTER 

Connect to server

Kết nối với máy chủ MagicInfo.

- **Server Address / TLS / Port**

- Nếu bạn sử dụng tùy chọn **TLS**, máy chủ sẽ được định cấu hình sử dụng https và dữ liệu truyền đi sẽ được mã hóa. (Số cổng: 7002)
- Nếu bạn không sử dụng tùy chọn **TLS**, hãy nhập địa chỉ IP của máy chủ và số cổng. Sử dụng 7001 làm số cổng. (Nếu không thể kết nối với máy chủ bằng số cổng 7001, hãy kiểm tra với quản trị viên máy chủ để tìm số cổng chính xác rồi thay đổi số cổng.)
- Nhập địa chỉ IP và số cổng của máy chủ. Sử dụng 7001 làm số cổng. (Nếu không thể kết nối với máy chủ bằng số cổng 7001, hãy kiểm tra với quản trị viên máy chủ để tìm thấy số cổng chính xác rồi thay đổi số cổng.)
- Để xem hướng dẫn sử dụng MagicInfo Server, hãy truy cập vào trang web sau: <http://displaysolutions.samsung.com> → Support → Resources → MagicInfo Web Manual.

Verify MagicINFO Server

Bật tùy chọn này để chặn giao tiếp HTTPS nếu tên miền của URL Máy chủ MagicINFO khác với tên miền của chứng chỉ Máy chủ MagicINFO.

MagicInfo Mode

Chọn **MagicInfo Mode** phù hợp tùy theo môi trường nơi bạn đang sử dụng sản phẩm.

- **Lite / Premium**

— Các loại nội dung được hỗ trợ có thể bị giới hạn khi **MagicInfo Mode** được đặt là **Lite**.

Server Access

Cho phép hoặc từ chối quyền truy cập vào máy chủ MagicInfo.

- **Allow / Deny**

FTP Mode

Chỉ định chế độ vận hành FTP.

- **Active / Passive**

Proxy server

Thiết lập kết nối máy chủ proxy và các chức năng liên quan.

Off / On

- **Address / Port / ID / Password**

— **Address / Port / ID** và **Password** được kích hoạt khi **Proxy server** được đặt thành **On**.

Embedded Server Settings

MENU  → Network → Embedded Server Settings → ENTER 



Embedded Server

Bật để kích hoạt máy chủ nhúng. Tắt để xóa thông tin máy chủ đã đăng ký.

Server Mode

Để sử dụng thiết bị này làm máy chủ web cục bộ, hãy đặt thiết bị thành 'Server' (Máy chủ). Nếu bạn đã có thiết bị máy chủ gần đó, hãy đặt thiết bị là 'Client' (Máy khách) để kết nối thiết bị này với máy chủ.

Wi-Fi

MENU  → Network → Wi-Fi → ENTER 

Bật hoặc tắt Wi-Fi. Bật tùy chọn này để sử dụng các tính năng yêu cầu kết nối Wi-Fi.

Device Name

MENU  → Network → Device Name → ENTER 

Chọn hoặc nhập tên thiết bị.

Tên này có thể được hiển thị trên thiết bị mạng qua mạng.

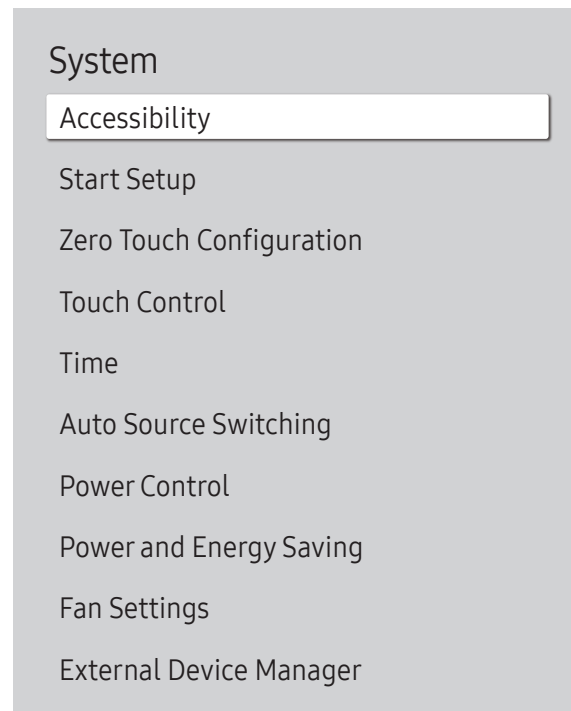
- [Signage] Display1 ~ 6 / User Input

Chương 09

System

Accessibility

MENU  → System → Accessibility → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Voice Guide Settings

Voice Guide

Bật hoặc tắt **Voice Guide**. Ngôn ngữ được sử dụng cho **Voice Guide** sẽ giống như ngôn ngữ menu hiện tại.

- Off (●) / On (●)

— **Volume**, **Speed** và **Pitch** được kích hoạt khi **Voice Guide** được đặt thành **On**.

Volume

Đặt mức âm lượng cho **Voice Guide**.

- Loud / Medium / Soft

Speed

Đặt tốc độ của **Voice Guide**.

- Very Fast / Fast / Normal / Slow / Very Slow

Pitch

Điều chỉnh độ cao của **Voice Guide**.

- High / Medium / Low

Background Sound Volume

Điều chỉnh âm lượng nền trong khi hướng dẫn bằng giọng nói.

Accessibility

Voice Guide Settings Off

High Contrast ☐

Enlarge ☐

High Contrast

Đặt nền và phông chữ thành màu có độ tương phản cao trong Menu. Độ rõ ràng của menu trở thành mờ khi tùy chọn được chọn.

- Off (●) / On (●)

Enlarge

Tăng kích thước của khu vực Menu.

- Off (●) / On (●)

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Start Setup

MENU  → System → Start Setup → ENTER 

System

Start Setup

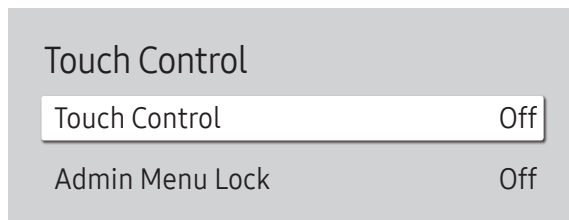
Thực hiện các bước cài đặt ban đầu giống như bạn đã làm khi lần đầu sử dụng sản phẩm này.

- Nhập số PIN gồm 6 chữ số. Số PIN mặc định là "0-0-0-0-0-0".
Nếu bạn muốn thay đổi số PIN, hãy sử dụng chức năng **Change PIN**.
- Đổi mã PIN để giữ thiết bị được an toàn.

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Touch Control

MENU  → System → Touch Control → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Đặt các chức năng liên quan đến điều khiển cảm ứng.

Touch Control

Ngăn các thao tác chạm không điều khiển thiết bị của bạn.

- Off / On



Admin Menu Lock

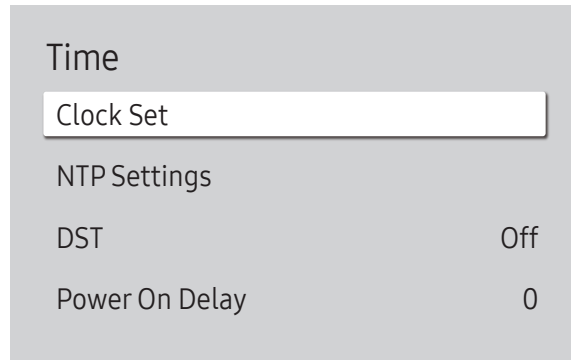
Đặt **Admin Menu Lock** để hiển thị trình đơn cài đặt quản trị viên khi bạn chạm và giữ ngón tay trên màn hình.

- Off / On

— Chỉ khả dụng khi **Touch Control** được đặt thành **On**.

Time

MENU  → System → Time → ENTER 




— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Bạn có thể đặt cấu hình **Clock Set** hoặc **DST**. Định cấu hình các cài đặt có liên quan đến thời gian khác nhau.

Clock Set

Chọn **Clock Set**. Chọn **Date** hoặc **Time**, rồi nhấn .

Sử dụng các nút số để nhập số hoặc nhấn nút mũi tên lên và xuống. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để di chuyển từ một trường nhập sang trường nhập tiếp theo. Nhấn  khi hoàn tất.

— Bạn có thể cài đặt trực tiếp **Date** và **Time** bằng cách nhấn các nút số trên điều khiển từ xa.

NTP Settings

Thiết lập máy chủ URL và múi giờ để sử dụng thời gian mạng.

DST

Bật hoặc tắt chức năng DST (Quy ước giờ mùa hè).

Off / On

- **Start Date:** Đặt ngày bắt đầu của Quy ước giờ mùa hè.
- **End Date:** Đặt ngày kết thúc của Quy ước giờ mùa hè.
- **Time Offset:** Chọn giá trị bù thời gian chính xác cho múi giờ của bạn.

— **Start Date**, **End Date** và **Time Offset** được kích hoạt khi **DST** được đặt thành **On**.

Power On Delay

Khi kết nối nhiều sản phẩm, điều chỉnh thời gian bật nguồn cho từng sản phẩm để tránh quá tải điện (trong khoảng 0–50 giây).

Auto Source Switching

MENU  → System → Auto Source Switching → ENTER 

Auto Source Switching	
Auto Source Switching	Off
Primary Source Recovery	Off
Primary Source	All
Secondary Source	HDMI1
Default Input	Last Input

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Auto Source Switching

Chuyển sang nguồn đặt trước hoặc một nguồn khác khi thiết bị nguồn chính bị ngắt kết nối.

Primary Source Recovery

Chọn khôi phục nguồn vào chính đã chọn khi nguồn vào chính được kích hoạt.

— Chức năng **Primary Source Recovery** bị tắt nếu **Primary Source** được đặt thành **All**.

Primary Source

Chọn nguồn chính để chuyển sang khi không nhận được tín hiệu từ đầu vào hiện tại.

Secondary Source

Chọn nguồn phụ để chuyển sang khi không nhận được tín hiệu từ đầu vào hiện tại.

— Chức năng **Secondary Source** bị tắt nếu **Primary Source** được đặt thành **All**.

Default Input

Chọn đầu vào mặc định để chuyển sang khi ngắt kết nối đầu vào mới. Tùy chọn **Last Input** chỉ bao gồm các đầu vào bên ngoài được kết nối qua cáp.

— **Auto Source Switching** phải được đặt thành **New Input** để bật tùy chọn **Default Input**.

Power Control

MENU  → System → Power Control → ENTER 

Power Control	
Brightness Limit	Off
Auto Power On	Off
Max. Power Saving	On
Standby Control	On
Remote Configuration	Off
Power Button	Power on only

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Brightness Limit

Bật hoặc tắt cài đặt **Brightness Limit**. Nếu bạn chọn **On**, màn hình sẽ không hiển thị độ sáng tối đa nhưng bạn sẽ tiết kiệm được năng lượng.

- **Off / On**

— Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy thuộc vào kiểu máy hoặc khu vực địa lý.

Auto Power On

Tính năng này tự động bật trên sản phẩm ngay khi được cắm điện. Bạn không cần nhấn nút nguồn.

- **Off / On**

Max. Power Saving

Tiết kiệm điện bằng cách tắt màn hình PC khi bạn không sử dụng PC sau một khoảng thời gian nhất định.

- **Off / On**

Standby Control

Khi không có tín hiệu, thì sẽ xác định xem có vào chế độ ngủ hay không.

- **Auto**

Màn hình tắt để tiết kiệm năng lượng cho tới khi phát hiện các tín hiệu hoạt động, ngay cả khi có một thiết bị bên ngoài được kết nối.

Sẽ có thông báo **No Cable Connected** nếu không có thiết bị nguồn nào được kết nối.

- **Off**

Sẽ có thông báo **No Signal** nếu không phát hiện tín hiệu đầu vào nào.

— Nếu thông báo "**No Signal**" hiển thị cho dù thiết bị nguồn đã được kết nối, hãy kiểm tra kết nối cáp và các cài đặt của thiết bị nguồn.

— Nếu **No Signal Message** được đặt thành **Off**, thông báo **No Signal** sẽ không xuất hiện.

Nếu gặp trường hợp này, hãy đặt **No Signal Message** thành **On**.

- **On**

Màn hình tắt để tiết kiệm năng lượng nếu không có tín hiệu đầu vào nào được phát hiện.

Power Control

Brightness Limit Off

Auto Power On Off

Max. Power Saving On

Standby Control On

Remote Configuration Off

Power Button Power on only



Remote Configuration

Giữ kết nối mạng hoạt động khi sản phẩm bị tắt.

- Off / On



Power Button

Bạn có thể đặt nút nguồn  trên điều khiển từ xa để bật nguồn hoặc bật/tắt nguồn.

- **Power on only:** Đặt nút nguồn  trên điều khiển từ xa để chỉ bật nguồn.
- **Power on and off:** Đặt nút nguồn  trên điều khiển từ xa để chỉ bật hoặc tắt nguồn.

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Power and Energy Saving

MENU  → System → Power and Energy Saving → ENTER 

Power and Energy Saving

Brightness Reduction	Off
Brightness Optimization	Off
· Minimum Brightness	0
Screen Lamp Schedule	Off
No Signal Power Off	15 minutes
Auto Power Off	Off (Recommended)

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Brightness Reduction

Giảm tiêu thụ điện bằng cách điều chỉnh độ sáng màn hình.

- On / Off

Brightness Optimization

Tự động điều chỉnh độ sáng hình ảnh dựa theo mức ánh sáng xung quanh.

- On / Off

— Nếu độ tương phản màn hình không đủ, hãy đặt **Brightness Optimization** thành **Off**. Nếu **Brightness Optimization** là **Off**, thiết bị có thể không tuân thủ các tiêu chuẩn năng lượng.

Minimum Brightness

Đặt độ sáng nhỏ nhất cho màn hình bằng ký hiệu. Chức năng này chỉ hoạt động nếu giá trị của nó nhỏ hơn giá trị đã đặt trong cài đặt **Backlight** của menu **Picture**.

— Nếu **Brightness Optimization** là **On**, độ sáng màn hình có thể thay đổi (trở nên tối hơn hoặc sáng hơn một chút) tùy thuộc vào cường độ ánh sáng xung quanh.

— Chỉ khả dụng khi **Brightness Optimization** được đặt là **On**.

Power and Energy Saving

Brightness Reduction Off

Brightness Optimization Off

• Minimum Brightness — 0

Screen Lamp Schedule Off

No Signal Power Off 15 minutes

Auto Power Off Off (Recommended)

Screen Lamp Schedule

Screen Lamp Schedule

Bật hoặc tắt lịch trình đèn.

- Off / On

Schedule 1, Schedule 2

Time

Độ sáng của pa-nen sẽ thay đổi về độ sáng được đặt trong **Lamp** tại một giờ nhất định.

Lamp

Điều chỉnh độ sáng của pa-nen. Giá trị càng gần 100 thì pa-nen càng sáng hơn.

- 0 ~ 100

No Signal Power Off

Tiết kiệm điện bằng cách tắt sản phẩm khi không nhận tín hiệu từ bất kỳ nguồn nào.

— Chức năng này không hoạt động nếu màn hình đang ở chế độ chờ.

— Sản phẩm sẽ tự động tắt nguồn tại một thời điểm nhất định. Thời điểm này có thể được thay đổi theo yêu cầu.

Auto Power Off

Chọn thời lượng màn hình chờ trước khi tắt nếu không phát hiện được tương tác nào của người dùng.

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Fan Settings

MENU  → System → Fan Settings → ENTER 

Fan Settings	
Fan Control	Auto
Fan Speed Setting	100
Outdoor Mode	Off

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Phần này thiết lập các mục liên quan đến tốc độ và nhiệt độ của quạt trong mỗi thiết bị.

Fan Control

Chọn tự động hoặc thủ công để cài đặt tốc độ quạt.

- Auto / Manual

Fan Speed Setting

Cài đặt tốc độ quạt trong khoảng 1 đến 100.

— Kích hoạt khi Fan Control được cài đặt là Manual.

Outdoor Mode

Để sử dụng sản phẩm ở nhiệt độ thấp dưới 0 °C, hãy đảm bảo đặt Outdoor Mode thành "On".

Tính năng này giúp nhiệt độ bên trong của sản phẩm ổn định để sản phẩm có thể khởi động đúng cách khi được bật.

- Off / On

— Không ngắt kết nối cáp nguồn khi tính năng này được đặt thành "On".

— Khi tắt, sản phẩm sẽ tiêu thụ nhiều năng lượng hơn nếu tính năng này được đặt thành "On" so với khi được đặt thành "Off".

External Device Manager

MENU  → System → External Device Manager → ENTER 

External Device Manager

Input Device Manager Auto

Device Connection Manager

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Quản lý các thiết bị ngoại vi đã kết nối với bảng ký hiệu của bạn.

Input Device Manager

Thiết lập bàn phím để sử dụng với sản phẩm của bạn. Bạn có thể thêm bàn phím và đặt cấu hình cài đặt của bàn phím.

— Chỉ sử dụng được cho các kiểu máy có hỗ trợ Bluetooth.

Bluetooth Device List

Kết nối bàn phím, chuột hoặc bộ điều khiển game Bluetooth với sản phẩm của bạn.

Keyboard Settings

Cấu hình cài đặt bàn phím đã kết nối.

- Keyboard Language

Đặt ngôn ngữ của bàn phím.

- Keyboard type

Đặt loại bàn phím.

Mouse Settings

Cấu hình cài đặt chuột được kết nối.

- Primary Button

Chọn nút bạn muốn sử dụng làm nút chính để nhấp và chọn.

- Pointer Speed

Đặt tốc độ của con trỏ chuột.

External Device Manager

Input Device Manager

Auto

Device Connection Manager

Device Connection Manager

Cho phép các thiết bị như điện thoại thông minh và máy tính bảng trên mạng chia sẻ nội dung với sản phẩm của bạn.

Access Notification



Hiển thị thông báo khi một thiết bị như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng được kết nối. Nếu bạn sử dụng mạng Wi-Fi yêu cầu mật khẩu, hãy tắt tùy chọn này để tự động kết nối với thiết bị mà không cần xem thông báo.

Device List

Xem và quản lý các thiết bị được kết nối.

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Play via

MENU  → System → Play via → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

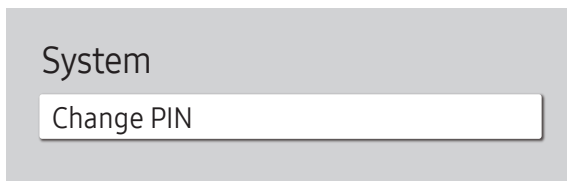
Chọn chế độ **Play via** phù hợp tùy theo môi trường nơi bạn đang sử dụng sản phẩm.

Màn hình chính có thể khác nhau tùy theo cài đặt.

- **MagicInfo**
- **Custom App**

Change PIN

MENU  → System → Change PIN → ENTER 



— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Thay đổi Số nhận diện cá nhân (PIN) 6 chữ số của bạn.



Chọn 6 chữ số bất kỳ cho mã PIN của bạn và nhập mã đó vào **Enter a new PIN..** Nhập lại 6 chữ số trong **Enter the PIN again..**

Sản phẩm đã ghi nhớ mã PIN mới của bạn.

— Số PIN mặc định là "0-0-0-0-0-0".

— Đổi mã PIN để giữ thiết bị được an toàn.

Security


MENU  → System → Security → ENTER 

Security

Safety Lock On

· Power On Button On

Button Lock

Screen Monitoring Lock 

USB Auto Play Lock Off

Mobile Connection Lock

· Screen Mirroring Standby

Remote Management Allow

Secured Protocol Off

· SNMP Settings

Server Security Status

Network Lock Off

USB Lock Off

Certificate Manager

· App Certificate

· Wi-Fi Certificate

Safety Lock On

— Nhập số PIN gồm 6 chữ số. Số PIN mặc định là "0-0-0-0-0-0".

Nếu bạn muốn thay đổi số PIN, hãy sử dụng chức năng **Change PIN**.

— Đổi mã PIN để giữ thiết bị được an toàn.

Bật hoặc tắt **Safety Lock On**. **Safety Lock On** hạn chế những hành động mà điều khiển từ xa có thể thực hiện. Bạn phải nhập mã PIN chính xác để tắt **Safety Lock On**.

Power On Button

Bật tính năng này để cho phép nút Nguồn của điều khiển từ xa bật thiết bị trong khi **Safety Lock On** được bật.

- Off / On

Button Lock

Có thể sử dụng menu này để khoá các nút trên sản phẩm.

Chỉ điều khiển từ xa mới có thể điều khiển sản phẩm nếu **Button Lock** được đặt thành **On**.

Screen Monitoring Lock


Chặn Máy chủ **MagicInfo** giám sát hình ảnh màn hình.

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

USB Auto Play Lock

Chọn có tự động phát nội dung **MagicInfo** được lưu trên thiết bị USB đã kết nối hay không.

— Nội dung của bạn phải là Published Content  được tạo bằng MagicInfo Premium application và xuất bản đến thiết bị USB bạn đang sử dụng. Chương trình MagicInfo Premium application có sẵn trên trang web. (<http://displaysolutions.samsung.com>)

— Khi được xuất bản đến thiết bị USB, Published Content  sẽ được lưu vào các thư mục Contents và Schedules trong thư mục gốc của thiết bị USB được kết nối.

- **Off**

Tự động phát nội dung **MagicInfo** được lưu trên thiết bị USB.

- **On**

Không tự động phát nội dung **MagicInfo** được lưu trên thiết bị USB.

— Kết nối thiết bị USB chứa nội dung **MagicInfo** sẽ hiển thị "**USB Auto Play Lock : On**" trong năm giây.

Mobile Connection Lock

Hạn chế các thiết bị khác trên mạng của bạn, chẳng hạn như điện thoại thông minh và máy tính bảng, để ngăn các thiết bị này chia sẻ nội dung với sản phẩm.

Screen Mirroring Standby

Bật tùy chọn này để nhận yêu cầu kết nối từ mọi loại nguồn.

Remote Management

Bạn có thể **Allow** hoặc **Deny** các lệnh bên ngoài để truy cập sản phẩm qua mạng.

- **Deny / Allow**

Secured Protocol

Bảo mật giao thức giữa thiết bị này và các thiết bị khác.

- **Off / On**

SNMP Settings

Thiết lập ID và mật khẩu cho kết nối SNMP.

Server Security Status

Bạn có thể xem thông tin máy chủ MagicINFO.

— Chức năng này được bật khi được kết nối với máy chủ MagicINFO hoặc RM.

Network Lock

Chặn truy cập mạng bên ngoài. Bạn có thể đăng ký mạng trên máy chủ để cho phép quyền truy cập.

- **Off / On**
 - Hãy đảm bảo đã kết nối sản phẩm với mạng.

USB Lock

Chặn kết nối với cổng USB bên ngoài.

- **Off / On**

Certificate Manager

Quản lý các chứng chỉ cài đặt trên thiết bị này.

- Chỉ hỗ trợ hạn chế cho các kiểu máy có chứng nhận Enterprise WPA2 (TLS/TTLS/PEAP).

App Certificate



Xem và quản lý các chứng chỉ ứng dụng cài đặt trên thiết bị này.

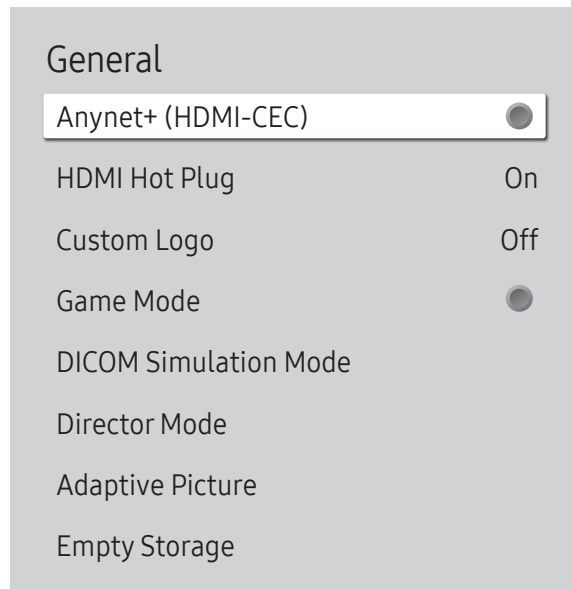
Kết nối với một ổ USB flash có các chứng chỉ để cài đặt chúng trên thiết bị này.

Wi-Fi Certificate

Xem và quản lý các chứng chỉ Wi-Fi cài đặt trên thiết bị này.

General

MENU  → System → General → ENTER 



Anynet+ (HDMI-CEC)

Anynet+ là chức năng cho phép bạn điều khiển tất cả thiết bị Samsung đã kết nối có hỗ trợ Anynet+ bằng điều khiển từ xa dành cho sản phẩm Samsung của bạn. Hệ thống Anynet+ chỉ có thể được sử dụng với các thiết bị Samsung có tính năng Anynet+. Để đảm bảo thiết bị Samsung của bạn có tính năng này, hãy kiểm tra xem có logo Anynet+ trên thiết bị hay không.

- Off (●) / On (●)

- Bạn chỉ có thể điều khiển các thiết bị **Anynet+** bằng điều khiển từ xa của sản phẩm, chứ không phải các nút trên sản phẩm.
- Điều khiển từ xa của sản phẩm có thể không hoạt động trong các điều kiện nhất định. Nếu điều này xảy ra, hãy chọn lại thiết bị **Anynet+**.
- **Anynet+** hoạt động khi thiết bị AV hỗ trợ **Anynet+** đang ở chế độ chờ hoặc trạng thái bật.
- **Anynet+** hỗ trợ tổng cộng tối đa 12 thiết bị AV. Lưu ý rằng bạn có thể kết nối tối đa 3 thiết bị cùng loại.

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Xử lý sự cố đối với Anynet+

Sự cố	Giải pháp có thể
Anynet+ không hoạt động.	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra xem thiết bị có phải là Anynet+ hay không. Hệ thống Anynet+ chỉ hỗ trợ các thiết bị Anynet+.Kiểm tra xem dây nguồn của thiết bị Anynet+ có được kết nối đúng cách không.Kiểm tra kết nối cáp Video/Audio/HDMI của thiết bị Anynet+.Kiểm tra xem Anynet+ (HDMI-CEC) có được đặt thành On trong menu System.Kiểm tra xem điều khiển từ xa có tương thích với Anynet+ hay không.Anynet+ không hoạt động trong các tình huống nhất định. (thiết lập ban đầu)Nếu bạn đã rút, sau đó kết nối lại cáp HDMI, hãy đảm bảo tìm kiếm lại thiết bị hoặc tắt sản phẩm và bật lại.Kiểm tra xem chức năng Anynet+ của thiết bị Anynet có được đặt thành bật không.
Tôi muốn khởi động Anynet+.	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra xem thiết bị Anynet+ có được kết nối đúng với sản phẩm hay không và kiểm tra xem Anynet+ (HDMI-CEC) có được đặt thành On trong menu System không.
Tôi muốn thoát Anynet+.	<ul style="list-style-type: none">Nhấn nút SOURCE trên điều khiển từ xa của sản phẩm và chọn thiết bị không phải là Anynet+.
Thông báo " Disconnecting Anynet+ device ... " xuất hiện trên màn hình.	<ul style="list-style-type: none">Bạn không thể sử dụng điều khiển từ xa khi đang đặt cấu hình Anynet+ hoặc khi đang chuyển sang chế độ xem.Sử dụng điều khiển từ xa sau khi sản phẩm đã hoàn thành việc đặt cấu hình Anynet+ hoặc đã kết thúc chuyển sang Anynet+.
Thiết bị Anynet+ không phát.	<ul style="list-style-type: none">Bạn có thể sử dụng chức năng phát khi quá trình thiết lập ban đầu đang diễn ra.
Thiết bị đã kết nối không được hiển thị.	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra xem thiết bị có hỗ trợ các chức năng Anynet+ hay không.Kiểm tra xem cáp HDMI có được kết nối đúng cách hay không.Kiểm tra xem Anynet+ (HDMI-CEC) có được đặt thành On trong menu System.Tìm kiếm lại thiết bị Anynet+.Anynet+ yêu cầu kết nối HDMI. Đảm bảo thiết bị được kết nối với sản phẩm của bạn bằng cáp HDMI.Một số cáp HDMI có thể không hỗ trợ chức năng Anynet+.Nếu kết nối bị ngắt do có sự cố về điện hoặc cáp HDMI bị ngắt kết nối, hãy quét lại thiết bị.

General

Anynet+ (HDMI-CEC) ☐

HDMI Hot Plug ☒

Custom Logo ☐

Game Mode ☐

DICOM Simulation Mode

Director Mode

Adaptive Picture

Empty Storage

HDMI Hot Plug

Tính năng này được sử dụng để kích hoạt độ trễ thời gian để bật thiết bị nguồn DVI/HDMI.

- **Off / On**

Custom Logo

Bạn có thể tải, chọn, và thiết lập thời gian hiển thị của một biểu tượng t.chính xuất hiện khi sản phẩm được bật lên.

- **Custom Logo**
 - Bạn có thể chọn một biểu tượng t.chính (hình ảnh/video) hoặc tắt hiển thị biểu tượng t.chính.
 - Bạn phải tải biểu tượng t.chính từ thiết bị USB bên ngoài để thiết lập biểu tượng t.chính.
- **Logo Display Time**
 - Nếu loại biểu tượng t.chính là **Image**, bạn có thể thiết lập **Logo Display Time**.
- **Download Logo File**
 - Bạn có thể tải một biểu tượng t.chính vào sản phẩm từ một thiết bị USB bên ngoài.
 - Tên tập tin của biểu tượng t.chính mà bạn muốn tải phải được lưu là "samsung" bằng tất cả các chữ cái nhỏ.
 - Khi có nhiều kết nối USB bên ngoài, sản phẩm sẽ tải biểu tượng t.chính từ thiết bị cuối cùng được kết nối với sản phẩm.

Các giới hạn tập tin biểu tượng t.chính

- Có thể sử dụng hình ảnh có dung lượng lên tới 50 MB.
 - Tập hình ảnh được hỗ trợ: samsung_image.*
 - Phần mở rộng tệp được hỗ trợ: jpg, jpeg, bmp, png
- Có thể sử dụng video có dung lượng lên tới 150 MB. Bạn nên sử dụng video có thời lượng dưới 20 giây.
 - Tập video được hỗ trợ: samsung_video.*
 - Phần mở rộng tệp được hỗ trợ: avi, mpg, mpeg, mp4, ts, wmv, asf

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

General

Anynet+ (HDMI-CEC) ☐

HDMI Hot Plug On

Custom Logo Off

Game Mode ☒

DICOM Simulation Mode

Director Mode

Adaptive Picture

Empty Storage

Game Mode

Khi kết nối với bảng điều khiển trò chơi chẳng hạn như PlayStation™ hoặc Xbox™, bạn có thể thưởng thức trải nghiệm trò chơi trung thực hơn bằng cách chọn chế độ trò chơi.

- Off (●) / On (●)

— Nếu bạn kết nối với các thiết bị ngoại vi khác trong khi đang bật **Game Mode**, màn hình có thể sẽ không hiển thị chính xác.

DICOM Simulation Mode

Điều chỉnh chế độ hiển thị để xuất hình ảnh gần với tiêu chuẩn GSDF của DICOM phần 14.

— Thiết bị này không thể được sử dụng làm thiết bị chẩn đoán y tế, ngay cả khi bật Chế độ mô phỏng DICOM.

Director Mode

Giảm thiểu việc xử lý hình ảnh để hiển thị ý định ban đầu của đạo diễn phim trên màn hình.

Adaptive Picture

Tối ưu hóa độ sáng và cung cấp chất lượng hình ảnh tốt nhất trong thời gian thực, dựa trên độ sáng của môi trường xung quanh.

Khi chức năng này được bật, một số cài đặt hình ảnh sẽ không được hỗ trợ.

Empty Storage

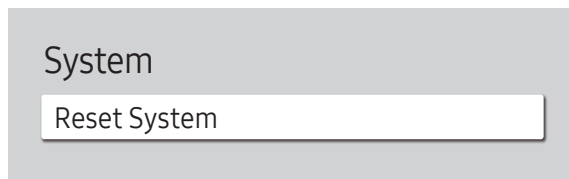
Xóa các tệp để tạo khoảng trống cho các tệp nội dung mới. Các tệp trên lịch trình gần đây sẽ không bị xóa.

— Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Reset System

Khôi phục tất cả cài đặt hệ thống về mặc định.

MENU  → System → Reset System → ENTER 



 Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Chương 10

Hỗ trợ

Software Update

MENU  → Support → Software Update → ENTER 

Menu **Software Update** cho phép bạn nâng cấp phần mềm sản phẩm của mình lên phiên bản mới nhất.

- Cần thận để không tắt nguồn cho đến khi hoàn thành nâng cấp. Sản phẩm sẽ tự động tắt và bật sau khi hoàn thành nâng cấp phần mềm.
- Khi bạn nâng cấp phần mềm, tất cả các cài đặt video và âm thanh bạn đã thực hiện sẽ trở về cài đặt mặc định của chúng. Chúng tôi khuyên bạn nên ghi lại cài đặt của mình để bạn có thể dễ dàng đặt lại chúng sau khi nâng cấp.

Update Now

Cập nhật phần mềm lên phiên bản mới nhất.

- **Current version**: Đây là phiên bản phần mềm đã được cài đặt trong sản phẩm.

Apps

Quản lý và cập nhật các ứng dụng của bạn. Để sử dụng Menu **Apps**, vui lòng đồng ý với Điều khoản và Điều kiện.

Kiểm tra thông tin chi tiết về ứng dụng và cài đặt lại khi ứng dụng hoạt động không đúng cách.

Contact Samsung

MENU  → Support → Contact Samsung → ENTER 

Bạn có thể xem địa chỉ trang web Samsung, số điện thoại của tổng đài, số mẫu sản phẩm, phiên bản phần mềm, Giấy phép nguồn mở và các thông tin khác.

- Truy cập **Contact Samsung** và tìm sản phẩm **Model Code** và **Software Version**.

Terms & Privacy

MENU  → Support → Terms & Privacy → ENTER 

Xem và thiết lập chính sách quyền riêng tư cho MagicInfo và các dịch vụ khác.

— Hãy đảm bảo đã kết nối sản phẩm với mạng.

Device Care

MENU  → Support → Device Care → ENTER 

Tối ưu hóa và chẩn đoán tình trạng Signage của bạn. Bạn có thể kiểm tra và dọn dẹp không gian lưu trữ, chẩn đoán sự cố hoặc yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật.

Reset All

MENU  → Support → Reset All → ENTER 

Tùy chọn này đổi toàn bộ cài đặt hiện tại cho một màn hình về cài đặt xuất xưởng mặc định.

Chương 11

Hướng dẫn xử lý sự cố

-
- Trước khi gọi điện tới Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung, hãy kiểm tra sản phẩm như sau. Nếu vẫn còn vấn đề, hãy liên hệ Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

-
- Nếu màn hình bị trống, hãy kiểm tra hệ thống PC, bộ điều khiển video và cáp.

Các yêu cầu trước khi liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung

Kiểm tra sản phẩm

Kiểm tra xem sản phẩm có hoạt động bình thường không bằng cách sử dụng tính năng kiểm tra sản phẩm.

Nếu màn hình không hiển thị gì khi Đèn LED nguồn / Cảm biến từ xa nhấp nháy mặc dù sản phẩm vẫn được kết nối đúng với PC, hãy kiểm tra sản phẩm.

- 1 Tắt nguồn máy tính và sản phẩm.
- 2 Ngắt kết nối toàn bộ cáp khỏi sản phẩm.
- 3 Bật nguồn sản phẩm.
- 4 Nếu **No Cable Connected** được hiển thị, sản phẩm vẫn hoạt động bình thường.

Kiểm tra độ phân giải và tần số

Not Optimum Mode sẽ được hiển thị văn tắt nếu chọn một chế độ vượt quá độ phân giải được hỗ trợ (tham khảo Chế độ hạn giờ cài sẵn được hỗ trợ).

Kiểm tra những mục sau đây.

Vấn đề về lắp đặt (chế độ PC)

Màn hình liên tục bật và tắt.	Kiểm tra kết nối cáp giữa sản phẩm và PC, và đảm bảo kết nối chắc chắn.
Bạn sẽ thấy các khoảng trống ở cả 4 cạnh của màn hình khi cáp HDMI hoặc HDMI-DVI được kết nối với sản phẩm và PC.	<p>Các khoảng trống trên màn hình không liên quan đến sản phẩm.</p> <p>Máy tính hoặc card màn hình không gây nên các khoảng trống trên màn hình. Để giải quyết vấn đề này, hãy điều chỉnh kích thước màn hình trong các cài đặt HDMI hoặc DVI cho card màn hình.</p> <p>Nếu trình đơn cài đặt card màn hình không có tùy chọn để điều chỉnh kích thước màn hình, hãy cập nhật trình điều khiển card màn hình sang phiên bản mới nhất.</p> <p>(Hãy liên hệ với nhà sản xuất card màn hình hoặc máy tính để biết thêm thông tin chi tiết về cách điều chỉnh cài đặt màn hình.)</p>

Vấn đề về màn hình

No Signal được hiển thị trên màn hình.	<p>Kiểm tra xem sản phẩm có kết nối đúng với cáp chưa.</p> <p>Kiểm tra xem thiết bị kết nối với sản phẩm có bật không.</p>
Not Optimum Mode được hiển thị.	<p>Thông báo được hiển thị khi một tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải và tần số tối đa.</p> <p>Bảng chế độ hẹn giờ cài sẵn được hỗ trợ và cài đặt độ phân giải cũng như tần số tối đa theo thông số sản phẩm.</p>
Hình ảnh trên màn hình bị biến dạng.	Kiểm tra kết nối cáp với sản phẩm.
Màn hình không rõ. Màn hình bị mờ.	Cài đặt độ phân giải và tần số tới mức khuyến cáo.
Màn hình không ổn định và rung.	Kiểm tra xem độ phân giải và tần số của máy tính và card đồ họa có được cài đặt ở mức tương thích với sản phẩm hay không. Sau đó, thay đổi cài đặt màn hình nếu được yêu cầu bằng cách tham khảo Thông tin bổ sung về trình đơn sản phẩm và Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn.
Có bóng hoặc hình ảnh mờ còn lại trên màn hình.	
Màn hình quá sáng. Màn hình quá tối.	Điều chỉnh Brightness và Contrast .
Màu màn hình không đồng nhất.	Đi tới Picture và điều chỉnh cài đặt Colour Space .
Màu trắng trông không hẳn là trắng.	Đi tới Picture và điều chỉnh cài đặt White Balance .

Vấn đề về màn hình

Không có hình ảnh trên màn hình và Đèn LED nguồn / Cảm biến từ xa nhấp nháy trong mỗi 0,5 tới 1 giây.	Sản phẩm đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng.
	Nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím và di chuyển chuột để quay lại màn hình trước.
Sản phẩm sẽ tự động tắt.	Đi tới System và đảm bảo Auto Power Off được đặt thành Off .
	Nếu PC được kết nối với sản phẩm, hãy kiểm tra trạng thái nguồn của PC.
	Đảm bảo cáp nguồn được kết nối đúng cách với sản phẩm và ổ cắm nguồn.
	Nếu không phát hiện thấy tín hiệu từ một thiết bị đã kết nối, sản phẩm sẽ tự động tắt sau 10 đến 15 phút.
Chất lượng hình ảnh của sản phẩm khác với cửa hàng đại lý nơi bán sản phẩm.	Sử dụng cáp HDMI để có chất lượng hình ảnh với độ phân giải cao (HD).
Hiển thị màn hình không bình thường.	Nội dung video mã hóa có thể khiến màn hình hiển thị bị lỗi ở các cảnh đặc trưng bởi các đối tượng di chuyển nhanh như sự kiện thể thao hoặc video hành động.
	Mức tín hiệu thấp hoặc chất lượng hình ảnh thấp có thể khiến màn hình hiển thị bị lỗi. Điều này không có nghĩa là sản phẩm bị hỏng.
	Một điện thoại di động trong bán kính 1 mét có thể tạo ra tĩnh điện trên các sản phẩm kỹ thuật số và analog.
Độ sáng và màu sắc không như bình thường.	Đi tới Picture và điều chỉnh các cài đặt màn hình như Colour Temperature , Brightness và Sharpness .
	Đi tới System và điều chỉnh cài đặt Energy Saving Mode .
	Đặt lại cài đặt màn hình về cài đặt mặc định.
Các đường (đỏ, lục hoặc lam) hiển thị trên màn hình.	Các đường này hiển thị khi có lỗi trong DATA SOURCE DRIVER IC trên màn hình. Liên hệ với Trung tâm Dịch vụ Samsung để giải quyết sự cố.
Màn hình không ổn định, rồi sau đó treo.	Màn hình có thể treo khi sử dụng độ phân giải không phải là độ phân giải được khuyến dùng hoặc nếu tín hiệu không ổn định. Để giải quyết sự cố, thay đổi độ phân giải PC thành độ phân giải được khuyến dùng.
Màn hình không thể hiển thị ở chế độ toàn màn hình.	Tệp nội dung SD được chia tỷ lệ (4:3) có thể tạo ra các thanh màu đen ở cả hai bên của màn hình kênh HD.
	Một video với tỷ lệ khung hình khác với sản phẩm có thể tạo ra các thanh màu đen ở đầu và cuối màn hình.
	Thay đổi cài đặt kích thước màn hình về chế độ toàn màn hình trên sản phẩm hoặc thiết bị nguồn.

Vấn đề với điều khiển từ xa

Điều khiển từ xa không hoạt động.

Đảm bảo rằng pin được đặt đúng chỗ (+/-).

Kiểm tra xem pin đã hết hay không.

Kiểm tra liệu không có điện.

Đảm bảo rằng dây nguồn được kết nối.

Kiểm tra xem có bóng đèn đặc biệt hay ánh đèn neon gần đó hay không.

Vấn đề với thiết bị nguồn

Nghe thấy tiếng bíp khi khởi động máy tính.

Nếu bạn nghe thấy âm thanh bíp khi PC khởi động, hãy đem PC đi bảo dưỡng.

Sự cố khác

Sản phẩm có mùi nhựa.

Mùi nhựa là bình thường và sẽ biến mất qua thời gian.

Âm thanh hoặc video bị cắt từng đợt.

Kiểm tra kết nối cáp và kết nối lại nếu cần.

Sử dụng cáp rất dày và cứng có thể làm hỏng tệp video và âm thanh.

Đảm bảo cáp dẻo đủ để đảm bảo độ bền. Khi lắp sản phẩm vào tường, nên sử dụng cáp vuông góc.

Các hạt nhỏ xuất hiện trên cạnh của sản phẩm.

Các hạt này là một phần của thiết kế sản phẩm. Sản phẩm không bị hỏng.

Khi tôi cố thay đổi độ phân giải PC, thông báo **The defined resolution is not supported** xuất hiện.

Thông báo **The defined resolution is not supported** xuất hiện nếu độ phân giải nguồn đầu vào vượt quá độ phân giải tối đa của màn hình.

Để giải quyết sự cố này, hãy thay đổi độ phân giải PC thành độ phân giải được hỗ trợ trên màn hình.

HDMI Black Level không hoạt động đúng cách trên thiết bị HDMI với đầu ra YCbCr.

Chức năng này khả dụng chỉ khi một thiết bị nguồn, chẳng hạn như đầu phát DVD và STB, được kết nối với sản phẩm qua cáp HDMI (tín hiệu RGB).

Không có âm thanh trong chế độ HDMI.

Màu sắc hình ảnh được hiển thị có thể không như bình thường. Video hoặc âm thanh có thể không có. Điều này có thể xảy ra nếu thiết bị nguồn chỉ hỗ trợ phiên bản cũ của tiêu chuẩn HDMI kết nối với sản phẩm.

Sự cố khác

Cảm biến IR không hoạt động.

Đảm bảo đèn cảm biến bật khi nhấn nút trên điều khiển từ xa.

Nếu đèn cảm biến không bật, hãy tắt công tắc nguồn, rồi sau đó bật lại ở mặt sau sản phẩm.

(Đèn LED nguồn / Cảm biến từ xa phát sáng màu đỏ khi tắt màn hình).

Nếu đèn cảm biến vẫn không bật sau khi tắt công tắc nguồn và bật lại, giắc cắm bên trong có thể bị ngắt kết nối.

Liên hệ với trung tâm dịch vụ gần bạn nhất để bảo trì sản phẩm.

Nếu đèn cảm biến ở trên không lóe sáng màu đỏ khi nhấn nút trên điều khiển từ xa thì cảm biến IR có thể bị hỏng.

Liên hệ với trung tâm dịch vụ gần bạn nhất để bảo trì sản phẩm.

- Chức năng này khả dụng chỉ khi một thiết bị nguồn, chẳng hạn như đầu phát DVD và STB, được kết nối với sản phẩm qua cáp HDMI (tín hiệu RGB).
-

Hỏi & Đáp

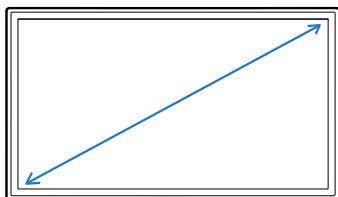
-
- Tham khảo sách hướng dẫn sử dụng cho máy tính hoặc card đồ họa của bạn để biết thêm các hướng dẫn về điều chỉnh.

Câu hỏi	Trả lời
Làm thế nào để thay đổi tần số?	<p>Đặt tần số trên card màn hình.</p> <ul style="list-style-type: none">• Windows 7: Vào Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải → Thiết đặt chuyên sâu → Màn hình và điều chỉnh tần số trong Thiết đặt màn hình.• Windows 8: Vào Thiết đặt → Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải → Thiết đặt chuyên sâu → Màn hình và điều chỉnh tần số trong Thiết đặt màn hình.• Windows 10: Chuyển tới Thiết đặt → Hệ thống → Hiển thị → Thiết đặt hiển thị nâng cao → Thuộc tính bộ điều hợp hiển thị → Màn hình và điều chỉnh Tốc độ làm mới màn hình trong Cài đặt màn hình.
Làm thế nào để điều chỉnh độ phân giải?	<ul style="list-style-type: none">• Windows 7: Chuyển tới Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải và điều chỉnh độ phân giải.• Windows 8: Chuyển tới Thiết đặt → Pa-nen điều khiển → Diện mạo và cá nhân hóa → Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải và điều chỉnh độ phân giải.• Windows 10: Chuyển tới Thiết đặt → Hệ thống → Hiển thị → Thiết đặt hiển thị nâng cao và điều chỉnh độ phân giải.
Làm thế nào để cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng?	<ul style="list-style-type: none">• Windows 7: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong Pa-nen điều khiển → Hình thức và chủ đề → Tùy chỉnh → Cài đặt màn hình chờ hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính.• Windows 8: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong Thiết đặt → Pa-nen điều khiển → Giao diện và cá nhân hóa → Cá nhân hóa → Thiết đặt bảo vệ màn hình hoặc BIOS SETUP trên PC.• Windows 10: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong Thiết đặt → Cá nhân hóa → Màn hình khóa → Thiết đặt thời gian chờ màn hình → Bật & ngủ hoặc BIOS SETUP trên PC.

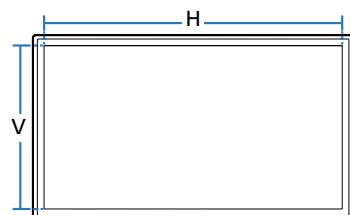
Chương 12

Các thông số kỹ thuật

– Kích thước



– Vùng hiển thị



Thông số chung

Tên môđen		OH24B
Màn hình	Kích thước	Loại 24 (23,8 inch / 60,4 cm)
	Vùng hiển thị	527,04 mm (H) x 296,46 mm (V)
Nguồn điện		AC100-240V~ 50/60Hz Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ : -30 °C – 50 °C (-22 °F – 122 °F) * Khi lắp đặt phần vỏ ngoài, đảm bảo duy trì nhiệt độ bên trong không quá 40 °C. Độ ẩm : 10% – 80%, không ngưng tụ
	Lưu trữ	Nhiệt độ : -20 °C – 50 °C (-4 °F – 122 °F) Độ ẩm : 5% – 95%, không ngưng tụ * Áp dụng trước khi sản phẩm được mở hộp.

- **Cắm và Chạy**

Có thể lắp đặt màn hình này và sử dụng với bất kỳ hệ thống Cắm và Chạy tương thích nào. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa màn hình và hệ thống PC làm tối ưu cài đặt màn hình. Lắp đặt màn hình được tiến hành tự động. Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn.

- Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.
- Để xem thông số kỹ thuật chi tiết của thiết bị, hãy truy cập trang web của Samsung.

Chế độ hẹn giờ cài sẵn

— Có thể cài đặt sản phẩm này về một độ phân giải duy nhất cho mỗi kích thước màn hình để đạt được chất lượng hình ảnh tối ưu do đặc tính của tấm panel. Sử dụng độ phân giải khác độ phân giải được chỉ định có thể làm suy giảm chất lượng hình ảnh. Để tránh hiện tượng này, chúng tôi khuyên bạn nên chọn độ phân giải tối ưu được chỉ định cho sản phẩm của bạn.

- Tần số quét ngang
Thời gian để quét một đường nối cạnh trái với cạnh phải của màn hình được gọi là chu kỳ quét ngang. Số nghịch đảo của chu kỳ quét ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được đo bằng kHz.
- Tần số quét dọc
Sản phẩm hiển thị một hình ảnh nhiều lần trên một giây (như đèn huỳnh quang) để hiển thị những gì người xem nhìn thấy. Tỷ lệ một hình ảnh được hiển thị lặp lại trên một giây được gọi là tần số quét dọc hoặc tỷ lệ làm tươi. Tần số quét dọc được đo bằng Hz.

Tên môđen		OH24B	
Đồng bộ hóa	Tần số quét ngang	15 – 135 kHz	
	Tần số quét dọc	24 – 75 Hz	
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60 Hz	
	Độ phân giải tối đa	3840 x 2160 @ 60 Hz	

Có thể tự động điều chỉnh màn hình nếu tín hiệu thuộc về chế độ tín hiệu tiêu chuẩn sau được truyền từ PC. Nếu tín hiệu được truyền từ PC không ở chế độ tín hiệu chuẩn, màn hình có thể không hiển thị gì khi Đèn LED nguồn / Cảm biến từ xa vẫn sáng. Trong trường hợp đó, hãy thay đổi cài đặt theo bảng sau đây bằng cách tham khảo sổ tay hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA DMT, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA DMT, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA DMT, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA DMT, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA DMT, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA DMT, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
VESA DMT, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA DMT, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA DMT, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA DMT, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA DMT, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA DMT, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA DMT, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA DMT, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA DMT, 1366 x 768	47,712	59,790	85,500	+/+
VESA DMT, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA DMT, 1600 x 900 RB	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA DMT, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA DMT, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+
CTA-861, 3840 x 2160	54,000	24,000	297,000	+/+
CTA-861, 3840 x 2160	56,250	25,000	297,000	+/+
CTA-861, 3840 x 2160	67,500	30,000	297,000	+/+
CTA-861, 3840 x 2160	112,500	50,000	594,000	+/+
CTA-861, 3840 x 2160	135,000	60,000	594,000	+/+

Chương 13

Phụ lục

Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng)

— Khi có yêu cầu dịch vụ, mặc dù đang trong thời gian bảo hành, chúng tôi có thể tính phí bạn đối với việc ghé thăm của kỹ thuật viên dịch vụ trong các trường hợp sau.

Không phải lỗi sản phẩm

Vệ sinh sản phẩm, Điều chỉnh, Giải thích, Cài đặt lại và v.v...

- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ cung cấp hướng dẫn về cách sử dụng sản phẩm hoặc chỉ điều chỉnh các tùy chọn mà không tháo rời sản phẩm.
- Nếu lỗi là do các yếu tố môi trường bên ngoài gây ra (Internet, Anten, Tín hiệu có dây, v.v...)
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại hoặc thiết bị được kết nối thêm sau khi cài đặt sản phẩm đã mua lần đầu tiên.
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại để chuyển đến một địa điểm khác hoặc để chuyển đến nhà khác.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng do sản phẩm khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng mạng hoặc chương trình khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu thiết lập và cài đặt phần mềm cho sản phẩm.
- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ loại bỏ/lau sạch bụi bẩn hoặc vật thể lạ bên trong sản phẩm.
- Nếu khách hàng yêu cầu cài đặt thêm sau khi mua sản phẩm thông qua mua hàng từ xa hoặc trực tuyến.

Hỏng hóc sản phẩm do lỗi của khách hàng

Hỏng hóc sản phẩm do khách hàng sử dụng hoặc sửa chữa không đúng cách.

Nếu hỏng hóc sản phẩm do;

- Tác động bên ngoài hoặc rơi.
- Sử dụng thiết bị hoặc sản phẩm bán riêng không được chỉ định bởi Samsung.
- Sửa chữa từ một người không phải là kỹ sư của công ty dịch vụ bên ngoài hoặc đối tác của Samsung Electronics Co., Ltd.
- Tu sửa hoặc sửa chữa sản phẩm bởi khách hàng.
- Sử dụng sản phẩm với kết nối điện áp không chính xác hoặc không được chỉ định.
- Không tuân thủ "thận trọng" trong Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

Khác

- Nếu sản phẩm hỏng do thiên tai. (sét, hoả hoạn, động đất, lũ lụt, v.v...)
- Nếu các thành phần có thể thay thế được đều đã được sử dụng hết. (Pin, Chất liệu màu, Đèn huỳnh quang, Đầu đọc, Màn hình, Đèn, Bộ lọc, Ruy băng, v.v...)

— Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ trong trường hợp sản phẩm không bị lỗi, phí dịch vụ có thể được tính. Vì vậy, trước tiên hãy đọc Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

Ngăn chặn hiện tượng lưu ảnh

Hiện tượng lưu ảnh là gì?

Hiện tượng lưu ảnh sẽ không xuất hiện khi bảng điều khiển hoạt động bình thường. Hoạt động bình thường có nghĩa là kiểu ảnh video thay đổi liên tục. Nếu bảng điều khiển chỉ hiển thị một kiểu ảnh trong thời gian dài, sự chênh lệch điện áp nhỏ có thể xảy ra giữa các điện cực trong điểm ảnh điều khiển tinh thể lỏng.

Sự chênh lệch điện áp giữa các điện cực đó sẽ tăng dần theo thời gian và làm cho tinh thể lỏng mỏng dần đi. Khi hiện tượng này xảy ra, hình ảnh trước đó có thể vẫn được hiển thị trên màn hình khi kiểu hình ảnh thay đổi.



Hướng dẫn ngăn ngừa hiện tượng lưu ảnh: Xem một kiểu màn hình trong thời gian dài có thể dẫn đến hiện tượng lưu ảnh. Vấn đề này không thuộc chính sách bảo hành.

Biện pháp ngăn ngừa đề xuất.

Xem một kiểu màn hình trong thời gian dài có thể dẫn đến hiện tượng lưu ảnh hoặc nhòe hình. Nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài, hãy tắt nguồn hoặc kích hoạt chế độ Tiết kiệm điện hoặc Trình bảo vệ màn hình bằng hình ảnh động.

- Thường xuyên thay đổi màu.



- Tránh kết hợp màu văn bản và màu nền có độ sáng tương phản.

— Tránh sử dụng các màu sắc có độ sáng tương phản (màu đen và trắng; màu xám và đen).



FLIGHT : TIME
SAMSUNG : 20:30



FLIGHT : TIME
SAMSUNG : 20:30

License



Dolby, Dolby Atmos, Dolby Audio and the double-D symbol are registered trademarks of Dolby Laboratories Licensing Corporation. Manufactured under license from Dolby Laboratories. Confidential unpublished works. Copyright © 2012-2021 Dolby Laboratories. All rights reserved.



The terms HDMI and HDMI High-Definition Multimedia Interface, and the HDMI Logo are trademarks or registered trademarks of HDMI Licensing Administrator, Inc. in the United States and other countries.

Lưu ý về giấy phép mã nguồn mở

Trong trường hợp sử dụng phần mềm mã nguồn mở, các giấy phép mã nguồn mở được cung cấp trong menu của sản phẩm.

Để biết thông tin về Thông báo giấy phép nguồn mở, hãy liên hệ với Samsung Open Source (<http://opensource.samsung.com>)



SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC BÁN VỚI GIẤY PHÉP GIỚI HẠN VÀ CHỈ ĐƯỢC CHO PHÉP SỬ DỤNG ĐỂ KẾT NỐI VỚI NỘI DUNG HEVC ĐÁP ỨNG ĐƯỢC BA TIÊU CHUẨN NHƯ SAU: (1) NỘI DUNG HEVC CHỈ SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH CÁ NHÂN; (2) NỘI DUNG HEVC KHÔNG NHẪM ĐỂ MUA BÁN; VÀ (3) NỘI DUNG HEVC CONTENT ĐƯỢC TẠO RA BỞI NGƯỜI SỞ HỮU SẢN PHẨM.

SẢN PHẨM NÀY KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ KẾT NỐI VỚI NỘI DUNG HEVC MÃ HÓA ĐƯỢC TẠO BỞI BÊN THỨ BA, MÀ NGƯỜI DÙNG ĐÃ ĐẶT HOẶC MUA TỪ BÊN THỨ BA, TRỪ KHI NGƯỜI DÙNG ĐƯỢC CẤP PHÉP RIÊNG ĐỂ SỬ DỤNG SẢN PHẨM VỚI NỘI DUNG NHƯ VẬY BỞI NGƯỜI BÁN NỘI DUNG ĐƯỢC CẤP PHÉP.

VIỆC BẠN SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY KẾT NỐI VỚI NỘI DUNG HEVC MÃ HÓA ĐƯỢC XEM LÀ ĐÃ CÓ SỰ CHẤP THUẬN ỦY QUYỀN HỮU HẠN ĐỂ SỬ DỤNG NHƯ ĐÃ NÊU PHÍA TRÊN.

Thuật ngữ

480i / 480p / 720p / 1080i /

1080p_____ Mỗi tốc độ quét ở trên nói đến số lượng đường quét có hiệu quả quyết định độ phân giải của màn hình. Tốc độ quét có thể được thể hiện bằng i (quét xen kẽ) hoặc p (quét liên tục), tùy thuộc vào phương pháp quét.

-Quét

Quét là quá trình gửi điểm ảnh đi để tạo nên hình ảnh liên tục. Một số lượng lớn điểm ảnh sẽ mang lại hình ảnh rõ nét và sinh động hơn.

-Quét liên tục

Ở chế độ quét liên tục, tất cả các đường điểm ảnh được quét lần lượt (liên tục) trên màn hình.

-Quét xen kẽ

Ở chế độ quét xen kẽ, mỗi đường điểm ảnh sẽ được quét từ đầu đến cuối màn hình, sau đó các đường chưa được quét còn lại sẽ được quét.

Chế độ quét không xen kẽ và chế độ quét xen kẽ_____ Chế độ quét không xen kẽ (quét liên tục) hiển thị đường ngang từ đầu đến cuối màn hình một cách liên tục. Chế độ quét xen kẽ hiển thị các đường có thứ tự lẻ trước và sau đó hiển thị các đường có số thứ tự chẵn. Chế độ không xen kẽ chủ yếu được sử dụng ở màn hình vì nó tạo ra độ rõ nét cho màn hình và chế độ xen kẽ chủ yếu được sử dụng ở TV.

Khoảng cách điểm_____ Màn hình bao gồm các điểm màu đỏ, xanh lục và xanh lam. Khoảng cách ngắn giữa các điểm tạo nên độ phân giải cao. Khoảng cách điểm tức là khoảng cách ngắn nhất giữa các điểm của cùng một màu. Khoảng cách điểm được đo bằng mili mét.

Tần số dọc_____ Sản phẩm hiển thị một hình ảnh duy nhất nhiều lần trong một giây (giống như ánh sáng huỳnh quang nhấp nháy) nhằm hiển thị hình ảnh cho người xem nhìn. Tỷ lệ một hình ảnh được hiển thị lặp lại trên một giây được gọi là tần số quét dọc hoặc tỷ lệ làm tươi. Tần số quét dọc được đo bằng Hz.

Ví dụ: 60 Hz có nghĩa là một hình ảnh duy nhất được hiển thị 60 lần trong 1 giây.

Tần số ngang_____ Thời gian để quét một đường nối cạnh trái với cạnh phải của màn hình được gọi là chu kỳ quét ngang. Số nghịch đảo của chu kỳ quét ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được đo bằng kHz.

Nguồn_____ Nguồn tín hiệu đầu vào là thiết bị nguồn video được kết nối với sản phẩm chẳng hạn như máy quay video xách tay, máy chạy DVD hoặc video.

Cắm và chạy_____ Cắm và chạy là một chức năng cho phép sự trao đổi thông tin tự động giữa một màn hình và PC để tạo ra môi trường hiển thị tối ưu. Sản phẩm sử dụng VESA DDC (tiêu chuẩn quốc tế) để chạy chức năng Cắm & Chạy.

Độ phân giải_____ Độ phân giải là số lượng điểm ngang (điểm ảnh) và số lượng điểm dọc (điểm ảnh) tạo nên màn hình. Nó biểu thị mức độ chi tiết của màn hình hiển thị. Độ phân giải cao cho phép nhiều dữ liệu được hiển thị trên màn hình hơn và độ phân giải cao rất hữu ích cho việc thực hiện đồng thời nhiều tác vụ.

Ví dụ, độ phân giải 1920 X 1080 bao gồm 1,920 điểm ảnh ngang (độ phân giải ngang) và 1,080 điểm ảnh dọc (độ phân giải dọc).

DVD (Đĩa Kỹ thuật số Đa năng)_____ DVD là một đĩa lưu trữ dữ liệu lớn có kích thước bằng đĩa CD, trong đó bạn có thể lưu các ứng dụng đa phương tiện (âm thanh, hình ảnh hoặc trò chơi) bằng cách sử dụng công nghệ nén video MPEG-2.

HDMI (Giao diện đa phương tiện độ phân giải cao)_____ Đó là giao diện có thể được kết nối với nguồn âm thanh kỹ thuật số và nguồn video có độ phân giải cao bằng cách sử dụng một cáp đơn không nén.

Điều khiển đa màn hình (MDC)_____ MDC (Điều khiển đa màn hình) là một ứng dụng cho phép bạn điều khiển nhiều thiết bị hiển thị cùng một lúc bằng cách sử dụng một máy tính cá nhân (PC). Khi bạn sử dụng cáp RS232C (truyền dữ liệu nối tiếp) và cáp RJ45 (LAN) thì sẽ có sự truyền thông tin giữa PC và màn hình.